

SỐ 1729

QUÁN ÂM NGHĨA SỚ KÝ

Sa-môn Tri Lễ ở Tứ Minh đời Tống soạn

QUYỂN 1

Giải thích Sớ có hai: Một là Giải thích đề mục, có hai: Thứ nhất - Chính là giải thích đề mục. Nghĩa ấy là thích nghi, nghĩa là giải thích văn kinh khiến cho thích hợp, đồng thời là nghĩa lý. Vì đây là Trí Giả nhập Pháp Hoa Tam-muội, ở trong địa vị Quán Hạnh thấy lý đệ nhất nghĩa, dùng lý này giải thích văn kinh này. Sớ ấy là từ của thông ý. Nhưng âm Sớ, chính là nghĩa của sự khơi thông chú giải rành mạch. Hai là có hai người nói và ghi lại. Giải thích Sớ văn, có hai: Một là dự định phân chia chương đoạn, có hai: Đầu tiên nói về ba đoạn của hai nhà chú giải. Phẩm này đã là Sấm sư vì Bắc Lương ngăn trở hết sức được lánh đi, tách biệt truyền lại ở đời, cho nên từ đời Lương - Trần đến nay người giải thích rất nhiều, thế là phân biệt trích lọc văn kinh thành ba đoạn có khác nhau. Hai là từ “Nay, Sư v.v...” trở xuống là nêu ra Thiên Thai có nhiều loại, có hai: Một là nói rộng về nhiều loại phân chia văn. Hai là từ “Nếu làm v.v...” trở xuống là y cứ rộng vào tiết mục hai đoạn. Từ “Căn cứ trước v.v...” trở xuống là chính thức giải thích văn kinh, có hai: Một. Lần hỏi đáp trước, có hai: Một là phân khoa. Từ “Một là bấy giờ v.v...” trở xuống tùy theo đó giải thích, có hai: Một Thừa hỏi, có bốn: Đầu tiên là thời gian, có hai: Một là Giải thích nghĩa chữ. Hai là từ “Tức là v.v...” trở xuống nói về tất-đàn, có hai: Đầu tiên giải thích riêng về Tướng, có bốn: Một là thế giới, phương Đông - phương Tây - tùy cơ ưa muốn. Hai là từ “Hoặc có thể v.v...” trở xuống là vì người,

hoặc có căn tánh nghe về phẩm trước đây rồi được thế giới Tất-đàn, cho nên nói là vui mừng xong; nay nghe phẩm này lần sinh ra nghiệp thiện vốn có. Ba là từ “Hoặc có thể v.v...” trở xuống là đối trị, phá bỏ nghi ngờ hiểu rõ sự việc là thuộc về đối trị, phá bỏ nghi ngờ nhận ra lý là thuộc về đệ nhất nghĩa, nay thuận theo hiểu rõ việc thích hợp với tất-đàn thứ ba. Bốn là từ “Hoặc có thể v.v...” trở xuống là nghĩa đệ nhất. Hai cõi: Nghĩa là Tịnh Quang Trang Nghiêm độ tám muôn bốn ngàn tùy theo Diệu âm; Hoa Đức và bốn muôn hai ngàn Thiên tử cõi này, nhờ Bồ-tát ấy qua lại đạt được đạo, nay tám muôn người phát tâm giác ngộ tại Quán Âm.

Từ “Chư Phật v.v...” trở xuống là nói chung về tất-đàn. Như-lai giống như trống - bốn cơ giống như dùi trống, có đánh vào trống từng tiếng từng tiếng không phát ra lẻ loi, nay chính là lúc bốn cơ hợp với Phật. Hai là nêu người, có hai: Một là Giải thích tên riêng, có ba: Thứ nhất là Trung đạo đối với Tiểu. Tên gọi của Bồ-tát này do chứng đạt Trung đạo mà đặt ra, Trung đạo chắc chắn không nghiêng lệch, nay nghiêng lệch thuận tên Vô Tận là đối với Tiểu thừa, là diệt tất cả pháp chỉ làm nổi bật Trung đạo, vì tánh vô tận. Tiểu thừa tận trí: Nghĩa là mình thấy khổ rồi, dứt tập rồi, chứng diệt rồi - tu đạo rồi, lúc nghĩ như vậy thì trí tuệ vô lậu kiến, minh, giác. Vô sanh trí: Nghĩa là mình đã thấy khổ không thể trở lại tiếp tục thấy, đã dứt tập không thể còn tiếp tục dứt, đã không chứng diệt hết không thể còn tiếp tục chứng, đã tu đạo không thể tu hơn nữa, lúc nghĩ như vậy trí tuệ vô lậu kiến, minh, giác. Từ “Lại nói v.v...” trở xuống là ba đế sáng tỏ trọn vẹn, có hai: Một là nêu chung. Hai là từ “Đại Phẩm v.v...” trở xuống là nêu riêng, có ba: Một là Viên Không vô tận lựa chọn phân tích nêu ra Thể cho nên nói chính sắc là Không. Phải biết rằng Thể Không khai triển thông suốt ba giáo. Thông giáo thì chỉ có Thể sanh tử tức là Không, đây là nghiêng về Không. Biệt - Viên giáo thường là thể Niết-bàn cũng không, đây là ở giữa Không. Lìa xa bờ mé thuộc về Biệt - ngay nơi bờ mé thuộc về Viên, nay ở tại Viên. Viên Trung gọi là Không - không này là Vô tận. Hai là từ “Lại Đại v.v...” trở xuống là Viên Giả vô tận, có hai: Một là dẫn kinh nêu ra tướng, có ba: Đầu tiên Đại Tập dựa theo quyển tám mươi nói về Giả, có hai: Thứ nhất sự tu tập của bốn độ, đây là diệu giả đầy đủ đối với ba quán, bất diệt cho nên Giả, bất sanh cho nên Không, bất xuất cho nên Trung. Vì Không di động ra hai bên. Quán này quán sát Phật, đầy đủ quán sát ba thân, đến địa vị phần chứng gọi là thấy Phật, tất cả Phật pháp chẳng pháp nào không hiện tiền, tạm thời nêu ra

Lục độ mà thôi. Hai là từ “Thân Tử v.v...” trở xuống dựa vào pháp đặt ra tên gọi, có hai: Một là Thân Tử thừa hỏi, Hai là Bồ-tát trả lời. Vốn có nguyện hạnh rõ ràng, nguyện hạnh vô tận, tên gọi từ đây đặt ra. Nhân duyên quả báo tức là dựa vào khổ - tập lập thành thệ nguyện, nhân duyên là tập, quả báo là khổ, vì tất cả đều dựa vào diệt mà đặt ra thệ nguyện, dùng Nhất-thiết-trí và pháp ngũ phần đến Phật quả. Chúng sanh tánh về sau dựa vào đạo đặt ra thệ nguyện, vì thuận theo pháp tánh giáo hóa chúng sanh biết được đạo pháp, đều gọi là phát tâm, biết là đặt ra thệ nguyện. Từ “Lại Đàn v.v...” trở xuống là dựa vào thệ lập hạnh, muôn hạnh đều là Đàn gồm nhiếp ngang nhau, xứng hợp hạnh Ba-la-mật đến quả. Hoặc là nguyện hoặc là hạnh đều vô tác cho nên mới được vô tận. Từ “Phàm bát v.v...” trở xuống là kết thúc nguyện hạnh ở trên, đều chính là pháp giới, vì thế cho nên đều bao gồm tất cả Phật pháp. Từ “Lại Tịnh v.v...” trở xuống là Tịnh Danh dựa theo hai để nói về Giả, Hữu vi là Tục đế có thể tận cùng, Vô vi là Chân đế không thể tận cùng, trí Tiểu thừa nông cạn, tận cùng nơi hữu vi trú vào nơi vô vi, cho nên quay về hủy diệt trừ bỏ (khôỉ đoạn). Người bên Viên giáo quán Tục đế tức là Diệu Hữu, cho nên thực hành muôn hạnh, quán Chân đế thường đạt được Chân của Bất không, vì thế cho nên không trú vào ba hố sâu của vô vi, vì thế hai đế đều là thường trụ bất tư nghị Giả, cho nên gọi là vô tận. Ba là Hoa Nghiêm dựa theo Thập Tạng nói về Giả. Tân Kinh quyển hai mươi phẩm Thập Vô Tận Tạng chép: “Bồ-tát có mười loại tạng, ba đời chư Phật đều nói, đó là Tín tạng - Giới tạng - Tâm tạng - Quý tạng - Văn tạng - Thí tạng - Tuệ tạng - Niệm tạng - Trì tạng - Biện tạng”. Cho đến chép: “Mười thứ vô tận tạng này có mười thứ vô tận, khiến cho các vị Bồ-tát rốt ráo Bồ-đề. Mười thứ vô tận là? Vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, vì hồi hướng bốn nguyện nhiếp thiện, vì tất cả các kiếp không dứt bật, vì tận cùng hư không giới tâm đều khai ngộ không giới hạn, vì hồi hướng hữu vi mà không vướng mắc, vì nhất niệm cảnh giới tất cả các pháp không cùng tận, vì tâm đại nguyện không thay đổi khác nhau, vì cố gắng gồm nhiếp chọn lấy các Đà-la-ni, vì được tất cả chư Phật hộ niệm, vì hiểu rõ tất cả các pháp đều như huyễn. Đây là mười thứ pháp vô tận, có thể khiến cho những gì mà tất cả thế gian thực hiện đều được rốt ráo vô tận đại tạng”. Hai là từ “Như các kinh này v.v...” trở xuống là kết thúc kinh nói về Giả. Ba là từ “Lại như v.v...” trở xuống là Viên Trung vô tận, có hai: Một là dẫn kinh nêu ra Tướng, có bốn: Thứ nhất là kinh Thắng-man dựa theo Phật pháp để nói về Trung. Vì tất cả các pháp đều là Phật pháp, pháp không gì không

Trung, Trung cho nên thường trú, thường trú cho nên vô tận. Hai là Đại Phẩm dựa theo pháp giới nói về Trung. Thể của pháp giới là đại tổng tướng cho nên các pháp đều hướng về, như đưa ra cương lĩnh thì hạng mục bé nhỏ đều quay về, tạo ra cảnh giới đều Trung thì pháp nào chẳng nhóm họp; nay chỉ nói ý vì để giải thích kinh, ý là pháp giới thì lý chắc chắn song phi (cả hai chẳng phải). Danh vô tận: Danh thiên ý viên cho nên ví như Chân thường thật không có bờ mé, trái ngược, nay giải thích vô tận trên dưới đều như thế. Ba là Tịnh Danh nêu ra ngay nơi bờ mé là Trung, đương thể Không - Hữu đều là Viên Trung, tánh Trung không thay đổi, há có thể có tận cùng. Vô tận này gột sạch tình của hai bên, vì thế cho nên không tận, và bất tận. Từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc thành tựu Viên Trung là Chân vô tận. Bốn là Đại Phẩm nói các pháp đều Trung. Toàn bộ Thể của tu ác là tánh ác, mười hai nhân duyên cho đến năm ấm, mỗi pháp như hư không thường trú rộng khắp thì chẳng phải nghĩa của đương tông, văn này chớ hiểu như thế. Hai là từ “Như đây v.v...” trở xuống là kết thúc kinh nói về Trung. Ba là từ “Thông đạt v.v...” trở xuống là thuận theo đức lập ra tên gọi, có hai: Một là Chính thức lập ra tên gọi, Ý của năng đạt thuận theo pháp sở đạt, được gọi là Vô Tận. Người học phải hiểu rõ, ý tức là ba đế không phân biệt sở đạt, năng đạt cũng không, nếu điều đó không phải như vậy thì chẳng phải Vô tận ý. Hai là từ “Cũng gọi là v.v...” trở xuống là ví dụ các pháp. Tâm - trí - năm ấm và tất cả các pháp đã chính là ba đế cho nên đều được đặt ra tên gọi Vô Tận. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là giải thích tên gọi thông thường, có ba: Một là Đối chiếu Phạn văn phiên dịch tên gọi. Hai là Dựa theo Hoa ngữ giải thích nghĩa, có hai: Thứ nhất giải thích chúng sanh, có hai: đầu tiên nói chung về nhân quả, năng sanh thật pháp - sở sanh giả nhân, bắt đầu từ người phạm cuối cùng đến người tôn cực, không ai không từ nơi các pháp mà sanh. Hai là nói riêng về Bồ-tát, từ vô tận các hành mà sanh, nên gọi là chúng sanh. Từ “Phát tâm v.v...” trở xuống là giải thích tên gọi khác. Lại dựa theo trên câu dưới hóa mà giải thích, trước dùng các hành sanh ra người giả là mình, nay dùng đạo pháp thành tựu chúng sanh là người khác. Giải thích mở rộng như trên. Ba là nghi thức cung kính, có hai: Một là Phân kinh; Hai là từ “Đứng dậy v.v...” trở xuống là tùy theo giải thích, có ba: Một là giải thích về khởi, thân có hai: Đầu tiên là Sự giải thích. Lễ tức là cúi mình lễ lạy. Đại sư chép: “Thỉnh nghiệp thì khởi - thỉnh ích thì khởi.” Trịnh Thị chú thích: Tôn sư trọng đạo, khởi như hiện tại vén y trước khi thỉnh. Nghiệp là biên chép thành thiên quyển, ích nghĩa là được giới

thiệu mà không hiểu, muốn thầy tiếp tục giải thích rõ ràng. Nay Vô Tận Ý muốn thỉnh cầu việc làm lợi ích người khác của Quán Âm, vì muốn thực hành Bồ-tát lợi ích cho tâm mình, đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Hai là Quán giải thích, có ba: Một là dựa theo Không luận nghĩa khởi, vẫn có hai ý: Trước là nói về quán Không chẳng vướng mắc các pháp; kế là nói về quán Không tự không mê đắm vào Không, vì thế gọi là khởi. Hai là từ “Lại Bồ-tát v.v...” trở xuống dựa theo Giả luận nghĩa khởi, tức là không khởi lên diệt định hiện rõ các oai nghi. Ba là từ “Lại Trung v.v...” trở xuống dựa theo Trung luận mà khởi. Trung đạo ngăn dứt hay soi chiếu đều dứt đối đãi, cho nên khởi hay chẳng có khởi không gì chẳng phải Trung đạo thật sự, chính là soi chiếu của ngăn dứt, gọi là khởi của không khởi. Khởi này tự mình có thể khởi phát Trung đạo thật sự, cũng có thể khiến cho người khởi phát Trung đạo thật sự.

Từ “Vén y bày vai phải v.v...” trở xuống giải thích nghĩa vén y, có hai: Một là Giải thích về Sự, có hai: Đầu tiên dựa theo cõi nước phía Tây. Hai là từ “xứ này v.v...” trở xuống là dựa theo Trung Hoa. Nói Tu Giả tạ lỗi Trương Nghi ấy là hợp lại nói sai tên chữ của Trương Lộc, vốn là Phạm Tuy người nước Ngụy, ban đầu làm quan nước Ngụy cùng với Trung đại phu Tu Giả đi sứ ở nước Tề, Tề lấy Tuy làm người hiền, thưởng riêng cho vàng và ngọc bích cùng với trâu rượu, Tu Giả ganh tị nên tức giận, đi sứ trở về gièm pha Tuy với tướng Ngụy là Ngụy Tề: Phạm Tuy đem sự việc bí mật của Ngụy nói cho Tề biết. Ngụy Tề rất tức giận, cắt sườn bẻ răng vòng chiếu tre cuộn lại vứt trong nhà xí, Tuy không chết xin người coi nhà xí đưa ra, Tuy đã được thoát, thay đổi họ tên gọi là Trương Lộc, đi theo sứ Tần là Vương Kê, đến nước Tần gặp mặt Chiêu Vương, Chiêu Vương vui sướng bái làm khách công khanh, dần dần chuyển làm Tả Thừa Tướng. Sau đó, Tu Giả đi sứ sang Tần, Tuy bèn mặc áo quần cẩn thận mà ra chống gậy ở đường gập, Tu Giả nhìn thấy quá đổi kinh hãi. Hỏi Tuy: Lại nói về Tần ư? Tuy chếp: Người trốn đi nơi khác được khởi chết mà thôi, đâu dám nói đến Tần ư? Lại hỏi Tuy: Tướng Tần Trương quân tử có biết hay chẳng? Tuy chếp: Chủ nhân ông cũng được tiếp xúc gần gũi. Tu Giả chếp: Nay muốn nhờ ông thỉnh cầu yết kiến Trương quân, thế là cùng nhau đến dưới xe. Người giữ cổng kinh hãi đứng lên nghiêm sắc mặt. Tu Giả nghi ngờ. Tuy nhập vào mà không ra. Tu Giả hỏi môn khách biết là tướng Tần thì thất sắc, run rẩy cởi mũ, trần mình bày thịt trên người vén áo xin vào tạ tội. Tuy bèn trách mắng rồi tha cho, cho đến khi Tu Giả đi sứ trở về, Tuy chếp: Vì ta báo với vua Ngụy, ra lệnh chém Ngụy Tề, nếu không thì ta đem

quân đánh Ngụy. Ngụy Tề sau đó quả là tự thất cổ chết, Ngụy Vương chặt đầu chuyển cho Tần. Theo quán Giải thích: Dùng sự biểu hiện Lý đã thành tựu pháp môn, có thể tu quán cho nên gọi là quán giải.

Kế là giải thích về “chấp tay”, có hai: Một là Giải thích có hai: Đầu tiên là giải thích về Sự; Hai là quán giải thích, có hai: Một là Biểu hiện quyền thật, xưa chia ra nay hợp lại thuận theo bộ biểu hiện quán, trăm cõi một niệm quyền thật phù hợp không sai. Hai là từ “Lại năm v.v...” trở xuống là biểu thị Sự - Lý. Mê khác ngộ kết hợp, pháp tánh năm ấm phàm Thánh lẽ nào khác ư? Nhưng bậc Thánh ra ngoài ràng buộc mà chúng sanh đang còn đắm nhiễm, tánh ấm trong đắm nhiễm khởi lên ấm sanh tử để làm năng cảm, vì thế khiến cho Thánh nhân ra khỏi ràng buộc của thật ấm khởi lên quyền ấm mà làm năng ứng cảm. Nếu trở lại tánh ứng thì quay về chân, cho nên dùng hai bàn tay biểu thị cho nay mới hợp lại, muốn giúp cho người thực hành tập tức quán sự ấm, kết hợp với tánh ấm. Hai là giải thích “Hương Phật”: Văn chỉ giải thích quán mà lại có hai ý: đầu tiên là nói thẳng về nghĩa hương Phật, kế đến bao gồm nghĩa chấp tay để trình bày nghĩa của Hương.

Kế chính là thưa hỏi, có hai: Một là Phân văn lập ý, có ba: Đầu tiên bao gồm chung phần tiết. Hai là từ “Đại Kinh v.v...” trở xuống là hỏi đáp về công đức. Ba là từ “Thích luận v.v...” trở xuống là lựa chọn nêu ra câu hỏi hiện nay. Từ “Thế Tôn v.v...” trở xuống dựa vào văn giải thích nghĩa, có ba: Một là Giải thích khen ngợi. Từ “Quán Thế v.v...” trở xuống là giải thích lời thưa hỏi. Từ “Nhân gì v.v...” trở xuống chính là giải thích Câu hỏi, có hai: Đầu tiên là hỏi nhân duyên có thể thành tựu, có hai: Một là Phân tách chọn lấy cảnh trí, cảnh là cơ cảm trí là Thánh ứng, cảm ứng gọi là hạn cục - nhân duyên thì thông suốt. Hai là từ “Nếu căn cứ v.v...” trở xuống là Phàm Thánh thông suốt lẫn nhau, nhân gần gũi duyên sơ sai cùng nói về nhân phát ra, cùng nói về duyên trợ giúp. Từ “Gọi là Quán v.v...” trở xuống là hỏi về danh hiệu đã thành lập, nhân duyên là thật pháp, danh hiệu là giả nhân, nắm lấy thật trở thành giả.

Đức Phật trả lời, có hai: Đầu tiên là phân khoa. Hai là từ “Số là v.v...” trở xuống là tùy đó giải thích, có ba: Một là trả lời chung, có hai: Đầu tiên dựa vào văn, có hai: Thứ nhất nói về cơ, có bốn: Trước tiên nêu lên nhân số, có hai: Một là Nêu ra số nhiều, có ba: Một là lặp lại kinh sơ lược chỉ ra, văn kinh vốn nêu ra trăm ngàn muôn ức, chẳng phải nói là mười pháp giới cùng có số này, bởi lẽ dựa vào một nghiệp có số người như vậy. Hai là từ “Như một v.v...” trở xuống là cùng nhận chịu

một khổ đau, lấy khổ đau nghiệm xét người biết cùng một nghiệp. Nếu không phải như vậy sao có thể nhận chịu một loại khổ đau như nhau được? Ba là từ “Đem ý này v.v...” trở xuống lấy ví dụ về các đường. Từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là nói nhiều ý. Phạm Địa phát tâm còn có thể gồm nhiếp rộng khắp, trong quả cứu giúp cho vật lẽ nào có những thiếu sót? “Cảnh nhiều v.v...” là củi cơ nếu nhiều thì lửa ứng chắc chắn cháy mạnh. Hai là gặp khổ nạn, có hai: Một là Thành tựu nghĩa trước hiển bày vô lượng, có hai: Đầu tiên là dùng nghiệp riêng bao gồm chịu đựng như nhau. Trước nói trăm ngàn là nghiệp giống nhau, cùng nhau nhận chịu một khổ nạn. Nay nói các khổ, tức là có nhiều trăm ngàn muôn ức. Từ “Dùng ý này v.v...” trở xuống là lấy ý này trải qua mười pháp giới, từng pháp giới một có nhiều trăm ngàn muôn ức, Hoa Nghiêm nói số cao nhất đến Bất khả thuyết bất khả thuyết. Từ “Nay nói v.v...” trở xuống là đối chiếu trả lời riêng làm nổi bật nghĩa bao gồm rộng khắp, có hai: Một là nói trả lời chung, văn tóm lược mà ý mở rộng. Ở trên nói các khổ nạn thật sự khắp cả mười pháp giới, khổ do hoặc nghiệp tức là nói lên có thể thoát khỏi ba chướng của mười pháp giới, mở rộng há vượt qua nơi này? Hai là Sau đó trả lời riêng, văn mở rộng mà ý thu hẹp trả lời riêng về bảy nạn. Dựa theo quán hạnh giải thích đầu tiên chung cả ba thừa, nay trả lời chung văn bao gồm mười pháp giới. Ba là nghe tên gọi, có hai: Một là Gặp khổ nạn nghe tên gọi cùng nhau làm cơ. Vì quá khứ hiện tại xấu ác cho nên gặp phải các khổ nạn, lại nhờ nghiệp thiện của hai đời mà được nghe tên gọi. Diệu Huyền chép: “Từ Xiển-đề khởi tâm hối cải, lên đến Đẳng Giác đều có thiện ác kèm theo nhau làm cơ. Từ “Nghe có v.v...” trở xuống là bốn Văn, ba Tuệ đều là năng cảm, có hai: Một là Giải thích tướng, có hai: Thứ nhất phân biệt chỉ ra bốn Văn của bốn giáo, năng văn sở văn của ba Tạng giáo đều là Thật Hữu, Thông giáo tức Không, Biệt giáo tức Giả, Viên giáo biết rõ năng sở đều là Pháp giới. Văn đã có bốn thì Tư - Tu cũng vậy. Do đó Đại Bản sơ giải về Ngã Văn: “Có nghe là nghe, nghe là không nghe; không nghe là nghe, không nghe là không nghe. Từ “Nếu năng v.v...” trở xuống chính là nêu ra ba Tuệ của Viên giáo. Văn Tuệ của ba giáo trước không được Viên Văn, bốn loại văn Tuệ của Viên giáo thông suốt khắp cả, thông suốt bốn loại đều là không nghe là không nghe, tức là Văn mà Tư đâu nương tựa, đâu mê đắm, hai tuệ dẫn dắt hạnh, nhất tâm xưng danh gọi là tu tuệ trọn vẹn. Từ “Văn này v.v...” trở xuống là kết thúc nêu ra. Bốn là xưng danh hiệu, có hai: Một là Trích văn nêu ra Sự - Lý. Hai là từ “Nếu dùng v.v...” trở xuống tất cả nêu ra xưng niệm, có hai: Một là Sự,

có hai: Đầu tiên nói về nhất tâm, có tương tục nhất tâm, có sở tức nhất tâm. Hai là nói về xưng danh. Nay văn chỉ xưng danh hiệu của Sở quy, không xưng từ ngữ của năng quy, do đó là sơ lược chẳng phải mở rộng. Hai là Lý, có hai: Đầu tiên nói về nhất tâm. Tâm có sanh diệt không gọi là Nhất, nay đạt được tâm tánh chẳng phải bốn câu phát sanh, đã vốn không sanh lại cũng không diệt, mới gọi là Nhất tâm. Nhưng thiết lập Nhất tâm đối chiếu người khác (tha) trở thành hai. Nếu không có Một là không có tâm thì không có nhiều - không có pháp, suy cho cùng không thể được gọi là Lý Nhất Tâm. Nói đạt được tâm này, tức là thể đạt được Nhất tâm trong Sự. Từ “Biết tiếng v.v...” trở xuống nói về xưng danh. Đã đạt được tâm Không, từ nơi tâm sanh ra tất cả đều Không, khiến cho âm hưởng năng xưng sở xưng đều không sanh diệt, cho nên nói là Lý xứng. Sự chưa hẳn là Lý - Lý chắc chắn có đủ sự, lấy đây làm nhân, lẽ nào không cảm đến Thánh. Hai là nói về ứng, có hai: Một là Phân khoa. Hai là từ “Ứng có v.v...” trở xuống thuận theo giải thích, có hai: Thứ nhất nói về tướng Ứng, có hai: Đầu tiên phân định tác ý của ba giáo ích lợi thiên - viên thì Ứng không cùng một lúc, Viên giáo tùy ý vận dụng Ứng trong một lúc rộng khắp tất cả. Từ “Các cơ v.v...” trở xuống nói về tướng Cơ - Ứng nhanh chóng. Quán Âm ứng hiện đi đến chúng sanh trong tâm, chúng sanh cơ cảm Quán Âm trong tâm. Nếu không như vậy thì không rộng khắp không nhanh chóng.

Từ “Đều được v.v...” trở xuống nói về giải thoát, có hai: Một là Dựa theo nhiều cơ hiển bày Ứng đầy đủ, do đó trước đây giải thích về nhân số chép: Đây là đưa ra các cảnh nhiều cơ để hiển bày quán sâu xa ứng rộng lớn. Từ “Hoặc khi v.v...” trở xuống dựa theo ba nghĩa nhanh tiếp tục thuận theo văn. Kinh chép: “Quán Thế Âm Bồ-tát lập tức quán sát âm thanh đó đều được giải thoát”. Quán sát như thế nào, có thể khiến cho các khổ nạn rộng khắp đều được giải thoát? Người nói người nghe thích hợp với thiện ác. Hai là từ “Hỏi mười pháp giới v.v...” trở xuống là phân biệt để giải thích (liệu giản), có hai: Một là Trình bày cơ trong mười pháp giới Ứng đều thường rộng khắp, có hai: Thứ nhất vì nhiều cơ nên tai nạn khác nhau. Hai là từ “Đáp thí v.v...” trở xuống dùng bốn Sự trọn vẹn rộng khắp để trả lời, có năm: Một là Dùng bốn thí dụ nêu ra. Hai là từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống dựa theo bốn pháp hợp lại. Ba là từ “An lạc v.v...” trở xuống dẫn các kinh chứng minh. Trí tuệ - bảo tạng chứng minh hai loại tài - trí. Bốn là từ “Lại như v.v...” trở xuống thêm ba thí dụ để hiển bày. Năm từ “Lại là v.v...” trở xuống chỉ ra lực Tam-muội. Trung đạo là vua, gồm nhiếp tất cả hai đế, một tâm

đầy đủ nhập vào mười lợi ích khắp nơi được hưởng. Quán Âm nhập vào Tam-muội này, tức là nhập vào khắp cả tâm tánh của tất cả chúng sanh, thường dùng lực của Tam-muội, mang lại cho họ mười thứ lợi ích, nhưng vì cơ cảm gần gũi hay thưa xa, khiến cho lợi ích có sâu dày hay nông cạn. Vương Tam-muội ở nơi Diệu Huyền thứ bốn mươi và lợi ích ở tại thứ sáu.

Từ “Hỏi nhất v.v...” trở xuống trình bày Sự - Lý nhất tâm đặt ra năng cảm, có hai: Một là Hỏi về xưng niệm lâu dài không có hiệu quả. Hai là Trả lời vì tâm phân tán trái với pháp. Nếu có thể nhất tâm xứng hợp Sự - Lý, điều đó giống như hình đối bóng sanh, tiếng cất lên thì tiếng vang dội lại.

Trả lời riêng, có hai: Một là Phân khoa thuật về ý, có hai: Đầu tiên là phân khoa. Hai là thuật rõ ý, có hai: Một là Thuật rõ ý của Sự khác, có ba: Đầu tiên lập thành ba cơ, có ba: Thứ nhất từ “Có người v.v...” trở xuống xác định ba nghiệp trước sau. Hai là từ “Thông luận v.v...” trở xuống nói về ba cơ dứt trừ và ban cho. Miễn nạn là loại trừ quả, ly độc là loại trừ nhân, đắc tử (sanh con) là mang lại niềm vui. Ba là thuật rõ ba lần lựa chọn, có ba: Một là Hỏi: Sao bỗng nhiên ban cho niềm vui ấy là thưở xưa lấy sự sanh được con làm niềm vui. Đáp: Ban cho niềm vui đôi chút không ngăn ngại Bi môn. Hai là Hỏi: Lễ bái cầu con chỉ ra cầu quả vui sướng, sao không khiến cho cầu giới và các thiện nghiệp làm nhân vui sướng vậy? Đáp: Quả vui sướng, vừa ý có thể dắt dẫn người, chịu khó chịu khổ cầu tu nhân, chẳng phải dẫn dắt tiếp cận pháp, vẫn đó ở sau là mười chín cách nói pháp nêu bày rộng rãi về tu nhân vậy. Ba. Hỏi cùng với trả lời có thể thấy. Từ “Có người v.v...” trở xuống lập ra bảy nạn, có hai: Một là Nói về cặp hay đơn lẻ (song chích). Quỷ mở ra khứ - lai: Khứ nghĩa là trôi dạt rơi vào cõi nước đó, Lai nghĩa là đến nơi này làm hại người. Vương luân nặng nhẹ: Bị sát hại thì nặng - tra xét giam giữ thì nhẹ. Thể tức là năm khai ra thì thành bảy. Hai là Nói về thứ tự. Quỷ - Vương xen nhau nêu ra là: Ba là nạn cõi nước quỷ, bốn là nạn sắp bị làm hại, năm là nạn đến não loạn, sáu là nạn công xiềng. Ba và bốn sánh cùng nhau, nạn quỷ ở tại cõi nước sông biển thì nặng, nạn vua chúa ở tại phạm vi thành ấp tựa như nhẹ. Bốn và năm sánh với nhau, nạn vua chúa hoặc là chết cho nên nặng, quỷ não loạn hoặc không chết cho nên nhẹ, tất cả nói về nhẹ - nặng cho nên nói là tương tự, chính là xen lẫn nhau. Từ “Có Sự v.v...” trở xuống lập thành tám nạn, có hai: Một là Một Sự lập ra; Hai là Một Sự phá bỏ. Hai là từ “nay nói rõ v.v...” trở xuống trình bày ý Sự hiện nay, có hai:

Một là Nói về ba cơ, có hai: Thứ nhất bác bỏ sai lầm của người khác, có hai: Đầu tiên bác bỏ tình ý lựa chọn Thánh ứng. Hai là từ “Nay không v.v...” trở xuống bác bỏ Bi môn ban cho niềm vui. Hai là từ “Nay nói v.v...” trở xuống trình bày ý hiện nay, có hai: Một là Tùy theo thế gian đặt ra thứ tự. Cõi nước Ta bà này âm thanh làm Phật sự, miệng cơ là thứ nhất, ý căn sâu xa bí mật khởi lên nhất định là thân đời trước, thân nghiệp thô trước hiển bày ở sau tâm, mà lần lượt sử dụng ba nghiệp há không phải thế ư? Hai là từ “Nếu tìm v.v...” trở xuống là Thánh ứng không có mưu cầu. Tạm thời tùy theo thế tục đặt ra thứ tự như trước, căn cứ vào Thánh không có mưu cầu tức như gõ vào lập tức ứng. Từ “Người khác đã v.v...” trở xuống nói về bảy nạn, có hai: Một là Nói về thứ tự, có hai: Thứ nhất tạm thời cùng như trước đã lập thứ tự, từ nặng đến nhẹ cùng thứ tự trước. Từ “Đến như v.v...” trở xuống cảnh cáo không thể khăng khăng chấp trước. Từ “Hỏi: Các nạn..” trở xuống nói về những gì đã bày tỏ, có hai: Một. Trách nhiều nạn sao chỉ nói bảy nạn. Hai là từ “Đáp: Đây v.v...” trở xuống lấy bảy nạn biểu thị cho sáu loại để trả lời, có hai: Một là Chính thức nêu ra ý bày tỏ, có hai: Thứ nhất - Trình bày tất cả bảy nạn và sáu loại. Kinh nói bảy nạn, không chỉ có ở Sự, cho nên dựa theo quán giải thích tất cả thông suốt ba thừa. Nếu không có gì bày tỏ thì không thể bao gồm sâu xa, do đó dựa theo bảy nạn để biểu lộ sáu loại, ngoài nước - lửa - gió biểu thị ba loại bên trong, dao gậy - gông xiềng ngăn trở bên chắc biểu thị Địa chủng bên trong, vua chúa cùng hữu tình có thể biểu thị Thức chủng, thế giới đại thiên tuy chẳng phải là nạn chính, nhưng là nạn nương vào thì có thể biểu thị cho Không chủng bên trong.

Từ “Thế nào nói v.v...” trở xuống là nêu riêng Không - Thức, có hai: Một là nói về tướng biểu thị. Hai là từ “Không là v.v...” trở xuống là nói đó là nạn, có hai: Một là Không. Tuy chẳng phải nạn chính là mà là lý do của nạn. Nếu nói về quán hành cũng là hai Thức sở quán, Thức khởi lên ái kiến chấn bao gồm ái kiến hai loại Thông - Biệt. Từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là kết luận nêu ra ý chỉ có bảy. Từ “Một là hoả” trở xuống dựa vào nghĩa giải thích văn, có ba: Một là miệng cơ, có hai: Thứ nhất nói về bảy nạn, có bảy: Đầu tiên nạn lửa, có hai: Một là Ý khoa mục, có ba: Thứ nhất tiết đoạn văn kinh. Hai là từ “Trên tổng v.v...” trở xuống là nói rõ ý kinh. Ba là từ “Giải Thích Các nạn v.v...” trở xuống là nêu ra nghĩa về Môn. Từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống tùy đó giải thích, có ba: Một là Dựa theo văn, có bốn: Thứ nhất trì danh, có hai: Đầu tiên giải thích nghĩa văn, có hai: Một là Giải thích trì danh, thuộc về miệng:

Đại Luận chép: “Hơi thở ra vào là thân hành, giác quán là miệng hành, thọ là tâm hành”. Tâm trì theo đã là giác quán, cho nên thuộc về miệng nghiệp. Hai cách giải thích nếu có, chữ Khiêu khứ thanh không nhất định là tướng mạo. Từ “Còn lại đều v.v...” trở xuống nói về trước sau, có hai: Một là nói về cổ xưa, nghĩa là cùng đưa ra nghĩa đó không phải như vậy. Hai là giải thích hiện nay, có ba: Thứ nhất dựa theo nghĩa giải thích. Hai là từ “Như từ v.v...” trở xuống là dẫn ra việc khuyến khích, có hai: Một là dẫn việc chứng minh. Đây là người con trai tên là Từ Đồng Nữ, bán củi nuôi mẹ rất hiếu thuận thành thật. Sau đó muốn vượt qua biển, mẹ ôm lấy chân không muốn con đi, không nghe lời mẹ giằng co giật đứt một nắm tóc của mẹ, trên biển lạc mất bạn bè nhập vào các thành quý báu, thọ nhận vui sướng nhiều năm, đó là nhờ phước báo thực hành hiếu thảo. Về sau nhập vào thành sắt vòng lửa đội trên đầu đây, là quả báo giật đứt tóc mẹ. Nếu chỉ thực hành hiếu thuận thì không gặp phải vòng lửa. Từ “Người thực hành v.v...” trở xuống là khuyến khích nghĩ nhớ giữ gìn. Từ “Hoả nạn v.v...” trở xuống là dựa theo nặng kết thành hai lần gặp phải khổ nạn và ba ứng. Bốn là từ “Oai thần v.v...” trở xuống là kết luận. Từ “Tiếp căn cứ v.v...” trở xuống là nêu ra Sự, có hai: Một là Chỉ ra hai người được lưu truyền. Hai là từ “Kỳ truyện v.v...” trở xuống là nêu ra bốn người được thoát nạn.

Từ “Căn cứ quán v.v...” trở xuống là quán giải thích, có ba: Một là nêu chung. Báo là sự cố về lửa, mắt nhìn thấy thân cảm giác, nghiệp và phiền não chỉ có nghĩa thiêu đốt, làm cho thiện nghiệp thế gian và ba quán bị hư hoại cho nên gọi là lửa, là để xứng với ngay nơi quán hành giải thích.

Hỏi: Ba quán vốn đối chiếu chỉ ở phiền não, cho dù bao gồm xa xôi ngăn cách chỉ đến nơi nghiệp, các sự tướng về lửa hoàn toàn không trở ngại cho quán, làm sao có thể quả báo tham dự vào quán để giải thích được?

Đáp: Kinh nêu ra bảy nạn, chỉ ở trong loài người, người trí sâu xa cùng tận, công lao cứu nạn thuộc về Tam-muội Vương, tức là tánh Ngã chân thường của hai mươi lăm Hữu Quán Âm đã chứng, mới có thể khắp nơi dứt trừ đau khổ cho chúng sanh, ở nơi mỗi một Hữu có mười thứ phá trừ chướng nạn, làm cho tánh Ngã cuối cùng đồng một sâu xa, mới tận cùng cái dụng dứt trừ đau khổ của Đại Sĩ. Nhưng mười thứ phá trừ không ra ngoài ba chướng, nếu tận cùng lý mà nói, đối với mỗi một loại đều phá trừ ba chướng. Nay muốn để hiểu thuận theo nghĩa trội hơn mà nói, báo tạm thời ở tại Sự - Nghiệp thuộc về hữu lậu, chỉ riêng hoặc

chương đạt đến cực điểm, Quán Âm tu tập Vương Tam-muội, thường có thệ nguyện rộng lớn dứt trừ nỗi khổ về ba chương ở pháp giới, cho nên nay chúng sanh bị nỗi khổ ba chương ép ngặt, nhất tâm xưng danh đều được giải thoát. Nghĩa đó như vậy, há có thể không nói được các quả báo về lửa hay sao? Nên biết rằng Tổ chúng tôi nói Quán Thế Âm tu trọn vẹn Tam-muội, phát khởi đầy đủ Tăng na nhập vào đầy đủ pháp môn, cứu giúp các tai nạn, ý làm cho người thực hành phỏng theo đó tu tập hội nhập, ba chương đã nêu ra đâu chỉ có ngay nơi cảnh tu quán bây giờ mà cũng là nghĩa dứt trừ khổ ở tương lai. Cho nên biết chỉ ra đầy đủ bảy nạn cạn sâu, chính là nói về tướng đầu đuôi của quán hành. Hai là từ “Quả báo v.v...” trở xuống chỉ bày phân nhỏ. Nghiệp, báo, phiền não bắt đầu từ Bạc Địa cuối cùng đến Đẳng Giác, đều có đủ ba loại này. Do đó trong Phụ Hạnh nói về cõi Phần Đoạn đến cõi Thật Báo đều có ba đường. Ba đường trong Phần Đoạn đó là kiến tư hoặc là đường phiền não, phiền não tưới nhuần nghiệp gọi là đường nghiệp, cảm quả sanh trong ba cõi gọi là đường khổ. Ba đường trong Phương Tiện đó là hoặc trần sa làm đường phiền não, lấy nghiệp vô lậu gọi là đường nghiệp, sanh tử Biến dịch gọi là đường khổ. Ba đường trong Thật Báo đó là hoặc vô minh làm đường phiền não, nghiệp chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu là đường nghiệp, cõi kia Biến dịch gọi là đường khổ. Nay từ nghĩa mạnh mà nói, cho nên dựa theo sự cố về lửa mà làm quả báo, chỉ đến Sơ thiên, nhân của luân hồi, vì là nghiệp lửa, cho nên đến Hữu Đảnh. Ba quán đã phá trừ mới gọi là phiền não, do đó chung cả ba thừa. Kế nữa các nạn ý đó theo đúng như vậy. Ba là từ “Quả báo hoả nạn v.v...” trở xuống tùy theo thứ tự giải thích, có ba: Một là Quả báo về lửa, có hai: Thứ nhất là gặp nạn, có ba: Đầu tiên là nói chung về nơi chốn. Hai là từ “Như A v.v...” trở xuống là nêu riêng tướng. Ba là từ “Phàm nhất v.v...” trở xuống là tổng kết về số. Bốn đường bốn châu báu cõi trời và Sơ thiên, nếu thêm Phạm Vương hợp lại nói là mười sáu, cùng ở Sơ thiên tạm thời nói là mười lăm. Hai là từ “Trì danh này v.v...” trở xuống là cảm ứng, có hai: Một là Cơ duyên thành tựu được thoát khỏi. Hai là từ “Thẳng căn cứ v.v...” trở xuống chỉ ra số bài bác hạn cuộc. Thẳng thắn ngay nơi quả báo mát mẻ của Địa thượng, nghiệm xét đối với cách giải thích trước đây thì điều ấy vốn sai lầm nhiều. Vì đã rõ ràng, bỏ chín phen phá hữu, người khác không nghe tên gọi. Hai là từ “kể nói v.v...” trở xuống là lửa nghiệp ác, có hai: Một là Gặp nạn, có hai: Thứ nhất là nói về tu nhân. Trước đã nói trong hiện báo cầu tránh khỏi khổ ách an ổn cho quả của thân đó, nay luận đến tu hành giới thiện

và định của tám Địa, cầu mong quả vui của trời người ở vị lai. Từ “Phần nhiều bị v.v...” trở xuống nói về gặp phải lửa, có ba: Một là giải thích về tướng. Xưa huân tập phá giới và mười nghiệp ác, vào lúc tu trì khởi lên trở thành chướng nạn, khiến cho nghiệp thiện và các giới định không thể thành tựu, gọi là bị thiêu đốt. “Hữu Đảnh v.v...” Như vậy là thiện hữu lậu cao nhất đến Phi tướng định, chẳng phải lửa nghiệp ác; từ Vô sở hữu trở xuống chính là nghiệp ác. Tạm thời muốn chỉ ra ác chung ở cả ba cõi, cho nên dẫn ra mà thôi. Hai là từ “Thuật Bà v.v...” trở xuống là dẫn chứng, có hai: Một là Dẫn ra sự việc. Thuật Bà Già lửa dâm dục hừng hực khởi lên thiêu đốt thân. Đây chính là nghiệp lửa, thường sanh khởi sự cố về lửa, nghiệm xét ba thứ lửa tánh của nó không khác. Hai là từ “Kim Quang v.v...” trở xuống là dẫn ra kinh. Ba là từ “Năng phá v.v...” trở xuống là bị thiêu đốt. Thiện tăng lên cao đã bị thiêu cháy, chính là tùy theo nghiệp ác lôi kéo rơi xuống dưới. Hai là từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống là cảm ứng, có ba: Một là Thành tựu cơ được thoát khỏi. Hai là từ “Cho nên, thỉnh v.v...” trở xuống là dẫn ra tiêu tan khuất phục để chứng minh. Phạm hạnh là tịnh hạnh, nghĩa là các giới Đại - Tiểu là hạnh thanh tịnh của người ba thừa, mười ác là chủ động phá bỏ (năng phá) - phạm hạnh là bị phá bỏ (sở phá). Từ “do Bồ-tát này v.v...” trở xuống sử dụng văn này kết thúc. Ba là lửa phiền não, có hai: Một là Ngay nơi cơ - ứng giải thích, có hai: Thứ nhất nói về cơ cảm thiên - viên, có hai: Đầu tiên là giải thích riêng, có hai: Một là Dựa theo Thanh-văn chỉ ra rộng rãi, nhân của kiến tư - quả của phần đoạn, bốn tâm lưu động ba tướng di chuyển gọi là nhà lửa, cạnh tranh với nhau đùn đẩy giành ra khỏi nhà lửa này. Nếu không một lòng xưng niệm Quán Thế Âm, thì chắc sẽ bị rơi rớt lửa dữ thiêu đốt. Quán Âm của giáo này thân ở tại bờ bên này độ người bờ bên kia, cho nên khiến Thanh-văn đạt được hai Niết-bàn. Hai là từ “kế là nói v.v...” trở xuống ví dụ địa vị khác đều là cơ, ngang nơi Thông giáo kiến tư là lửa, Biệt giáo chính là lấy trần sa làm lửa, Viên giáo trước sau vô minh làm lửa. Hai cõi trước cùng gọi là Biến dịch, người chưa có thể điều phục dứt trừ vô minh hoặc, gọi là người độn căn. Nếu có thể điều phục dứt trừ thì gọi người lợi căn, điều phục thuộc về phương tiện - dứt trừ cùng tận là Thật Báo. Từ “Phàm có v.v...” trở xuống là nêu chung, có hai: Một là Tu quán bị thiêu đốt. Chỉ trừ ra người cầu xa lìa quả báo lửa, từ giới thiện trở lên đều gọi là tu đạo, cho nên nói là chín thứ. Ngay cả người bị lửa của năm trụ hoặc thiêu đốt, tu nhân thiên định, cũng bị ba trụ ái hoặc thiêu đốt, hưởng chi nghiệp của ba độc gồm nhiếp tất cả kiến tư. Từ “Xưng Quán v.v...” trở

xuống là xưng danh hiệu được thoát khổ, tất cả dựa vào bốn pháp mà tu nhất tâm cho đến xưng niệm danh hiệu, nếu cơ ấy thành tựu thì ch có ai không được thoát khổ. Từ “Hỏi Bồ v.v...” trở xuống nói về tiệm đốn từ bi, có hai: Đầu tiên câu hỏi phát khởi. Như trên đã nói về khổ nạn ba chướng trong hai mươi lăm Hữu có mười thứ khiến cho thoát khỏi, chẳng hay Đại Sĩ tu phương tiện gì, chứng pháp môn nào mà đạt được lực như vậy? Từ “Đáp: Bồ v.v...” trở xuống là giải thích nêu ra, có hai: Một là Sơ lược chỉ ra. Hai là từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống mở rộng giải thích, có hai: Một là trình bày dần dần, có hai: Thứ nhất là tu quán bốn thế, có ba: Đầu tiên là quả báo từ bi. Đã từ nguyên thí phát tâm Bồ-đề, hễ là nói thấy, nghe kỳ hạn cuối cùng được dứt trừ cứu giúp. Từ “Thọ trì v.v...” trở xuống là tu nhân từ bi. Lược nói giới cấm, cần phải bao gồm mười hai môn Thiền căn bản, vì nghiệp lửa đó đều có thể phá hoại. Ba là từ “Tu vô lậu v.v...” trở xuống là vô lậu từ bi, có hai: Một là Sự về Định. Nếu căn cứ vào căn bản, ngoài vị của Thiền còn có căn bản tịnh Thiền, đó là sáu Diệu môn - mười sáu Đặc thắng tất cả nói về Thiền. Các loại này cũng gồm chứa vô lậu có thể dứt trừ phiền não. Nay chỉ thuận theo các quán về ánh sáng xương cốt v.v... làm vô lậu ấy là vì chọn lấy trong Sự thiền xuất thế có tên gọi lửa. Giải thích về tướng của quán đó, đây chính là dùng lửa của Sự thiền, diệt trừ lửa của kiến tư. Nhưng Sự thiền có bốn, tức là Quán - Luyện - Huân - Tu. Quán gọi là chín tướng - tám bối xả - tám thắng xứ - mười nhất thiết xứ. Luyện là chín định thứ đệ. Huân Tam-muội Sư Tử Phấn Tấn Tu nghĩa là Tam-muội Siêu Việt. Nay ở trong bốn loại chỉ nêu Quán Thiền, trong ba loại không dẫn ra tám bối xả là vì trong tám bối xả không có tên gọi của lửa, đại khái tùy theo phương tiện. Đầu tiên nói xương trắng trải qua thời gian tức là thuộc về xương trắng cấp thứ tám trong chín tướng, tu tập nhập vào sắc trải qua thời gian. Nói tám sắc là, thấy Địa sắc giống như đất vàng trắng sạch sẽ, thấy Thủy sắc như nước sâu xa trong veo, thấy Hoả sắc như lửa yên lặng không khói, thấy Phong sắc như gió trở lại sạch sẽ không bụi bặm, thấy Thanh sắc như núi vàng đẹp đẽ, thấy màu vàng như hoa chiêm bặc, thấy màu đỏ như sáng mùa xuân, thấy màu trắng như tuyết trắng như đá ngọc sò ốc. Thấy sắc rõ ràng mà không chất ngại.

Tám thắng xứ là:

1. Trong có sắc tướng ngoài quán sắc ít.
2. Trong có sắc tướng ngoài quán sắc nhiều.
3. Trong không có sắc tướng bên trong quán sắc ít.

4. Trong không có sắc tướng bên ngoài quán sắc nhiều. Cuối bốn câu này đều nói hoặc tốt hoặc xấu thì gọi là thắng tri thắng kiến.

5. Địa thắng xứ.

6. Thủy thắng xứ.

7. Hoả thắng xứ.

8. Phong thắng xứ, đối với các duyên này chuyển biến tự tại quán tâm thuần thực hơn hẳn tám sắc trước đây.

Mười nhất thiết xứ:

1. Thanh nhất thiết xứ.

2. Hoàng nhất thiết xứ.

3. Xích nhất thiết xứ.

4. Bạch nhất thiết xứ.

5. Địa nhất thiết xứ.

6. Thủy nhất thiết xứ.

7. Bạch nhất thiết xứ.

8. Phong nhất thiết xứ.

9. Không nhất thiết xứ.

10. Thức nhất thiết xứ.

Đối với sở quán này phổ biến tức là quán thiên thành tự.

Từ “Lại quán v.v...” trở xuống là ba quán. Các thứ lửa ấy là lửa báo - nghiệp - phiền não và lửa trong sự Định, đều là cảnh sở quán của ba quán. Vì cảnh này duyên sanh, đầu tiên chính là Không - kế đến Giả - sau là Trung cho nên trở thành Biệt quán, từng tiết từ bi thệ nguyện, dứt trừ lửa của báo - nghiệp và ba hoặc. Từ “Nay trú v.v...” trở xuống huân tu phát khởi ứng, có hai: Một là Theo thệ nguyện đi cứu nạn, có ba: Thứ nhất diệu lực của Chân bi, tức là vô cùng gần gũi đồng Thể từ bi thâm xông ướp chúng sanh, khiến cho thành tựu cơ cảm thị hiện ứng dứt trừ khổ nạn. Từ “Nếu sự v.v...” trở xuống các cơ liên quan đến thệ nguyện. Nếu lúc ba loại lửa của chúng sanh phát khởi, không khác với ban đầu Bồ-tát đã khởi lên, liên quan đến bi của phần quả, dùng thệ nguyện trong nhân để đáp lại. Tăng Triệu nói: “Phát khởi Tăng na ở tâm ban đầu, cuối cùng Đại Bi để đi cứu nạn.

Từ “Nếu các v.v...” trở xuống là ngay một lúc cứu giúp rộng khắp. Biệt giáo tuy tu có thứ tự, mà chứng phải viên dung, do đó mười thứ cơ có thể trong một lúc ứng hiện được. Từ “Như Hoa v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh thành tựu, có hai: Một là dẫn kinh.

Hỏi: Tông phái này phân định về Hoa Nghiêm, lúc Thiện Tài chưa gặp gỡ Di-lặc và Văn-thù trở về trước, đều là Biệt giáo trải qua

Biệt pháp môn. Nay Văn đã nói núi lửa này, gọi là pháp môn Vô tận, nếu nhập vào môn này có thể biết các pháp, môn này há chẳng phải nghĩa viên dung hay sao?

Đáp: Đây là chỉ ở trong pháp môn lửa có thể biết các pháp, không thể đối với pháp môn khác biết được các pháp. Kinh đó chép: “Ta chỉ biết một pháp môn này”, cho nên biết vẫn là nói về giáo đạo. Nếu như vậy thì Tam-muội này an trụ để lý nào phá trừ loại hoặc nào? Đáp: Đã nói là pháp môn Vô tận, lại nói là có thể biết các pháp, tức là Trung đạo Tam-muội phá trừ vô minh hoặc. Vì thế trong Thích Thiêm có nói: “Nếu Thiện Tài ở chỗ tri thức đạt được Tam-muội Thật Tướng, thì phá trừ hoặc chướng trong vi tế vô minh, phần nhiều cùng dựa theo giáo đạo không dung hợp, phá trừ vô minh hoặc” (Trên đây đều trong Thích Thiêm). Từ “Nêu lên kinh kia v.v...” trở xuống là kết thúc nêu ra. Quán Âm nếu là Biệt giáo, cứu người ở trong lửa phiền não, tức là giống như tướng phượng tiên chỉ bày Bà-la-môn tu tập. Mười thứ lợi ích: Chính là kết hợp tất cả ba loại từ bi trước đó đến nay. Từ “kể nói rõ v.v...” trở xuống là nói về viên đốn, có hai: Một là nói về Bồ-tát vốn tu viên quán từ bi. Sơ tâm quán sát lửa là cảnh bất tư nghị, ngay đối với một pháp môn lửa đầy đủ pháp trong ba ngàn, tuy đều là khắp trong nhau mà mỗi một tướng phân biệt rõ ràng, tức là đối với cảnh này phát tâm Bồ-đề, thể dứt trừ nạn lửa của ba chướng cho chúng sanh, thể mang lại niềm vui của ba thứ lửa cho chúng sanh.

Từ “Nếu pháp v.v...” trở xuống là nói nhập vào địa vị cơ ứng của pháp giới, có hai: Một là giải thích, có ba: Thứ nhất là không mưu cầu mà ứng. Tu đầy đủ chứng trọn vẹn dùng thệ nguyện đầy đủ xông ướp lực dụng trọn vẹn, không lay động mà nhất tâm cứu giúp mười nạn lửa. Hai là từ “Tuy không v.v...” trở xuống là không phân chia mà phân chia. Bi trọn đầy rộng khắp thấu suốt cùng tận mà cứu giúp, thật sự chẳng phải trước sau, ứng hiện cạn sâu chỉ dựa vào cơ cảm. Ba chướng phân chia như nhau là đối với năng lực của hai mươi lăm Tam-muội Vương, mà tự thành tựu nhiều ít. Tránh khỏi lửa quả báo tương đương nơi lực của mười lăm Tam-muội Vương, tu thiện nghiệp hữu lậu tránh khỏi lửa nghiệp ác tương đương lực của hai mươi bốn Tam-muội Vương, liên quan gì đến một vậy? Nếu trừ bỏ nghiệp ác mà không cần Phi Tướng, hoặc thành tựu nhân thiện mà không cần Địa ngục, vì nhân địa ngục không thành tựu, cho nên nhân của Phi Tướng không trừ diệt. Vì thế tu nhân nghiệp ác rất cao hay rất thấp cùng luận lẫn nhau không dùng một Tam-muội. Từ nhị thừa trở đi đến trọn vẹn nhập vào Trung,

từng tiết một đều sử dụng lực Vương Tam-muội trong hai mươi lăm Hữu. Từ “Tuy ứng v.v...” trở xuống là nhập vào mà không nhập vào. Tuy nhập vào lửa ba chương của các Hữu, vì Thế đó rõ ràng ngay nơi Không - Giả - Trung cho nên không có tướng đạt được, sao có năng thiêu và sở thiêu được? Hai là từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là kết luận. Từ “ Thường đồ v.v...” trở xuống là nêu ra sự được mất của mình và người. Tam-muội Như huyễn phá bỏ cõi Hữu Diêm Phù, đầy đủ nói về mười loại, Sư khác chỉ biết một ích lợi về quả báo, cho nên nói là phần ít. Hai là nạn nước, có hai: Một là Nêu ra nghĩa về Môn, hai là từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống là tùy theo Môn giải thích, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét về kinh (khoa kinh). Hai là từ “Hỏi: Vì sao v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có ba: Một là Gặp phải nước, có hai: Thứ nhất là hỏi. Hai là trả lời, có hai: Đầu tiên là dựa vào nạn nước để trả lời. Hai là từ “Hỏa nạn v.v...” trở xuống là so sánh nạn lửa để trả lời. Hai là xưng danh hiệu. Ba là từ “Nước luận v.v...” trở xuống là được ứng hiện. Hai là dẫn chứng. Ba là quán giải thích, có hai: Một là Nêu ra ba thứ nước. Thuận theo ý trệ hơn giống như nạn lửa ở trước. Hai là từ “Như Địa v.v...” trở xuống là giải thích ba loại nước, có ba: Một là Quả báo, có hai: Thứ nhất là gặp nạn. Hai là từ “Thời ấy v.v...” trở xuống là Cơ ứng. Hai là từ “kế là nước các nghiệp v.v...” trở xuống là nghiệp ác, có hai: Thứ nhất là gặp nạn. “Buông bỏ phao nổi”: Đại Kinh chép: “Như người mang phao muốn vượt qua biển cả, có một La-sát xin phao này. Ban đầu thì xin cả phao, người đó không cho. Kế lại xin nửa phao, kế xin một phần ba, cứ tiếp tục cỡ bằng ngón tay, sau cùng cỡ bằng hạt bụi. Người đó nghĩ: Nếu cho bằng hạt bụi, khí sẽ dần dần thoát ra, làm sao vượt qua biển được? Vì thế hoàn toàn không cho. Hộ trì giới cấm cũng giống như vậy, thường có La-sát phiền não làm cho người phá giới. Nếu phá giới căn bản giống như cho tất cả, phá tăng tàn giống như cho một nửa, phá xả đoạ như cho một phần ba, phá ba dật đề như đồng ý cho cỡ bằng ngón tay, phá Đột-cát-la như đồng ý cho bằng hạt bụi. Giới bị phá tuy ít, nếu không phát lộ thì không thể nào vượt sanh tử đến bờ bên kia. Bồ-tát giữ gìn các giới trọng - cấm và Đột-cát-la như nhau không hề sai khác”. Nay nói về nghiệp ác cho nên nói phóng xả. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống là cơ ứng. Ba là phiền não, có hai: Một là nói về cơ, có hai: Thứ nhất nói về nước hoặc, có hai: Đầu tiên trình bày chung về nước trong các Hữu. Bồ-tát Hương Tượng chân tuy đến đáy, nếu chưa đến bờ đâu tránh khỏi lay động? Duyên-giác quán xét Tập mà làm Môn ban đầu, cho nên nói nước Ái thêm lớn các

Hữu. Hai là từ “Nhị thừa v.v...” trở xuống là tách biệt nêu ra cơ của bốn giáo, có hai: Một là Nêu Thanh-văn. Hai là từ “kế là Bích Chi v.v...” trở xuống là ví dụ các địa vị. Bích-Chi-Phật tu hành không lập ra phần quả, quán xét sâu sắc duyên khởi từ lâu gieo trồng ba thứ Đa, phước tuệ đã sâu đậm, chuẩn bị lẩn áp hai Tập, tuy chưa phát chân mà bốn Lưu chẳng lay động gọi là được chỗ cạn, liền chứng quả cao nhất an tâm đến bờ bên kia. Bồ-tát bên Thông giáo chính là được chỗ cạn, Tập không còn đến được bờ. Hai cõi Biến dịch cùng lấy hoặc riêng mà làm giữa dòng, Thượng phẩm Tịch Quang mới là bờ bên kia. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là nêu ra bốn Lưu. Thông thường bốn Lưu chỉ là hoặc của giới nội, nay chọn lấy hoặc riêng mới gọi là Vô minh, cho nên biết chính là không khác với năm trụ, chỉ kết hợp Sắc và Vô Sắc, làm một Hữu Lưu mà thôi. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nói về ứng. Mười thứ trước đều có tướng tu, đều được mang cơ cầu sự giải thoát; nay nói hai loại tướng tu của Bốn Quán, đều là căn bản thù ứng của Quán Âm, có hai: Một là nêu chung hai quán từ bi. Bao gồm quán riêng lược có hai ý: 1. Sơ tâm lập hạnh của giáo này tuy dựa vào thứ tự lần lượt, để biết giữa thực tế hậu tâm có thể chứng Tam-muội Vương. 2. Muốn dùng tướng trải qua riêng biệt, hiển bày đối với viên dung nhất niệm đầy đủ. Đầu tiên của mười thừa là Ma-ha Chỉ Quán, trước hết nói về thứ tự hiển bày không thứ tự. Nay nói phẩm này, Bốn Quán đều là hai có hai ý. Hai là từ “Sở dĩ v.v...” cho đến trở xuống là nói riêng về Tam-muội tiệm đốn, có hai: Một là Tiệm, có hai: Thứ nhất là tiệm tu. Đầu tiên phát tâm trên cầu dưới hóa Tam-muội thủy quang, tức là quán sát xương trắng - một sắc trong tám sắc trải qua thời gian. Các loại như Thủy trắng xứ v.v... ví dụ giống như nói trong nạn lửa. Từ “Nay thành v.v...” trở xuống là đốn ứng, có hai: Một là nương theo thệ đi cứu nạn, từng bước tu nhanh chóng chứng đắc thường xem xét pháp giới, mười thứ cơ duyên trôi nổi trên nước của ba chương, đối với trong nhân từng tiết thệ nguyện, khiến cho tất cả cơ duyên đều được giải thoát. Hai là từ “Như Hoa v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh thành tựu, có hai: Một là Chứng minh. Nhờ vào việc biến cả để quán sát biến ba chương. Mười hai năm là mười hai duyên, dần dần càng sâu thấy biến mười đức thành tựu mười quán, sanh ra hoa sen lớn là nói lên diệu cảnh. Trời, rồng trang nghiêm là đầy đủ lực dụng tuyệt diệu, có tướng tốt của Phật thường thấy Lô-xà-na. Duỗi cánh tay phải ấy là quyền trí ứng hiện. Xoa đánh đầu tôi là thật trí cảm hiện, tức là dùng đường cảm ứng giao nhau làm sáng tỏ, ban đầu vốn có phân chia và kết hợp. Thuyết là kinh Phổ Nhãn phân biệt được

quả pháp. Từ một ngày thọ nhận cho đến không thể được hết”: Một niệm tâm như mảy bụi hiển bày quyển kinh bằng cõi Đại thiên. Từ “Nên biết v.v...” trở xuống là kết luận. Đã như chữ A có đủ tất cả các nghĩa, nên biết rằng cũng là pháp môn Trung đạo, nhưng dẫn dắt giáo đạo, chỉ biết một pháp môn này mà thôi. Hai là từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là Đốn, có hai: Một là Đốn tu mười pháp giới hướng đến nước: Nước là pháp giới, gồm nhiếp tất cả các pháp cho nên nói là hướng về. Đã lập ra năng thú và sở thú, cho nên đó là Tục đế. Nước còn v.v... Nước của sở thú toàn thể là tánh, không có tướng có thể đạt được, không có sở thú cho nên đâu có năng thú. Năng sở đều Không gọi là Chân đế. “Làm sao v.v...” Nước còn không thể đạt được thì không có hướng về, có hướng về đã bắt dứt thì không hướng về tự mất, tức là dùng cả hai đều chẳng phải để hiển bày Trung đạo. Ba đế này cùng một pháp tánh, tức một mà ba - tức ba mà một, là Đế bất tư nghị. Từ “Như đây v.v...” trở xuống là Đốn ứng, có hai: Một là nói về không ứng mà ứng. Đại Kinh chép: “Nếu như Từ có - không - chẳng phải có - chẳng phải không gọi là Như-lai Từ”. Há chẳng phải ba đế phát khởi từ bi hay sao?

Trước là vấn nạn chung về chúng sanh trong mười cõi chịu các khổ mà xưng niệm danh hiệu, Bồ-tát liền quán sát âm thanh đó đều được giải thoát. Không quán sát mười pháp giới tức Không - Giả - Trung làm sao có thể ngay một lúc xa lìa các khổ được? Vì ba đế là bốn tánh chúng sanh cũng là nguồn gốc quả Thánh, không hề có hai Thể, cho nên cùng chung Thể Bi mới có thể dứt trừ trọn vẹn.

Hai là nói về không phân mà phân. Đại ý giống như đã nói trong nạn lửa ở trước. Nay dùng bốn Lưu so sánh với nạn của các địa vị, bốn giáo nhập vào Không xa lìa Hữu Lưu, giống như hai lưu Kiến và Dục. Giả đối với hữu lưu không nhiễm ẩm ướt là Giả tuy là Không kia cũng không chấp mắc, gọi là quán Bình đẳng, nghĩa ở chỗ này, trung quán phá trừ vô minh, cũng như thường nói.



QUÁN ÂM NGHĨA SỐ KÝ

QUYỂN 2

Thứ ba là nạn La-sát, có hai: Một là nêu nghĩa môn. Hai là tùy theo môn để giải thích, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét định văn kinh. Hai là từ “Nhân số v.v...” trở xuống là tùy đó giải thích, có hai: Đầu tiên nói về nạn, có năm: Một là nêu ra số, có hai: Thứ nhất giải thích về nhân số. Nếu trăm hay ngàn - hoặc muôn hay ức, vì số đó trôi nổi trên biển chắc chắn đi bằng thuyền lớn, cho nên nói kết bạn không thể một mình hưởng đến. Từ “Hiển Ngu v.v...” trở xuống là trình bày nhập vào biển. Từ “kế gặp gió v.v...” trở xuống là lý do gặp nạn, có ba: Một - Chính là giải thích lý do gặp nạn, có hai: Thứ nhất là chứng minh. Gió chẳng phải chính là nạn theo các Sư xưa thì gió là nạn thứ tám cho nên dựa vào kết luận thì văn chỉ trở thành nạn quý. Từ “Lý do nạn v.v...” trở xuống là mở rộng gió là lý do gặp nạn. Nếu liên tục mở rộng điều đó, thì đều là lý do gặp nạn, trong các lý do thì gió là lý do thiết thực nhất, thế nên văn kinh chỉ nói về gió mà thôi. Hai là từ “bảy báu v.v...” trở xuống là trở lại giải thích bảo vật, có hai: Một là Phân biệt Chân ngụy. Hai là Chỉ bày tướng tợ Chân. Ba là từ “Hắc phong v.v...” trở xuống tiếp tục giải thích về tướng gió, có hai: Một là người khác giải thích, có ba: Thứ nhất là Sư đời trước đặt ra. Hai là từ “Có người v.v...” trở xuống là người khác công kích. Ba là từ “Nay lại v.v...” trở xuống là hiện tại ví dụ về nạn. Từ “Thỉnh Quán v.v...” trở xuống là hiện nay giải thích, có hai: Một là Kinh nói về màu sắc của gió. Hai là từ “Gió tăng thêm v.v...” trở xuống là gió đen rất kinh hãi. Ba là từ “La-sát v.v...” trở xuống là gặp phải khổ sở. Quý La-sát: Vốn là do Thiên Vương Tỳ Sa-môn quản lý, loài đó có hai bộ: Một tên là Dạ-xoa, là quỷ Tiệp Tật, hai tên là La-sát, là quỷ ăn thịt người. Có mặt khắp cả mọi nơi, nhưng nơi ở chủ yếu của loài đó có cõi nước ngoài biển, hoặc người trôi đến cõi nước đó, hoặc quỷ đến đây làm hại người, đều do nhân xấu ác liên quan với nhau. Bốn là từ “Một người v.v...” trở xuống là nói về Cơ. Năm là nói về Ứng. Hai là từ “vì sao v.v...” trở xuống là kết luận

tên gọi. Hai là dựa theo Sự. Ba là quán giải thích có hai: Một là nói về nghĩa của gió không hạn chế, gió trong thế giới và gió quả báo. Hắc nghiệp gọi là gió, đến mất đi thiện nghiệp quý báu của loài người, đều là gió nghiệp ác. Đánh mất tài sản vô lậu là gió phiền não. Phần thứ năm dưới đây lại nói về nạn quỷ, nói đầy đủ nghĩa về ác quỷ của ba chương. Nay quán hành tạm thời thuận theo nghĩa gió là lý do gặp nạn, mà chỉ ra cần phải đối với sáu loại, nói về Biệt - Viên quán chính là cách thức của tất cả cảnh quán.

Từ “Từ địa v.v...” trở xuống giải thích về gió chung cả ba chương, có ba: Một là quả báo, có hai: Thứ nhất là gặp phải khổ đau, có hai: Đầu tiên là trên đến Tam thiên. Hai là từ “Như Tăng v.v...” trở xuống là dưới khắp cả các đường. Tỳ-kheo Tăng Hộ nói bốn A-hàm là chúng tri thức, năm trăm người buôn đi vào biển nhặt vật quý, đến ngay chỗ Thế Tôn, thỉnh cầu Tỳ-kheo này ở giữa thuyền nói pháp, Phật biết có ích lợi nên đồng ý, khiến lia bỏ thuyền trở lại bờ biển lên bộ mà đi. đêm ngủ lại dưới cây, người buôn sáng sớm lên đường quên gọi Tỳ-kheo, vì thế mất bạn. Một mình đi giữa núi rừng, trông thấy già lam của Tăng là trú xứ củA-tỳ-kheo. Hoặc ăn uống hoặc phòng ốc hoặc nhà ấm, hoặc vườn cây cảnh hoặc ruộng đất hoặc thợ dụng, đều là đau khổ đầy đủ trong suốt một ngày đêm, chịu nhiều thứ khổ sở, có hơn một trăm điều. Vì thế Tăng Hộ hỏi, đều trả lời: Nên trở lại thưa hỏi Đức Phật, tự nhiên sẽ biết việc ấy. Khi đã đến chỗ Đức Phật, trình bày đầy đủ những gì nhìn thấy, Đức Phật đều trả lời về việc ấy, biết là Tỳ-kheo phá các giới cấm, hủy hoại thường trụ sử dụng xâm phạm vật của chúng, ở chỗ biển núi kia chịu khổ địa ngục. Người học xem đó đủ để tự răn mình! Từ “Khi biết điều này” trở xuống là nói về cơ ứng. Hai là từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nghiệp ác, có hai: Một là gặp nạn. Ba đường y cứ quả - ái kiến y cứ nhân, đều do nghiệp vốn có, khiến cho khởi lên ái kiến rơi vào ba đường. Tâm tham dục giống như phụ nữ La-sát, phá hủy nghiệp thiện giới định như thuận theo ăn thịt con, mất đi báo ứng trời người giống như ăn thịt chồng của họ.

Từ “Cấp bách cần v.v...” trở xuống là cơ ứng. Từ “kế là nói rõ v.v...” trở xuống là phiền não, có hai: Một là Nói về cơ, có hai: Thứ nhất là Thanh-văn. Thánh tài không ngoài bảy loại: 1. Văn; 2. Tín; 3. Giới; 4. Định; 5. Tiến; 6. Xả ; 7. hổ thẹn. Tuệ hành tức là vô thường tích quán, hạnh hành tức là bất tịnh Từ tâm v.v... Hai hành dựa theo địa vị phàm phu đã tu, bảy tài dựa theo địa vị bậc Thánh đạt được. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là các địa vị. Bát đảo phong: Bích Chi Phật - Lục

độ - Thông - Biệt - Viên quán sát nhập vào không, lấy thường v.v... làm đảo, Giả - Trung Biến dịch lấy vô thường làm đảo, dùng chánh quán nhất tâm gọi là Quán Thế Âm, lập tức ra khỏi cảnh giới ác quỷ của hai bên, tức là có thể đạt đến cồn bãi quý báu của Trung đạo. Nghĩa về quỷ kết hợp với chương trước sau, trước tức là chương này thuận theo văn y cứ về sự, sau tức là chương mục về nạn quỷ thứ năm. Từ “Pháp giới v.v...” trở xuống là nói về ứng, có hai: Một là nêu chung hai quán Từ bi; tách biệt tuy từng bước tu tập mà quả có thể ứng hiện trọn vẹn. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nói riêng về Tam-muội tiêm đốn, có hai: Một là Tiêm, có hai: Thứ nhất là lúc tu theo hạnh phát khởi thệ. Hai là từ “Khiến nhập v.v...” trở xuống là nói lúc chứng đạt tùy theo nghiệp liên quan nhau. Từ “Nếu làm v.v...” trở xuống là Đốn, có hai: Một là lúc tu ba đế viên dung. Pháp môn chữ gió: Như Thỉnh Quán Âm Sở giải thích về chương cú sáu tự. Lấy sáu đường ngang nhau làm Môn Lục Tự. Vì sáu đường, Thể là pháp giới thường thông suốt Thật tướng, cho nên gọi là môn, nay dùng chữ Gió làm môn, nghĩa đó cũng như vậy. Tự là từ ngữ nhóm hợp pháp. Từ “Nếu phân v.v...” trở xuống là sử dụng thời gian một niệm sai khác.

Bốn là nạn dao gậy, có hai: Một là nêu Môn. Hai là giải thích, có ba: Một là thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét định văn kinh. Hai là giải thích nghĩa, có ba: Đầu tiên là gặp phải nạn. Hai là xưng danh hiệu. Ba là từ “Nay nói v.v...” trở xuống là được ứng, có hai: Một là Căn cứ vào văn xoá bỏ để giải thích. Từ “Hỏi v.v...” trở xuống là so sánh với trước để phân biệt giải thích, có hai: Một là Hỏi. Hai là trả lời. Hai là dựa theo chứng đạt. Ba là quán hành, có hai: Một là Nêu chung ba chương. Hai là từ “Từ địa v.v...” trở xuống là giải thích riêng về ba tướng, có ba: Một là Quả báo, có hai: Thứ nhất nói về gặp nạn. Long Vương Sa-Già an trú trong cung điện mình nổi mây tuôn mưa, sáu tầng trời - bốn khu vực Tu-la rồng quỷ chiêu cảm nhìn thấy khác nhau, trời thấy hoa quý báu, người thấy nước trong, Tu-la thấy dao kiếm. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống nói về cơ ứng. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nghiệp ác, có hai: Một là Gặp nạn. Nghiệp ác chiêu cảm ba độc rừng rục, gần thì chướng ngại giới định - xa thì gây trở ngại cho ba quán, lời nói suy nghĩ bật dứt nơi chốn chính là tâm mâu nhiệm. Hai là từ “Khởi bố v.v...” trở xuống là cơ ứng. Ba là từ “kế là nói v.v...” trở xuống là phiền não, có hai: Một là Cơ, có hai: Thứ nhất là Thanh-văn, có hai: Đầu tiên là gặp khổ, có hai: Một là Giải thích về tướng. Hai là từ “Cho nên Đại v.v...” trở xuống là dẫn chứng. Kinh đó chép: “Ví như có vị vua

đựng bốn con rắn độc trong một cái rương nhỏ, sai người nuôi giữ chăm sóc, nếu làm cho một con rắn sanh tức giận, ta sẽ theo pháp xử chết giữa phố. người đó nghe rồi bỏ chiếc rương chạy trốn. Khi ấy nhà vua lại sai năm người Chiên-đà-la cầm dao đuổi theo. Bí mật sai một người giả làm bạn thân, mà nói rằng ông hãy trở về. Người đó không tin tìm đến một ngôi làng, hoàn toàn không thấy bóng người cầu mong vật không được. Liền thuận tiện ngồi xuống đất nghe tiếng nói giữa hư không, đêm nay sẽ có sáu bọn giặc lớn sáu tên đến. Người đó kinh hoàng lại bỏ đi tiếp, cho đến giữa đường gặp một con sông cắt dòng mà đi v.v...” Hợp lại nói rằng nếu con rắn làm hại người thì không rơi vào đường ác, không có năng lực của ba học thì chắc chắn bị năm Ấm Chiên-đà-la làm hại. Nếu không biết rõ Ấi là giả thân thiện nói lời dối gạt, quán sát sáu Nhập giống như chùm bọt, bọn giặc ở nơi sáu Trần sáu Nhập, muốn bỏ lại gặp, phiền não trôi lăn nhanh chóng cần phải dùng thuyền bè đạo phẩm, vận động tay chân vượt qua con sông Phần Đoạn. Thập Trú không tránh khỏi chỉ có Phật là rốt ráo. Văn kinh vốn có dụ cho ba thừa trước sau, nay dụ cho pháp quán của Thanh-văn, mười hai nhân duyên liên quan với giới cấm như thành trì, bạch pháp hắc pháp không lay động nghiệp của ba loại, gắn liền với nhau như nhà cửa. Năm dục làm hại như người tuốt dao, nạn ma cảnh xuất hiện như cổng bị canh giữ. Từ “Lúc ấy v.v...” trở xuống là được thoát khỏi. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là các địa vị. Tất cả dùng bốn quán nhất tâm xưng danh liền được giải thoát. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là Ứng, có hai: Một là Tiệm, có hai: Thứ nhất nói về bốn thế. Tùykiến, tùy tu đều phát khởi thế nguyện, trừ bỏ dao gậy ba chướng cho chúng sanh. Từ “Nay trú v.v...” trở xuống là nói về phó cơ, có ba: Một là Tướng của phó cơ. Thần lực Tam-muội xứng với các thế nguyện căn bản, mỗi pháp có thể dứt trừ. Từ “Đao gậy v.v...” trở xuống là pháp sở trú. Dùng bảy thứ nạn, biểu thị sáu loại bên trong đối với quán môn, Môn của Địa chủng này nay tu thành tựu. Từ “Như hoa v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh. Sáu loại thu nhiếp khắp tất cả cảnh quán, dao gậy ngăn trở vững chắc thuộc về Môn chữ Địa, cho nên dẫn chứng tường nhà, Địa chủng có thể hiện rõ chư Phật, và có thể phát khởi rõ ràng tất cả công đức định tuệ của Thiện Tài, nên biết là Địa Môn có thể thành tựu ứng hiện rộng khắp. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là Đốn, có hai: Một là Viên tu. Địa là pháp giới, chúng sanh - Phật và y, chánh chẳng có gì không hướng đến nhập vào pháp môn chữ Địa. Nên biết rằng một Trần không gì không đầy đủ ba đế tức là một Trần chẳng có là Không thì tất cả đều Không, Giả - Trung cũng

như vậy. Từ “Khởi trọn vẹn v.v...” trở xuống là Đốn Ứng, có hai: Một là nêu chung. Ba đế từ bi chẳng có gì không gồm nhiếp khắp cả, cho nên có thể cùng lúc khắp nơi dứt trừ các khổ đau. Từ “Nếu muốn v.v...” trở xuống là phân biệt. Bi trọn vẹn nên thường không thể luận bàn riêng. Nếu muốn để biết thì đối với cơ mà phân biệt. Bốn châu - bốn đường - bốn vua cõi Đạo-Lợi, mười Hữu ở đây có việc về dao gậy, có thể cảm được mười lực Tam-muội Vương. Tu thiện hữu lậu ngăn chặn dao gậy xấu ác cảm được hai mươi bốn lực Tam-muội Vương. Bốn giáo ba quán nhất tâm xưng danh, cảm được hai mươi lăm lực Tam-muội Vương.

Thứ năm là nạn quý, có hai: Một là Nêu ra Môn. Hai là từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống là giải thích theo đó, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét định văn kinh. Hai là từ “Tam thiên v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có bốn: Một là Nêu ra nơi chốn, có hai: Thứ nhất là giả thiết về Đại thiên. Hai là đối chiếu với trên để phân biệt giải thích. Hai là gặp nạn. Ba - Xưng danh. Bốn là từ “Quý sở v.v...” trở xuống là được ứng hiện. Ân và Uy tức là quay trở lại gồm nhiếp hai Môn. Dùng ân gồm nhiếp cho nên tâm làm hại và mất hung dữ cả hai đều không còn. Dùng uy chiết phục cho nên hung dữ và làm hại cũng như vậy. Hai là dựa theo việc nêu lên mà không giải thích hợp lại chú thích v.v... Nạn La-sát ở trên đã làm sáng tỏ việc đó, vì thế không nói lại. Ba là quán giải thích, có ba: Một là quả báo, có hai: Thứ nhất nói về nạn. Hàng chư Thiên ấy nóng giận tăng thêm các điều ác giúp thêm uy lực cho quý, Từ là nguồn gốc của thiện tiêu trừ thế lực của quý. Người thực hành nên biết, nếu nặng về nóng giận, thường cùng giống với ác quý về sự nghiệp đó. Nếu thường Từ bi, cùng với Phật - Bồ-tát, giống nhau về xuất xứ. Từ “Như thế v.v...” trở xuống là nói về Cảm. Từ “kể là nói rõ v.v...” trở xuống là nói về nghiệp ác, có hai: Một là Nói về nạn, có hai: Thứ nhất quý khuấy động ba độc. Tuy là ác quý khiến cho người dâm dật, cũng là nghiệp dâm đã dẫn đến, vì điều đó khởi lên nhiều suy nghĩ dâm dật, đến mức khiến cho quý dâm dật được thuận tiện; sân giận tà kiến cũng lại như vậy. Lại là nghiệp vốn có chiêu tập lẫn nhau, cho nên đến hôm nay cùng nhau tạo nghiệp gọi là quý. Như lửa nghiệp - nước nghiệp - gió nghiệp trước đây, cho nên nay các ác được gọi là quý, đều là dùng ba độc mà gọi là nghiệp ác, đâu khác với phiền não. Tùy ý vận dụng khởi lên ấy gọi là phiền não, chợt phát khởi quyết định có thể lay động thân miệng gọi là nghiệp ba độc. Nay đã có thể phá hoại năm giới mười thiện, chắc chắn không phải tùy ý vận dụng tham sân si. Trời người khen ngợi gọi là động nghiệp, bốn thiện

- bốn định gọi là bất động nghiệp. Từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống là nói về Cẩm. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là phiền não, có hai: Một là Cơ, có hai: Thứ nhất nói về nạn, có hai: Đầu tiên là nạn đã gặp, có hai: Trước là nói về Đây cả đại thiên. Nam tánh cứng rắn lạnh lợi như kiến giải suy ra phân định, nữ tánh mềm mỏng như ái vương mắc mãi không thoát được. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống là khắp cả ba cõi. Từ “Quý này v.v...” trở xuống là người gặp nạn. Từ cỏ cây bé nhỏ lên tám loại người thực hành, đều bị sự làm hại của quý phiền não. Từ “Nếu xung v.v...” trở xuống là nói về Cẩm. Kiến ái trần lao tức là nhiễm mà lại tịnh, vì thế cho nên kinh Tịnh Danh chọn lấy thí dụ, như người hầu tùy ý sai khiến. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nói về ứng, có hai: Một là Tiệm, có hai: Thứ nhất tùy theo tu tập mà lập nguyện. Như Ngật Noa Ca v.v..., tức là duyên khởi của kinh Thỉnh Quán Âm. Tỳ Xá Ly ở đây phiên là Quảng Nghiêm, nhân dân nước đó gặp bệnh đại ác, mắt đỏ như máu, hai tai chảy mủ, thậm chí sáu Thức bế tắt giống như người say, có năm Dạ Xoa tên gọi Ngật Noa Ca La, hút tinh khí của người. Từ “Đối với các v.v...” trở xuống là nương thế nguyện cứu giúp rộng khắp, có ba: Một là Nêu ra tướng. Tiệm tu đốn chứng Pháp thân tự tại, nạn quý ba chướng của pháp giới chúng sanh liên quan với bốn thế, mỗi pháp đều cứu giúp, có thể khiến cho các quý đều trở thành Phật thừa. Hai là từ “Như Hoa v.v...” trở xuống là dẫn kinh. Đây là Bồ-tát trú trong pháp môn Quý, có thể dùng thân quý mở rộng thực hiện Phật sự, quý của ba chướng hoặc là phá trừ, hoặc là sử dụng được tự tại, tất cả nạn quý trong một lúc cứu giúp rộng khắp. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết luận ích lợi. Từ “Nếu viên v.v...” trở xuống là Đốn, có hai: Một là Nói về Viên quán Từ bi. Thức chủng chính là thông suốt bây giờ dựa theo quý tu, tách biệt thuận theo ái kiến Thức chủng làm cảnh, một Thức tất cả Thức - tất cả Thức một Thức, chẳng phải một chẳng phải tất cả mà một mà tất cả. Đây là Quý môn của mười pháp giới, ba đế dựa vào diệu cảnh này, chân chánh phát tâm mới có thể ứng hiện khắp nơi. Từ “Nếu phân v.v...” trở xuống là nói tùy cơ phân biệt. Việc về quý đã có thể nào hại đến Đệ Thích, cho nên Địa Cư Thiên - bốn châu - bốn đường, cảm đến mười thứ lực Tam-muội Vương. Nghĩa còn lại giống như trước.

Thứ sáu là nạn gông xiềng, có hai: Một là nêu ra Môn. Hai là tùy đó giải thích, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là trích kinh. Hai là từ “Trên là sắp v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có bốn: Một là Nêu ra tội. Hai là từ “Ở tay v.v...” trở xuống là gặp nạn. Ba là

từ “Chim chết v.v...” trở xuống là xưng danh hiệu. Tăng Tử chép: “Khi chim sắp chết tiếng kêu của nó đau thương, con người sắp chết lời nói của họ rất chân thật”. Bốn là được ứng hiện, hai là dựa theo việc, ba là quán giải thích, có hai: Một là Chính nói về công xiềng, có ba: Thứ nhất là quả báo, có hai: Đầu tiên nói về nạn. Sự việc gắn liền chỉ ở tại bốn đường ba châu. Hai là từ “Nếu có thể v.v...” trở xuống nói về Cảm. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nghiệp ác, có ba: Một là Nói về nạn. Hai là từ “Nếu muốn v.v...” trở xuống là nói về Cảm. Ba là từ “Cho nên, kinh nói v.v...” trở xuống là dẫn kinh. Ngục tù giam giữ còn có khi được thả, vợ con tiền tài giam giữ không có ngày thoát khỏi. Người hưởng về những gì trong hiện tại, chỉ có vợ con trước mắt và tiền tài cũng là nghiệp vừa là báo. Vì sao? Vì nếu từ hiện tại mà nói thì gọi đó là báo, từ quá khứ mà nói thì gọi là nghiệp. Nên biết rằng ngăn trở nghiệp thiện đều là ác đời trước, ác này hoặc đã thành báo ứng, mới dựa theo báo để ngăn trở, tức là y báo của vợ con và tự mình bây giờ. Nếu chưa thành báo ứng thì nay thuộc về nghiệp đạo, cũng tự có khả năng làm cho nghiệp thiện không thành tựu. Lại, vợ con tiền tài mọi thứ bây giờ không chắc là chướng ngại. Nếu ở đời trước cùng nhau mưu cầu nhân thiện, thì bây giờ có thể làm trợ duyên tu đạo, như vua Diệu Trang Nghiêm nhờ vợ con cho nên thấy Phật ngộ đạo. Hiện tại thấy có người vợ con khuyến khích làm thiện chứa để tiền của thường bố thí. Nay từ nhân ác chiêu cảm, vợ con tiền tài gọi là xiềng xích gọi là lao ngục. Nếu quay về với Quán Âm thì trở thành nghiệp của báo, và chưa thành tựu điều ấy thì nghiệp ác đều dừng lại.

Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là phiền não, có hai: Đầu tiên theo giải thích Tiểu thừa, có hai: Trước là nói về nạn. Phạm phu kiến tư đều đang còn, Sơ quả, Nhị quả, Tam quả tư hoặc chưa hết, đều gọi là có tội. La-hán tư hoặc không còn gọi là vô tội. Kinh Đại Phẩm chỉ ra Hữu học - vô học, gọi là Đại Long, cho nên nói là Ma-ha-Na-gia. Người Hữu học còn Tư hoặc gọi là có tội, hàng vô học dứt trừ hết gọi là vô tội, đều chưa phải Vô dư, gọi là cùng nhau ở trong lao ngục. Đã có thân của quả lễ nào tránh được năm Ấm cho đến ba tướng, như thế gọi là giam giữ. Quyền thật v.v... Đây là dựa theo có tội để nêu ra, ngăn trở đối với hai trí cất nhắc gọi là cái còng (nữ), gây trở ngại cho hai hạnh tiến lên hưởng về gọi là cái cùm (giới), Tiểu thừa dùng đoạn - thường để công Trung đạo, thường ngăn trở năm phần để xiềng xích (toả) Pháp thân, chỉ là kiến tư đối với các chướng ngại, được tên gọi là nữ giới già toả v.v... Hai là từ “Xưng danh v.v...” trở xuống là nói về Cảm. Từ “Đây lại

có v.v...” trở xuống là nói cả Đại thừa. Nếu đối với tất cả hoặc mà luận về những công cùm xiềng xích v.v..., Tức là người bên Tạng - Thông giáo. Nếu chính nơi Hoặc sai khác nói về những công cùm xiềng xích v.v..., tức là người thuộc Biệt giáo - Viên giáo. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nêu các địa vị. Từ “Nếu luận v.v...” trở xuống là nói về Ứng. Tiệm đốn từ bi ở nhân, ban vui cứu khổ trọn vẹn là nói về quả, đều như trên đã nói. Từ “Nếu ba v.v...” trở xuống bao gồm nói về Không - Thức, có hai: Một là Phổ ứng chỉ cho trước kia. Hai là từ “Luận đó v.v...” trở xuống là bốn quán. Nay nói có hai: Một là Tiệm, có hai: Thứ nhất là bốn quán từ bi, có hai: Đầu tiên là tùy theo quán nêu ra. Tất cả phiền não là Thức tạo ra, Thức chính là nạn. Không tuy chẳng phải nạn nhưng có thể xảy ra nạn, cho nên không cũng gọi là nạn. Không là nghiệp: Cũng là nghiệp vì thân có Không ở bên trong, cho nên thường hoạt động tạo ra nghiệp nhân, Không bên ngoài cũng như vậy. Không là hoặc: Đối với cảnh mê ngộ trở thành chướng - trở thành lý, tất cả pháp tà tất cả pháp chánh, mà hưởng về từng tiết từng tiết một khởi lên thệ nguyện ban cho và dứt trừ. Từ “Cho nên, Tịnh Danh v.v...” trở xuống là dẫn ra kinh chứng minh. Phẩm Nhập Bất Nhị Pháp Môn, nói về tướng Bồ-tát: “Bốn chủng khác nhau - Không chủng khác nhau là hai, tánh bốn chủng tức là Không chủng, như lúc trước lúc sau Không, cho nên lúc giữa cũng Không. Nếu người có thể biết các chủng tánh như vậy, đó là nhập vào pháp môn không hai”. Đã nói bốn chủng tánh, tức là Không chủng tánh, ngay nơi tánh nói không thì Không là lý Trung đạo. Đây là dùng lý Trung đạo không đối với Sự có hai. Nơi kia dựa theo năm chủng tức là tánh cho nên không hai. Nay nói sáu chủng chẳng lẽ không tức là tánh; đạt được ý kinh cho nên thêm vào Thức chủng, càng nói lên không hai. Nếu Không - Thức đó không chính là Trung đạo, lấy gì để làm Thệ của Tam-muội Vương? Hai là từ “Thành Vương v.v...” trở xuống là nương thệ nguyện ứng phó, có hai: Một là Nêu ra tướng. Hai là từ “Hoa Nghiêm v.v...” trở xuống là dẫn chứng. Thấy thật tướng Không, có thể ở nơi hư không đặt ra nhiều sự việc, lợi ích cho các chúng sanh. Hai là từ “Nếu làm v.v...” trở xuống là Đốn, có hai: Một là tu trọn vẹn Không, Thức. Các môn quán pháp phần nhiều mở rộng tâm thức, thuận theo tiếp cận thuận theo yêu cầu vì sơ tâm thay đổi. Căn tánh người không giống nhau, có người thích hợp quán bên ngoài mà được lợi ích, trong bốn niệm xứ, chúng sanh ở cõi dưới phần nhiều mê đắm bên ngoài, cho nên khiến gồm nhiếp cảnh quán quay về nội tâm, chúng sanh ở cõi trên phần nhiều mê đắm nội tâm, vì thế khiến quán

sát Sắc làm mất đi mê đắm bên trong. Nay quán sát Không chủng, cũng là tương tự Sắc, chỉ là một Sắc ngoài Không chẳng có pháp, tất cả mười pháp giới đều hướng về Không môn, Không chính là ba đế, tất cả pháp đều chính là ba đế, ba đế từ bi không chúng sanh nào không gồm nhiếp. Hai là từ “Khởi không v.v...” trở xuống là Từ bi phổ ứng.

Thứ bảy là nạn cướp bóc, có hai: Một là liệt kê Môn. Hai là từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống là giải thích tùy theo, có ba: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất chính là giải thích về cướp bóc, có hai: Đầu tiên là xét định văn kinh. Hai là từ “Nạn xứ v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có bốn: Một là Nêu ra nạn xứ, có hai: Thứ nhất nói về Xứ. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nói về nạn, có hai: Một là Giải thích về đầy cả cõi nước đại thiên. Hai là từ “Oán là v.v...” trở xuống là giải thích cướp bóc. Từ “Hai là nêu v.v...” trở xuống là người gặp nạn, có hai: Một là Nêu ra bốn nghĩa. Từ “Thương là v.v...” trở xuống là giải thích bốn nghĩa, có bốn: Một là Giải thích về thương chủ. Từ “Đã có v.v...” trở xuống là giải thích về thương nhân. Ba là từ “Đã trải qua chỗ xa v.v...” trở xuống là giải thích về trọng bảo. Vì người nhiều địa phương xa hiển bày mang theo hàng hóa quý báu. Bốn là từ “Đường hiểm v.v...” trở xuống là giải thích. Lấy hai sự việc xứ và người để giải thích nguy hiểm. Từ “Cơ là v.v...” trở xuống là nói về có cơ duyên, có hai: Một là Nêu ra bốn nghĩa của kinh. Hai là từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là chung giải thích bốn nghĩa, có hai: Một là Nói về ba loại trước giúp đỡ tiến lên, có hai: Thứ nhất là giải thích, có hai: Đầu tiên nói về giả thiết ba nguyên cố. Nhất tâm xưng danh là kế sách ấy là càng không vượt qua nơi này biết đức có thể dựa vào nhìn đó thì chắc chắn. Hai là từ “Nếu không v.v...” trở xuống nói về không có ba loại không thể tiến lên. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết luận. Từ “Ba nghĩa v.v...” trở xuống là nói một loại sau có thể cảm được, có hai: Một là Nói về ba nhân cho nên xưng gọi. Hai là từ “Nam mô v.v...” trở xuống là dịch âm Phạm dựa sát vào Hoa ngữ. Bốn là nói về được ứng hiện. Từ “kế là kết v.v...” trở xuống là nhờ vào kết hợp miệng cơ, có hai: Một là Nêu lên kinh. Hai là từ “Nay nói v.v...” trở xuống là nhờ vào kết hợp miệng cơ, có hai: Một là Dựa theo uy lực để trình bày. Hai là từ “Nguy nguy v.v...” trở xuống là dựa theo nghĩa của chữ để biểu hiện. Hai là dựa theo việc chứng minh. Ba là quán giải thích, có ba: Một là Quả báo. Hai là từ “Tu thiện v.v...” trở xuống là nghiệp ác. Tu thiện trị ác, nếu ác nhiều, thiện ít, ác tức là cướp bóc, nếu thiện nhiều ác ít thì ác làm tội tở, xu thế như băng tuyết với lửa thì nhiều có thể diệt trừ ít, buộc niệm thành cơ thì ác

bỏ mà thiện còn. Ba là từ “kế là nói v.v...” trở xuống là phiền não, có hai: Một là nói sơ lược về cơ, có hai: Thứ nhất là nói đầy đủ về tám loại cảm ứng phá hoặc, cho nên nay cướp bóc chỉ nói bốn hạnh. Gặp giặc phiền não đem trải qua bốn giáo, tự gồm nhiếp tám loại. Nói bốn hạnh ấy là: Một là Giới pháp thọ trì. Hai là Nghe và luyện tập giáo lý. Ba - Nghiền ngẫm tu tập chánh quán. Bốn - Chánh đạo và trợ đạo hợp lại thực hành. Người thực hành xuất thế trước phải vâng chịu giới pháp, tùy theo cảnh bảo vệ giữ cho tâm luyện tập giáo pháp, dựa vào giáo hiển bày lý - Xứng với lý để tu quán, dùng chánh đạo dẫn dắt trợ đạo. Nếu không phải bốn hạnh này thì mong gì nhập vào Thánh vị?

Thứ nhất từ “Thương chủ v.v...” trở xuống là ba câu trong Giới nói về Thọ - một câu nói về Trì. Năm trần có thể sát hại tâm giữ gìn bảo vệ, gọi là kẻ thù của giới. Kế là từ “Hoặc pháp v.v...” trở xuống là trong thính pháp. Thầy trò nói nghe đều muốn dựa vào giáo mà biểu hiện lý. Hai loại này đều được gọi là vật quý quan trọng (trọng bảo): Vì giải thích ý chỉ đó được thì đều được - mất thì đều mất, điều đó giống như nhận ra ngón tay mới chính là thấy mặt trăng. Vì thế biết hiểu rõ giáo quả thật là không dễ dàng, hướng chi là lý ư? Nhưng mà chủ nhân và đồng nghiệp cả hai điều mừng xen lẫn ma quỷ, hai thứ báu đều mất; thầy vì lợi ích cho nên nói, trò vì danh tiếng cho nên học, hai loại người này đều trở thành nghiệp ma. Hoặc thầy giận dữ với học trò, hoặc học trò oán hận thầy, cũng là hai người gặp phải việc ma. Từ “Hoặc tâm v.v...” trở xuống là trong lúc tu quán, nếu tâm vương chánh thì tâm sở cũng chánh, vương và sở cùng mong cầu vật báu chánh trí, ba độc giác quán có thể cướp đi vật báu này, thật là giặc cướp. Từ “hoặc Bát-nhã v.v...” trở xuống là ở trong chánh đạo và trợ đạo. Chánh quán Bát-nhã dẫn dắt năm trợ hạnh, cùng nhau biểu hiện vật báu về lý. Bát-nhã giống như biết rõ kho vàng, năm Độ là sử dụng công sức đào ra. Giặc sáu Tế làm hại hai nhân này, còn muốn che giấu kho tàng này, đó gọi là giặc cướp. Từ “Tương thử v.v...” trở xuống là trải qua các giáo nói về Cảm. Người thực hành của bốn giáo mỗi pháp phải có đủ bốn, nếu gặp giặc cướp, nhất tâm xưng danh hiệu thì bốn hạnh đều thành tựu. Hai là ví dụ nói về ứng. Ví dụ sáu loại trước đây cho nên lược qua không nói.

Thứ hai là cơ về ý nghiệp, có hai: Một là nêu ra môn. Hai là từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống là giải thích theo đó, có hai: Một là Thuận theo văn, có hai: Thứ nhất là xét định văn kinh. Hai là giải thích nghĩa, có hai: Một là Chính thức nói về ý cơ, có hai: Thứ nhất là nêu chung văn kinh. Hai là từ “Thông xưng v.v...” trở xuống là giải thích tất cả nghĩa

của kinh, có ba: Một là Dựa theo kinh luận giải thích ba độc, có hai: Thứ nhất là giải thích chung, có hai: Đầu tiên nói về đơn - phức. Nói tham sân si, đây là ba đơn. Nay từ Phức nêu ra, cho nên nói là dâm dục - sân nhuế - ngu si. Đại Bản Sở chép: “Tự ái là dục - ái tha là dâm; tự phần là nhuế - phần tha là sân, tự mê hoặc là ngu mê hoặc tha là si”. Từ “Có người v.v...” trở xuống là nói về nhiều ít, có hai: Một: Người khác nói về ít. Hai là từ “Ý cho rằng v.v...” trở xuống là nay nói về nhiều, có hai: Một là Đặt ra kinh Tiểu thừa. Hai là từ “Nay trình bày v.v...” trở xuống là nói về nhiều có thể cảm ứng. Sự nhiều ít của độc là bởi huân tập ở mức độ nặng nhẹ tiến lên của cầu mong không thể căn cứ vào cơ có hay không. Người không có cơ duyên thì độc nhiều độc ít đều không mong cầu xa lìa, nếu có cơ duyên đó thì độc nhiều độc ít đều có thể mong cầu lìa bỏ. Người xưa không hiểu chấp rằng nhiều thì không mong cầu, nay trình bày có thể niệm cho dù nhiều cũng lìa xa. Từ “Đại Luận v.v...” trở xuống là giải thích riêng biệt, có hai: Một Chính là giải thích riêng biệt, có ba: Thứ nhất là tham dục, có bốn: Đầu tiên là Đại Luận nói về nhân vốn có, ý giống như kinh này, tội chê bai kinh trải qua các đường ác, cho dù được thân người, dâm dục hừng hực không khác gì cầm thú, nếu không cầu mong xa lìa, thì trở lại sa vào đường khổ không kỳ hạn giải thoát. Hai là từ “Không chọn v.v...” trở xuống là hiện rõ việc nói về sai lầm tai họa. Thuật Bà Già duyên đại khái như Huyền Ký. Bao Tự ấy là con gái của nước Bao. U Vương nhà Chu đánh nước Bao, người nước Bao đem Tự dâng tặng, Vua rất đổi mê hoặc. Ban đầu U Vương cùng chư hầu quy ước, có giặc xâm lược thì lập tức đánh trống đốt lửa, chư hầu đến cứu nguy. Đến khi mê mẫn Bao Tự mà Bao Tự không cười, Vương muốn nộ cười của Bao Tự, thế là đánh trống đốt lửa, chư hầu đều kéo đến mà không có giặc giả gì, Bao Tự mới cười. Lại thích nghe tiếng rách toạc của tơ lụa, khiến xé toạc tơ lụa để vừa ý Bao Tự. Đến khi trình thưa chư hầu và binh lính khuyến Nhung kéo đến, đánh trống đốt lửa, nhưng chư hầu cho rằng như trước kia bị coi là lừa dối, không có ai đến nữa nên bị thua trận.

Ba là từ “Tịnh trú v.v...” trở xuống là hai kinh nói về trùng quỷ, đều là hữu tình, vì cùng chung nghiệp cho nên giúp đỡ con người trở lại mê hoặc. Còn trong A-hàm chép: “Dâm cũng có quỷ, quỷ nhập vào tâm thì khiến cho dâm dật vô độ”. Bốn là từ “Như Đại v.v...” trở xuống là Đại Kinh nói về nhiều ít. Tập quả nếu thành tựu thì báo quả đến nơi nên nói là chín muồi (thục). Như người tai ương đến cùng với pháp lệnh của Vua, tức là có người ác khen ngợi giúp đỡ làm ác, trùng quỷ như người

giúp đỡ, địa ngục như pháp lệnh của Vua, đây là tướng nặng về dục. Nếu trái lại điều này thì gọi là tướng ít. Hai là sân nhuế, có bốn:

Một là Dựa theo dụ nói về tướng sân.

Hai là “Cho nên, kinh Di giáo...” trở xuống là hai kinh nói về chương đạo. Từ là căn bản của tất cả pháp thiện, sân đã trái với từ gọi là cướp đoạt là chương ngại. Bách pháp minh môn tức là ngăn trở pháp sở chứng của Biệt - Viên - Địa - Trú. Nhân Vương chép: “Sơ Địa đạt được Bách Pháp Minh Môn, Nhị Địa đạt được ngàn pháp v.v...” Địa Luận chép: “Nhập vào Bách Pháp minh môn tăng thêm trí tuệ, tư duy về nghĩa của các loại pháp môn, cho nên bách pháp ấy, thuận theo Luận Bách Pháp đã nói”. Ba là từ “Đại Tập v.v...” trở xuống là hai kinh nói về ma nghiệp. Phật dùng Từ - Định thường hàng phục ma trời, cho nên biết Sân tâm là ma đã đầu hàng, thói quen gần gũi tức giận là lúc báo ứng chín muồi. Bốn là từ “Hoặc cũng như v.v...” trở xuống là ví dụ có trùng quỷ như trên, nếu trùng quỷ ẩn nấp là tướng Sân ít.

Ba là ngu si có hai: Một là nói về sai lầm tai họa. Ba câu nói về tướng của tà si. Như Đại Kinh là hợp lại nói thói quen gần gũi là lúc báo ứng chín muồi. Đây chính là hai quả của tà si và tập báo, Si tâm quen rồi trở thành báo ứng địa ngục chín muồi. Từ “Cũng như trước v.v...” trở xuống là ví dụ về trùng quỷ. Nhiều ít tùy theo người. Từ “Ba độc v.v...” trở xuống là tổng kết về sai lầm. Từ “LiA-dục v.v...” trở xuống là dựa theo hàng phục dứt trừ nói về được xa lìa, có ba: Một là Nêu ra niệm được xa lìa. Từ “Có người v.v...” trở xuống là bác bỏ sai trái nói lên chính đáng, có hai: Một là Người khác hiểu sai về diệt trừ và xa lìa. Vì Sư khác không hiểu rõ thường niệm, có thể làm cho ba độc không được diệt trừ lìa xa. Hai là từ “Nay cho rằng v.v...” trở xuống là hai kinh nói về thanh tịnh tất cả. Kinh nói thẳng về lìa xa, sao riêng biệt giải thích về hàng phục? Nếu vì niệm cho nên chỉ có thể hàng phục là gắn liền niệm với sáu chữ có thể hết sạch độc căn, đến thành tựu Phật đạo cũng chỉ có hàng phục tà. Từ “Nay làm v.v...” trở xuống chính là nói về hàng phục dứt trừ quả báo tu nhân. Bồ-tát Tam Tạng, đây là ba bậc hàng phục hoặc chương. Thanh-văn - Duyên-giác - Bồ-tát của Thông giáo Biệt giáo Viên giáo - người ở cõi Phương Tiện - người cõi Thật Báo, đây là bảy bậc dứt trừ hoặc chương. Ba là từ “Hỏi lìa v.v...” trở xuống là dựa theo hỏi đáp để nói về thường niệm, có hai: Một là Dựa theo niệm chẳng xa lìa nạn Hoặc. Hai là từ “Đáp kinh v.v...” trở xuống là dựa theo niệm chính là trí tuệ để giải thích, có hai: Một là Sơ lược nói về đức của chánh niệm, có hai: Thứ nhất là ngay nơi niệm nói về công lao của tuệ.

Các tên gọi như niệm - tưởng - quán - trí v.v... có lỗi có đức có nghiêng về có trọn vẹn cần phải dựa theo sáu câu để xác định Pháp Thể đó, vì vậy niệm Viên - Trung phá bỏ trí Thiên - Tiểu, trí của Viên - Trung phá bỏ niệm thiên - Tiểu, niệm của Thiên - Tiểu tu tập trí Viên - Trung, trí của Thiên - Tiểu tu tập niệm Viên - Trung, niệm của Viên - Trung tức là trí Viên - Trung, trí của Viên - Trung chính là niệm Viên - Trung. Dùng sáu câu này lựa chọn pháp đúng sai, mới hiểu rõ tất cả danh tướng của kinh luận. Người hỏi mơ hồ điều này, vì thế khiến cho chẳng phải niệm mà là ở tại trí. Nay văn đầy đủ này đã nói Thường niệm, biểu hiện chẳng phải hai bên có niệm sanh diệt, niệm của Trung - Chánh cả hai ngăn dứt cả hai soi chiếu. Thể phiền não tánh là thân Quán Âm, không phá trừ phiền não không đặt ra Quán Âm. Phá, lập đã quên, Năng, Sở này bật dứt đó là Thường niệm, cung kính Quán Âm, không xa lìa ba độc mà lìa xa ba độc. Nếu có Quán Âm có thể sanh khởi duyên niệm, nếu thấy ba độc cần phải diệt trừ lìa xa nó. Đây chính là tăng thêm độc thì chẳng phải xa lìa độc. Từ “Nếu như v.v...” trở xuống là sai lầm về xa lìa niệm nói về tuệ. Từ “Nay đây v.v...” trở xuống chính là nói về tướng của tu quán, có hai: Một là Quên bật soi chiếu đều nói về bốn câu. Chánh niệm nhiệm thể này đã bật dứt quên soi chiếu không trở ngại, tức là soi chiếu ba đế chính là quên bật ba quán. Tuy dựa theo bốn câu mà chỉ quên bật ba quán, vì cả hai là chẳng phải cả hai, cũng chỉ là Trung cho nên không dùng sắc niệm quên Tục. Dùng Sắc ví dụ cho tất cả các pháp, không dùng phi Sắc niệm quên Chân. Hợp lại chép: Không dùng Phi sắc - Phi phi sắc niệm, quên cả hai ngăn che Trung, không dùng vừa sắc - vừa phi sắc niệm, quên cả hai soi chiếu Trung. Dựa theo soi chiếu ba đế lại trở thành bốn câu. Cũng dùng Sắc niệm soi chiếu Tục, cũng dùng Phi sắc niệm soi chiếu Chân, cũng dùng Phi Sắc - Phi phi sắc niệm, soi chiếu cả hai ngăn che Trung, cũng dùng vừa sắc - vừa phi sắc niệm, soi chiếu cả hai để soi chiếu Trung. Nên biết rằng khéo quên Giả mới khéo soi chiếu Giả, khéo quên Không mới khéo soi chiếu Không, khéo quên cả hai chẳng phải mới soi chiếu cả hai chẳng phải, khéo quên cả hai cũng là mới soi chiếu cả hai cũng là, không cần phải dùng Không quên Giả - dùng Giả quên Không, cả hai chẳng phải - cả hai cũng là đều biết như vậy. Đây chính là luận đầy đủ về niệm, tức là pháp giới chẳng đức nào không có đủ, cho nên làm thành bốn câu tự tại mà nói. Suốt ngày quên bật bốn - suốt ngày soi chiếu bốn, như vậy mới là Thường niệm Quán Âm. Từ “hoặc kể v.v...” trở xuống là Tiệm - Đốn có các thứ bốn câu. Thứ tự chẳng phải niệm quên bật bốn câu, lần

lượt nói về niệm soi chiếu bốn câu, quên bật - soi chiếu vốn câu mong xa lìa ba độc, cho nên lần lượt xa lìa cũng có bốn câu. Nếu đạt được ý ba quán của Biệt giáo thì các câu có thể thấy. Vì sao? Vì như lúc soi chiếu Không, chắc chắn cần phải quên bật Không để bỏ đi chấp mắc, do đó quên bật - soi chiếu thành tựu thì chắc chắn xa lìa kiến - tư, cho nên không quán này có quên bật có soi chiếu có xa lìa. Kế là quán Giả - sau cùng quán Trung, đều phải nói về quên bật - soi chiếu và lìa xa. Nếu cả ba lần lượt quên bật - soi chiếu - lìa xa, đây là Viên quán như hướng về bốn câu.

Từ “kế là căn cứ v.v...” trở xuống là quán giải thích, có hai: Một là Bảy loại trước chỉ ra ở trên. Từ quả báo trở lên đến Bồ-tát Thông giáo, đều không thể phá trừ Tập của Vô tác. Người bên Biệt giáo tuy phá trừ mà còn ở tâm sau, nay từ Sơ tâm cho nên giống như trước chỉ ra. Hai là từ “Nay chỉ v.v...” trở xuống là ba loại sau đang nói, có hai: Một là Ba độc nghịch thuận chính nêu, có hai: Thứ nhất là dựa theo giới ngoại nêu lên cả hai. Hai là từ “Nay chọn lấy v.v...” trở xuống là dựa vào pháp tướng giải thích rộng ra, có hai: Đầu tiên là nghịch thuận đều nêu ra, có hai: Một là Thuận thì dựa vào phiền não để giải thích. Thứ nhất nói về độc làm hại, có hai: Một là Ba độc trong nhị thừa, có hai: Đầu tiên nói về tướng độc, có hai: Trước hết hợp lại nói về ba độc. Từ “Khai ba v.v...” trở xuống là triển khai thành tám muôn. Đã có ba độc thì phải nói về các phần, bốn phần đều có đủ hai muôn một ngàn, vì thế cho nên thành ra tám muôn bốn ngàn, giới nội đã vậy thì giới ngoại cũng như thế. Vì sao? Vì Đại thừa nói các pháp bất diệt, nói rằng dứt hoặc là chỉ chuyển hữu lậu mà thành vô lậu, nhập vào Giả - nhập vào Trung, tám muôn bốn ngàn tùy theo quán mà chuyển đổi, đến quả mới gọi là tám muôn bốn ngàn Ba-la-mật. Hai là từ “Tịnh Danh v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh. Trong phẩm Quán Chúng sanh: “Thiên Nữ lấy rải hoa cõi trời lên các vị Bồ-tát - Đại đệ tử, hoa đến chỗ các vị Bồ-tát thì đều rơi xuống, đến chỗ Đại đệ tử thì vương lại không rơi rụng, thần lực của tất cả các vị đệ tử gạt bỏ hoa mà không thể nào làm cho rơi bỏ. Lúc ấy, Thiên Nữ hỏi Xá-lợi-phất: Vì sao gạt bỏ hoa?”

Đáp: Hoa này không bằng pháp cho nên gạt bỏ. Thiên Nữ chép: “Đừng nói rằng hoa này không bằng pháp. Vì sao? Vì hoa này không hề phân biệt, Nhân giả tự nảy sanh ý tưởng phân biệt mà thôi”. Cho đến chép: “Kết tập chưa hết nên hoa vương lại nơi thân mà thôi, người không còn kết tập thì hoa không vương lại”. Sở giải điều đó chép: “Hoa đến chỗ Bồ-tát đều rơi đều đó nói lên Bồ-tát an trú giải thoát không thể

ngã bàn, sanh về cõi Thật Báo đã lìa xa biệt hoặc, năm dục hấp dẫn kia vốn không thể lay động, cho nên hoa không vương vào thân mà đều tự nhiên rơi, đến chỗ các vị Đại đệ tử liền vương lại không rơi ấy là Nhị thừa chỉ dứt trừ năm dục của giới nội, vì thế năm dục của thế gian vốn không thể nào lay động, vì biệt hoặc chưa dứt trừ, cho nên bị sắc thanh hấp dẫn của giới ngoại làm cho nhiễm ô. Vì thế trách: Kết tập chưa hết thì hoa vương lại thân, đâu liên quan đến biệt hoặc?

Đáp: Đại Luận chép: “Đối với Thanh-văn kinh nói là tập khí, đối với Ma-ha-diễn nói là chánh sử, chính là biệt hoặc. Từ “Chưa dứt v.v...” trở xuống là ba đọc ở Bồ-tát. Cùng có ba đọc này ấy là so với Nhị thừa tên gọi giống nhau mà nghĩa khác nhau, trước chỉ là tham Không, nay tham cả Tục - Trung, trước sân với sanh tử, nay sân cả Niết-bàn, trước không đạt được chân, tức là Trung đạo làm si, nay thấy Trung đạo chưa được sáng tỏ là si. Như thí dụ về đại thụ gãy cành. Trong Đại Luận quyển ba mươi ba chép: “Ví như đầm trống có cây, tên gọi Xa Ma Lê, cành vuông và rộng, rất nhiều chim muông tụ tập trú ngụ, một con chim bồ câu đến sau đậu ở một cành phía trên, cành vuông lập tức về thế mà gãy. Thần đầm hỏi lý do chuyện đó, thần cây đáp: con chim này từ cây kẻ thù của mình đến, ăn hạt cây Ni Câu Loại kia đến đậu, lại trên tôi, chắc là đang vãi phân, hạt rơi xuống đất thì cây ác tiếp tục mọc lên, làm hại chắc chắn không ít, vì thế cho nên lòng dạ buồn rầu, thà rằng gãy một cành để giữ vẹn cái to lớn ấy”. Luận kia dụ cho Bồ-tát sợ rằng Nhị thừa hoại diệt tâm Phật thừa. Từ “Muốn trừ v.v...” trở xuống là nói về Cơ ứng, có hai: Một là nói về chánh niệm cơ ứng. Hai là từ “lìa hẳn v.v...” trở xuống là nói giữ trọn phần của cõi trên. Sanh thân của Bồ-tát nếu chưa được nhập vào Trú - Địa Biệt Viên, thì sanh đến cõi Phương tiện, cho nên ở tại Biến dịch nói về toàn bộ chưa lìa bỏ hoặc vô minh. Nếu người còn sanh thân nhập vào trú - địa, tức là sanh về cõi Thật Báo, cho nên đối với Biến dịch trừ bỏ biệt hoặc còn sót lại. Một cõi Biến dịch phân chia ở tại Phương tiện- Thật báo, khác nhau ấy chỉ căn cứ vào sanh thân đối với hoặc Vô minh, vì có xâm nhập - chưa xâm nhập khác nhau.

Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là nghịch dựa theo pháp môn để giải thích. Dùng tên gọi phiền não đặt ra tên gọi quán pháp, không thuận theo đường lối thông thường nên nói là nghịch thuyết. Nhưng nếu không biết nghĩa của tánh ác, làm sao ba đọc mà trở thành ba quán? Trong đó có hai: Một là nói về độc - quán sắp thành tựu, có hai thứ nhất nói về phàm phu tiểu thừa độc ít. Pháp lược bớt đối với si - người lược

bớt Bồ-tát. Si tùy theo tham - nhuế cũng gọi là ít. Bồ-tát nghiêng về Giả thì ba độc chẳng phải nhiều. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là nêu người Viên giáo độc nhiều, có hai: Một là ngay nơi tên gọi của độc nói về Đại. Ngôn ngữ sơ lược giống như trước mà ý thì khác nhau hẳn. Trước kia đối với hai đế nghiêng về luận lấy bỏ, là có thể xa lìa pháp; nay dựa vào ba đế nói về tham sân si, là đạo rất ráo. Độc của lý tánh không đâu chẳng rộng khắp, cho nên đều gọi là Đại. Năm Bất thọ ấy, đó là thọ cũng không thọ, không thọ cũng không thọ, vừa thọ vừa không thọ, cũng không thọ chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ cũng không thọ. Không thọ cũng không thọ, đều nói là không thọ ấy, tức là quán vô sanh trừ sạch đối với lấy bỏ, bốn loại trước tức là xa lìa bốn câu, một loại sau cho rằng quán cũng tự mất. Vì thế trong Đại phẩm quyển ba chép: Thân tử hỏi Bồ-đề vì sao không thọ?

Đáp: Bất-nhã Ba-la-mật không cho nên tự tánh không thọ”. Từ “Vô minh v.v...” trở xuống là nói về si độc, phải luận ngay nơi tánh, khác với chỉ Tu ở trước. Từ “Lại Si v.v...” trở xuống là nói về si v.v... Nếu chẳng phải ngay tánh, chẳng lẽ đều như hư không chẳng thể cùng tận hay sao? Từ “Như đây v.v...” trở xuống là dựa theo pháp môn nói về Diệu, có ba: Một là Nêu ra ba môn. Pháp của lý tánh đức vượt quá một thời gian (tế), hoặc gọi là độc hại, hoặc gọi là công dụng. Nay trình bày ba độc là ba pháp môn, thì Phật - Bồ-tát chẳng có gì không tu chứng. Từ “Đại từ v.v...” trở xuống là giải thích ba tướng. Cảnh kiến tư ba độc của viên quán tức là ba pháp môn gồm nhiếp tất cả các đức, có ba:

Một là Đại tham pháp môn đại từ địa bi: Chư Phật dùng Vô duyên từ bi xông ướp rộng khắp ba nghiệp, hiện bày sắc thân khắp thế giới mười phương, mà làm Phật sự. Tên gọi của Từ Bi tuy giống như trong bốn vô lượng mà thể khác hẳn. Bốn nhiếp là: Một là Bố thí nhiếp. Hai là Ái ngữ nhiếp. Ba. Lợi hành nhiếp. Bốn - Đồng sự nhiếp. Chúng sanh vì tình ái ấy tức là bốn pháp này, dùng bốn tiếp tục dẫn dắt theo với chánh đạo, mà độ thoát được. Thập lực ấy là: Một là Thị xứ phi xứ lực. Hai là Nghiệp lực. Ba. Định lực. Bốn. Căn lực. Năm là Dục lực. Sáu. Tánh lực. Bảy là Chí xứ đạo lực. Tám là Túc mạng lực. Chín là Thiên nhân lực, Mười là Lưu tận lực. Vô úy tức là bốn vô sở úy: Một là Nhất-thiết-trí vô sở úy. Hai là Lưu tận vô sở úy. Ba là Thuyết chướng đạo vô sở úy. Bốn là Thuyết tận khổ đạo vô sở úy. Ở trong tám chúng nói rộng rãi về tự tha trí đoạn đã quyết định không sai lầm, tức là tướng không còn dẫn đến sợ hãi, cho nên gọi là Vô sở úy. Tam-muội tức là một trăm lẻ tám Tam-muội, giải thích hoàn toàn giống như Pháp Giới Thứ đệ.

Hai là pháp môn Đại sân. Bát-nhã tức là ba Bát-nhã. Bốn bên không thể lấy: Quán chiếu Bát-nhã là vắng lặng mà soi chiếu, không có thể dùng Hữu Thủ. Phương tiện Bát-nhã tức là soi chiếu mà vắng lặng, chẳng có thể dùng Không Thủ. Thật tướng Bát-nhã chẳng phải vắng lặng chẳng phải soi chiếu, không có thể dùng cả hai cũng Thủ, mà vắng lặng mà soi chiếu không thể dùng cả hai chẳng phải Thủ. Thành Ca-tỳ-la giống như trong Huyền Ký.

Ba là Pháp môn Đại Si. Hai môn lấy bỏ trước đó tuy có Trung đạo, mà môn lấy cuối cùng lấy lập pháp làm tông, môn xả cuối cùng làm sạch tướng là chính. Nay hai môn Xả lẽ nào không có đủ ở hai bên, mà cuối cùng lấy cả hai chẳng phải làm thể hay sao? Không ba mà ba - ba môn rõ ràng như vậy, ba mà không ba - từng môn vô cùng kỳ diệu. Một là dựa theo Vô duyên thẳng thắn nêu ra. Hai là nêu ra gương và cảnh tượng khó nghĩ suy. Ba là dẫn ra Tịnh Danh bịt miệng. Ba là dẫn ra nhân chứng kết luận. Kinh chư Pháp Vô Hành chép: “Các Thiên tử Bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Văn-thù-sư-lợi tên là Vô Ngại Thi-lợi, Thượng Thi-lợi hay là Vô Thượng Thi Lợi. Văn-thù nói với các Thiên tử: Dừng lại, dừng lại các Thiên tử! Các người đừng dùng tướng phân biệt, tôi không thấy các pháp là Thượng - Trung - Hạ. Như ông nói về nghĩa của Văn-thù, tôi là Thi lợi Tham dục, thi lợi sân nhuế, thi lợi Ngu si, vì thế cho nên tên tôi là Văn-thù-sư-lợi”. Thậm chí chép: “Tôi là phạm phu từ tham dục khởi lên, từ sân nhuế khởi lên, từ ngu si khởi lên, tôi là ngoại đạo là người tà hạnh. Các Thiên tử chép: Vì sao mà tự nói mình là phạm phu là v.v...” Văn-thù chép: Là tánh tham dục sân nhuế ngu si cầu khắp mười phương không thể đạt được, vì tôi không trú trong tánh này, nên nói mình là phạm phu. Văn-thù, vì sao ông gọi là ngoại đạo? Vì tánh các đạo không thể đạt được, tôi đối với tất cả các đạo là bên ngoài. các Thiên tử chép: Vì sao ông là người thực hành tà kiến? Văn-thù chép: Tôi đã biết tất cả các pháp đều là tà - lường dối không thật, vì thế cho nên tôi là người tà hạnh. Lúc nói pháp này một muôn Thiên tử đạt được Vô sanh pháp nhẫn”. Từ “Muốn viên mãn v.v...” trở xuống là Thường niệm cảm ứng, có bốn: Một là nói về cơ thành tựu đức hoàn mãn. Hai là từ “Tất cả v.v...” trở xuống nói về các bậc Thánh sở y. Ba là từ “Cho nên, không v.v...” trở xuống là dẫn ra kinh Vô Hành chứng minh. Bốn là từ “Nhất thiết v.v...” trở xuống là kết thúc thành tựu Phật pháp, Hai là từ “Thử tam v.v...” trở xuống là nghịch thuận hợp lại bàn luận, có hai: Một là che phủ vật cả hai nêu ra. Ngay ba phiền não thường nghĩ cầu xa lìa, gọi là thuận thuyết. Thỏa mãn - lìa xa cùng lúc,

chỉ dựa theo Tất-đàn gạt bỏ Thủ để nói mà thôi. Hai là từ “Như Hoa Nghiêm v.v...” trở xuống là dẫn kinh chính là chứng minh, có ba: Một là chứng minh tham dục nghịch thuận. Nói xa lìa biên hạn dục là thuận, tùy loại thấy người nữ là nghịch. Dục là phiền não thế nên nói xa lìa, dục là pháp môn thế nên nói an trú, chính là xa lìa - chính là an trú - chỉ có an trú, xa lìa sâu sắc - an trú sâu sắc, xa lìa cùng cực - an trú cùng cực. Nay Quán Thế Âm chính là ở trong cực điểm an trú xa lìa tham dục, tất cả các cơ cầu mong xa lìa, cầu mong an trú đều phải thường niệm. Hai là từ “Lại bốn v.v...” trở xuống là chứng minh sân nhuế nghịch thuận. Lấy điều phục tất cả là thuận, khổ sở trị tội là nghịch. Nhuế hại phiền não vì thế cho nên phải điều phục, pháp môn sân nhuế vì thế cho nên cần phải thực hành. Nghịch thuận không hai là điều phục thực hành không nghiêng lệch, ví dụ tham dục trước đây nghĩa đó đều giống nhau. Nhưng dục là pháp ưa thích cho nên làm việc thực tế tiếp vật khiến cho xa lìa, sân nhuế làm hại là khổ cho nên dùng sự việc hư huyền điều hòa người khác khiến cho xa lìa. Nếu cơ duyên đó thích hợp dùng thực tế giết hại, mà được lợi ích, tức là giống như Tiên Dự giết hại Bà-la-môn là môn sân pháp. Đây chính là giả - thật cùng hiện rõ, dụ cho tham - si, cũng có thể giả thiết huyền ảo, nhưng đạt được ý tức nhau của nghịch, thuận, không hạn chế Giả - Thật. Ba là từ “Phương tiện v.v...” trở xuống là chứng minh ngu si giả thật. Như nạn lửa trước đây, có dẫn ra văn kinh nghịch, thuận, đủ lìa như hai độc trước nghĩa đó không khác.

Từ “kế đây v.v...” trở xuống là nói về hai quán Từ Bi. Ví dụ Đại sĩ trước đây, vốn tu quán ba độc đầy đủ - lìa xa, lại thấy chúng sanh vì ba độc sai lầm cho não hại, cũng thấy muốn đầy đủ pháp môn ba độc, cho nên khởi lên từ bi thế làm cho chúng sanh lìa xa lỗi lầm ba độc đầy đủ công đức ba độc. Nay trở thành Bồ xứ gần cạnh cực điểm ba độc, cho nên có thể tùy ý vận dụng ứng hiện khắp cả pháp giới, rộng khắp khiến cho chúng sanh thành tựu đầy đủ và xa lìa. Nhưng quán tiệm đốn đều quán xét ba độc, đốn thì đầy đủ và xa lìa không hai mà quán, tiệm thì sơ tâm chỉ quán đối với xa lìa, về sau mới đầy đủ và xa lìa tức nhau mà soi chiếu.

Hai là kết nói về ý cơ, văn kinh có thể thấy.



QUÁN ÂM NGHĨA SỐ KÝ

QUYỂN 3

Thứ ba là thân nghiệp cơ ứng, có hai: Một là nêu ra môn. Hai là từ “Nêu lại văn v.v...” trở xuống là theo đó giải thích, có ba: Thứ nhất là dựa theo văn, có hai: Đầu tiên phân kinh có hai: Một là Phân kinh. Hai là từ “Văn nói v.v...” trở xuống là phân biệt giải thích, có hai: Một là Hỏi về chỉ có người nữ cầu con trai, có hai: “Giải thích là v.v...” trở xuống là trả lời về người nữ không có con là đau khổ, có hai: Một là Nơi các giải thích sai lầm. Hai là từ “Nay giải v.v...” trở xuống dựa vào kinh để giải thích, có hai: Một là cầu nguyện, có hai: Thứ nhất là Đại Sư lược bỏ văn, có hai: Đầu tiên giải thích về con trai, có hai: Một là xương kinh, hai là giải thích nghĩa, có hai: Một là Phân kinh làm ba nghĩa. Hai là từ “Nguyện cùng v.v...” trở xuống là lược bớt hai giải thích. Một, có hai: Một là sơ lược về nguyện hạnh. Hai là từ “Đức nghiệp v.v...” trở xuống là giải thích về đức nghiệp. Hai là giải thích về cầu con gái, có hai: Một là nói về ý giữ lại và lược bớt. Hai là từ “Nữ nhân v.v...” trở xuống là Chương An bác bỏ sai lầm, có hai: Một là bác bỏ các sai hiển bày nghĩa đúng, có hai: Thứ nhất là thuật lại nơi khác lầm mà lập ra: “Vốn có gieo trồng cội rễ phước đức nên mọi người yêu quý kính trọng”. Hai câu này căn cứ vào nghĩa thì hãy còn là đức nghiệp của người nữ, Sư khác sai lầm nói là văn cùng giải thích về con trai, con gái để điều phục nghi ngờ, ý sợ rằng người nghi ngờ, trí tuệ của nam, sự xinh đẹp của nữ, đều do tu tập vun trồng nhân của nhân và trí, chẳng phải bậc Thánh có thể ban cho, không tu mà đạt được thì rơi vào lỗi vô nhân, vì thế trích từ ý kia rằng: “Mọi người đều chép: Quán âm chỉ có thể kết hợp với cha mẹ v.v...” Từ “Riêng hỏi v.v...” trở xuống là nói về nghĩa chính này, có hai: Một là vấn nạn phá bỏ, có hai: Thứ nhất đặt ra nghĩa vấn nạn. Phước tuệ thọ sanh đều do duyên phân rõ, Quán âm đã có thể ban cho duyên sanh ra đó, sao không thể ban cho duyên phước tuệ? Hai là từ “Nạn Quán v.v...” trở xuống là dẫn văn chất vấn. Con trẻ không tu nhân, bậc Thánh không thể làm cho có phước tuệ, mọi người không xưng danh hiệu, thì

làm sao được thoát nạn. Đây là dùng văn hiện tại phá trừ chấp không có nhân, không sử dụng nghĩa giải thích về đồng tâm cầu xin phước. Từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống chính là đặt ra, có hai: Một là giải thích. Quán âm sử dụng khắp cả thế giới ba ngàn, đối với các chúng sanh được tự tại hoàn toàn, người không có duyên sanh ra thì khiến cho gieo trồng duyên sanh ra, người không có phước tuệ cũng có thể khiến cho gieo trồng. Những điều này đều thực hiện trong Trung Ấm, cho nên kinh Trung Ấm chép: “Diệu Giác Như-lai dùng năng lực thần túc, đem vô lượng bốn chúng tám bộ, nhập vào trong Trung Ấm hóa hiện ra giảng đường bảy báu - tòa ngồi bảy báu v.v... Chúng sanh Trung Ấm kia từ bảy ngày cho đến một ngày, cuối cùng tất cả khiến cho an trụ trong tuổi thọ. Như-lai đối với Hóa Phật nói pháp giáo hóa, khiến cho bảy mươi tám ức trăm ngàn na do tha chúng sanh Trung Ấm, phát khởi ý đạo Vô thượng chánh chân”. Kinh nói rất rộng, hãy còn có thể khiến cho chúng sanh Trung Ấm kia phát tâm Bồ-đề, há không thể khiến cho gieo trồng phước tuệ hay sao? Từ “Nay không v.v...” trở xuống là kết luận. Hai là kết luận khen ngợi, có hai: Hai câu đầu là giải thích, bốn câu văn kinh tuy là câu kết luận, cũng là giải thích chỗ nghi ngờ thì thích hợp cả hai hướng, nếu hai câu văn kinh “Gieo trồng cội đức, mọi người yêu kính” chắc chắn thuộc về câu “Sanh nữ đức nghiệp”. Hai là từ “Vấn lễ v.v...” trở xuống là đối chiếu sự lựa chọn giải thích trước đó, có hai: Một là hỏi, Hai là trả lời. Hai là dẫn ra việc. Ba là quán giải thích, có hai: Một là nói về quả báo, có hai: Thứ nhất không có con là đau khổ địa ngục A-tỳ không có ý niệm cầu con, các nơi khác vương vấn nhẹ nhàng nên khổ đau - vui sướng xen lẫn nhau. Chư thiên sáu tầng trời cõi Dục đều có niệm thân ái, vì thế người không có con thì sanh ra khổ não. Từ “Lễ bái v.v...” trở xuống là nói về cơ ứng. Hai là nói về tu nhân, tất cả pháp thiện hữu lậu - vô lậu không ngoài Định - Tuệ, tức là nghĩa về con trai, con gái đều là xưa kia tu tập cùng gọi là tu nhân, không giống như các nạn. Tách biệt dùng thiện của hữu lậu gọi là tu nhân, có hai: Một là Nêu ra chương mục. Hai là từ “Pháp môn v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có hai: Một là Phân rõ pháp môn, có hai: Thứ nhất là lấy sự biểu hiện Pháp, có hai: Đầu tiên chính là biểu hiện Pháp, có hai:

Một là biểu hiện Pháp thế gian, có hai: Thứ nhất nói về khổ - tập. Từ vô thủy đến nay thường bị si ái, cùng với căn - trần - thức luân tập giúp sức, sanh ra vô lượng con trai, con gái hoặc nghiệp. Quyển thuộc này tất cả chúng sanh không ai có thể xa lìa. Hai là từ “Hoặc ngoại v.v...” trở xuống là đưa ra ngoại thư. Kinh Dịch chép: “Cần đạo

thành nam, khôn đạo thành nữ”. Kinh Lễ chép: “Thiên tử và hoàng hậu giống như dương và âm, Thiên tử tu nam dạy bảo hoàng hậu tu nữ thuận theo”.

Hai là từ “Nếu căn cứ v.v...” trở xuống là biểu hiện xuất thế pháp, có hai: Một là biểu hiện cha mẹ năng sinh. Phật đối với tất cả mà được tự tại, gọi là Quốc Vương, tôn nghiêm giống như cha, kinh giáo chứa đựng lý mở mang trí tuệ, dưỡng dục giống như mẹ, Phật pháp hòa hợp sanh ra ba thừa Tăng, cho nên kinh chép: “từ miệng Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, đạt được phần Phật Pháp.” Còn quyền trí trải qua duyên có thể thành tựu quả dụng, thật trí sâu xa lý có thể sanh ra quả trí, cho nên tất cả Đức Phật đều do đây sanh ra. Đầu tiên thì quả có thể sanh ra nhân, kế đến thì nhân thường sanh ra quả, cùng nhau thành tựu một nghĩa. Từ “Lại từ v.v...” trở xuống là biểu hiện con trai, con gái sở sanh. Kinh Tịnh Danh chép: “Tâm từ bi là nữ, thiện tâm thành thật là nam”. Trước kia y cứ vào văn này đặt ra bi trí, gọi là con trai, con gái, trí Trung đạo sâu xa tức là thiện tâm thành thật vậy. Quả là tương tự pháp này đặt ra các con trai, con gái, đầu tiên là dùng thiền tuệ đối chiếu với con trai, con gái, kế đến phân chia ba thừa để đối với con trai, con gái, sau là dựa theo Phật tánh thấy đối với không thấy, mà chia ra con trai, con gái. Vì sao? Vì đã lấy thấy tánh làm tướng trượng phu, tức là rõ ràng không thấy là tướng nữ. Lại dựa theo soi chiếu tánh tự có đủ con trai, con gái, Phật tánh chánh quán chắc chắn phá trừ vô minh, là con trai phước đức trí tuệ, Trung đạo từ bi chứa đựng che phủ tất cả, là nữ của có tướng xinh đẹp. Từ “Nay mượn v.v...” trở xuống là kết thúc ý biểu hiện.

Từ “Hỏi: Sao được v.v...” trở xuống là giải thích chất vấn nói về biểu hiện, có hai: Một là Chấp không ngại có chất vấn, có hai: Thứ nhất lập ra lý không có con trai, con gái. Hai là từ “Đại Kinh v.v...” trở xuống là dẫn ra văn không có con trai, con gái, có hai: Một là Đích thực dẫn ra giáo văn, có hai: Thứ nhất dẫn ra văn của Đại thừa. Đại kinh hai mươi tám chép: “Niết-bàn vô tướng, như sắc tướng - thanh tướng - hương vị xúc tướng, sanh trụ hoại tướng, nam tướng - nữ tướng, đây gọi là mười tướng. Kế đến Đại Luận - Tịnh Danh và An lạc hạnh đều nêu ra hai tên gọi con trai, con gái, chẳng phải dùng để hiển bày Vô tướng. Hoặc trong Bất Nhị Môn chép: “Không có định tuệ chính là pháp đã biểu hiện của con trai, con gái”. Từ “Tiểu Thừa v.v...” trở xuống là dẫn văn tiểu thừa. Lý vô tướng cho nên không thể nói năng giải thích, Vô tướng tức là chẳng phải tướng con trai, con gái. Vì không bình đẳng, cho nên lia xa tất cả các tướng con trai, con gái. Từ “Con trai, con gái v.v...” trở xuống

là kết thúc không có gì biểu hiện. Năng biểu hiện con trai, con gái đã không có, thì sở biểu định tuệ ở đâu?

Từ “Đáp Đại thừa v.v...” trở xuống là giải thích ngay chỗ ngăn che mà soi chiếu, có hai: Một là giải thích rộng, có ba: Thứ nhất là nói xin tức nhau, có hai: Đầu tiên căn cứ vào lý diệu bất dứt. Nếu nói về bất dứt thì lý còn không thể nói không có tướng con trai, con gái, há có thể được nói về có con trai, con gái hay sao? Hai là từ “Thiện xảo v.v...” trở xuống là che phủ có - không. Nếu đối với chúng sanh có bốn ích lợi ấy là, hoặc nói không có con trai, con gái, hoặc nói có con trai, con gái, do đó dẫn ra Thiên Nữ, không xa lìa văn tự nói về tướng giải thoát, tánh không tức là thoát thì ngại gì văn tự? Chân chẳng có ba đời mà Tục tức là có, hai đế đã ngay nơi nói năng im lặng không trái nhau. Từ “Phi hữu v.v...” trở xuống là nói về Một là hai vốn hòa hợp, có ba: Một là Pháp Trung đạo cả hai chẳng phải (song phi) thì không có định tuệ, đương thể cùng soi chiếu định tuệ rõ ràng như thế. Nói rằng không hề lìa xa nhau ấy tức là định tuệ không xa lìa pháp tánh. Hai là từ “Thí như v.v...” trở xuống là Dụ. Lẽ nào vì trái phải làm cho một thân khác nhau, lẽ nào có thể một thân mà bỏ đi trái phải? Cả ba hợp lại chỉ có một giác tánh có đức tịch chiếu, gọi là định tuệ, đâu thể hai đức này tạm thời xa lìa giác tánh ư? Ba là từ “Nói định v.v...” trở xuống là nói về định tuệ có đủ lẫn nhau, có hai: Một là dựa theo nghĩa nói về có đủ (cụ), có ba: Thứ nhất là pháp, Nhất giác tĩnh, mình gọi là định tuệ, cho nên hai loại này cuối cùng không bao giờ. Hai là thí dụ trên dùng một thân trái phải, thí dụ cho hai đức không lìa xa một tánh. Hãy còn sợ nói rằng hai đức đó xa lìa nhau, cho nên lấy hai người trái phải để dụ như tu - tánh này. Bát Nhị Môn chép: “Hai và một tánh như nước là sóng, hai cũng không hai cũng như sóng nước”. Nên dùng dụ kia mà suy ra thí dụ này. Ba là từ “Định tuệ v.v...” trở xuống là hợp lại.

Từ “Sao chỉ v.v...” trở xuống là căn cứ vào văn chứng minh giải thích, có hai: Một là Tuệ có Định, con trai vốn biểu hiện cho Tuệ mà bao gồm phước đức, tức là Tuệ có đủ Định. Từ “Văn nói v.v...” trở xuống là Định có đủ Tuệ. Từ tâm gieo trồng tướng: Kinh chép: “Thanh tịnh từ môn sát trần số, cộng sanh nhất diệu tướng của Như-lai”, tức là Từ - Định Vô duyên mà tu tướng đó, đầy đủ lẫn nhau có thể biết. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là tổng kết, có hai: Một là dùng một là hai tức nhau để kết luận văn này con trai, con gái đều có đủ hai đức, tức là biểu thị cho hai pháp Định - Tuệ có đủ lẫn nhau. Nếu không phải Thế là một thì sao có thể có lẫn nhau? Do đó dùng có đủ lẫn nhau, hiển bày đối với

Thế là một, cho nên hai mà không hai tụ vào tản ra tự tại. Từ “Lý thật v.v...” trở xuống là dùng nói tức nhau để kết luận. Lý chẳng phải một là hai mà đi đến duyên làm thành hai thuyết. Như vậy nói năng đâu khác gì không nói năng? Kinh chỉ ra con trai, con gái cùng có đức đó, biểu thị cho Định - Tuệ một hai không khác nhau - nói không khác. Có thể hiểu như vậy thì mới đạt được nghĩa biểu thị pháp của văn kinh.

Từ “kế là nói rõ v.v...” trở xuống là ban cho nguyện, có hai: Một là nêu ra nghĩa Môn, có hai: Thứ Nhất nói về mười thứ cảm ứng, có bốn: Đầu tiên là quả báo. Hai là từ “Tu nhân v.v...” trở xuống là điều lành thế gian, có ba: Một là năm giới, có hai: Thứ nhất là biểu thị hành pháp. Hai là từ “Nếu không v.v...” trở xuống là cầu mong nguyện tròn đầy. Người thực hành nếu bị năm thứ hoặc nghiệp, ràng buộc phá rối tâm trì giới, thì nên nghĩ rằng vị lai cảm đến báo ứng khổ đau liền quy mạng Quán Âm, chướng rút lui giới toàn vẹn cả hai mong cầu lập tức đầy đủ. Hai là từ mười điều thiện: Hoặc giống như năm giới thì nói đối đầu nhiếp bốn loại của miệng, Tử tức là ba loại của ý, cùng với tuệ thuộc về con trai. Nếu tự thực hiện kỹ càng, không theo dặt là chân thật thuộc về con trai, không lường thiệt là hòa ái, không ác miệng là mềm mỏng tốt lành thuộc về con gái, không tham si là vô nhiễm - trí tuệ thuộc về con trai, không sân là Từ thuộc về con gái, còn lại giống như năm giới. Ba là từ “Tu thiện v.v...” trở xuống là tám định. Định tức là bốn thiền bốn không đều có tu chứng. Tạm thời nói về Sơ thiền, năm pháp là tu - năm chi là chứng. Tu-lấy lạc dục - tinh tiến - xảo tuệ, ba phương tiện này phân biệt thuộc về con trai, ước niệm - nhất tâm hai phương tiện này vắng lặng tinh tế thuộc về con gái. Nếu chứng các thiền chi thì ba chi Tuệ nhiều thuộc về con trai, hai chi Định nhiều thuộc về con gái.

Nếu nói về Nhị thiền thì có bốn chi: 1. Nội tịnh; 2. Hỷ thuộc về con trai; 3. Lạc; 4. Nhất tâm thuộc về con gái. Tam thiền có năm chi: 1. Xả. 2. Niệm. 3. Tuệ thuộc về con trai. Nếu nói về bốn không: 1. Không xứ định. 2. Thức xứ định. 3. Vô sở hữu định. 4. Phi hữu tướng phi vô tướng định. Bốn Định này tuy không có các thiền chi con trai, con gái, mà có bốn ấm vi tế, thông thường lấy Thọ - Tưởng bốn xứ làm nữ, Hành - Thức làm nam. Nếu nói về bốn vô lượng tâm thì từ bi thuộc nữ, Hỷ xả thuộc nam. Nay tạm thời phân biệt sơ qua đầy đủ ở tại Thiền Môn, người cần nên xen xét. Ba là bốn Giáo, có bốn: Một là ba tạng, có ba: Thứ nhất là Thanh-văn, có hai: Đầu tiên là biểu thị hành pháp. Sơ lược nêu ra đình tâm để làm tiêu biểu. Niệm xứ cho đến Chánh đạo từng tiết cần phải nói về nghĩa của con trai, con gái, vì các Đạo phẩm không

ngoài hai pháp Định - Tuệ. Duyên Thắng đế lý tức là mười sáu hành quán của bốn đế. Xuất quán v.v... là lúc trải qua sự việc, thường xót cho chúng sanh chấp thường vì đó nói về bốn đế, gọi là Pháp duyên từ. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống là cầu mong nguyện tròn đầy. Xuất quán con trai, con gái: Pháp duyên tức là con trai chánh trí, từ bi tức là con gái nhu hòa. Đã chứa đựng Không nhập vào Giả thì trải qua sự việc không nhiệm trước cho nên không sợ các Hữu. Hai là Bích Chi Phật, có hai: Một là Biểu thị hành pháp. Duyên phương tiện v.v... Tức là lúc phạm địa tu phước gieo trồng tướng, gọi là phát khởi Từ quán. Tuệ quán: tức là quán xét mười hai nhân duyên vô thường vô ngã phát chân ước định địa vị của đốn chứng, xuất quán có thể sử dụng. Từ của hai duyên sanh - pháp, ví như con hươu quay đầu nhìn lại ấy, trong Đại Luận dụ ba con thú ở trong vòng vây săn bắt cầu vượt ra không như nhau. Thanh-văn như con hoẵng kinh hãi nhảy ra hoàn toàn không biết đến bầy đàn. Duyên-giác như con hươu tuy quay đầu lại nhìn bầy đàn nhưng sợ hãi không dừng lại chờ. Bồ-tát như con voi lớn, tuy gặp đao tên nhưng che chỗ bầy đàn cùng nhau vượt ra. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống là cầu mong nguyện được đầy đủ. Ba là từ “kế là nói v.v...” trở xuống là Bồ-tát, có hai: Một là Biểu thị hành pháp. Phương tiện trí tuệ, hoặc là phần địa thế trí độ thứ sáu, hoặc trí phân rõ tà chánh của sáu độ, hoặc là trí điều phục hoặc chướng trong sự; đây đều là phương tiện. Loại này còn là con trai, con gái năng sanh, cơ đã che phủ cần phải tu sáu Độ và dùng năm - một mà làm con trai, con gái sở sanh. Hai là từ “Nếu không v.v...” trở xuống là cầu mong nguyện được đầy đủ. hai là Thông giáo, có hai; Một là biểu thị pháp. Tiểu thừa giống như ba tạng chỉ nói về Bồ-tát, phạm địa cũng giống như trước, chỉ đối với chân vị lấy trí làm nam, lấy từ làm nữ. Hai là từ “Cầu nguyện v.v...” trở xuống là nguyện đầy đủ. Ba là Biệt giáo, có hai: Một là trình bày tướng sanh của con trai, con gái. Giáo này ngoại phạm là phá trừ kiến tư sở tu, chánh trợ tác ý hướng về không, so với Trung còn gọi là hữu vi hữu lậu, phước năm Độ nghiêm trang cho nên gọi là nữ, nhưng biết Địa thượng vô tác trí trang nghiêm ở tại tâm tánh này, mới duyên tánh này điều phục tất cả vô minh, gọi đó là nam. Tuy duyên với vô tác vì nghiêng về tu Không, mà còn trái với lý Trung đạo, cho nên con trai, con gái cách xa nhau. Nếu nhập vào nội phạm kiến tư phá bỏ xứ, tâm hướng đến Giả - Trung thuận với bốn tánh, gọi là con trai, con gái liền với nhau. Đến địa vị Hồi hướng chính là tu Trung Quán, gọi là mang Thánh thai. Lúc chứng sơ địa ngay nơi ngăn che mà soi chiếu. Từ và Trí hợp lại phát ra gọi là song sinh, đạt

được niệm bất thối không có lỗi lầm về hai bên, phù hợp kỳ hạn vốn có cho nên Địa gọi là Hoan Hỷ. Từ “Từ Bi v.v...” trở xuống là nói về con trai, con gái có năng sanh sở sanh. Từ trí con trai, con gái ở sơ địa đã là nhân chân thật, tùy ý vận dụng có thể sanh ra con trai, con gái ở địa vị phía trên. Địa vị phía trên lại sanh ra con trai, con gái cực quả, vì thế cho nên chư Phật đều lấy sơ địa, làm ông bà cha mẹ (tổ phụ mẫu). Vẫn theo Từ - Trí được tên gọi, cho nên Từ bi gọi là Đại ấy là vì dứt trừ đau khổ ban cho niềm vui người khác nhận được ân sâu nặng, cho nên gọi là Đại. Thập lực vô úy đã chỉ riêng mình tự chứng, người khác không có thể biết cho nên không gọi là Đại. Bốn là Viên giáo, có hai. Một là Biểu thị pháp. Giáo này đốn tu, tâm ban đầu chính là sử dụng tánh đức Từ - Trí, để làm con trai, con gái, mới phù hợp với văn kinh cả hai có đủ đức nghiệp. Từ không nghiêng về duyên cho nên gọi là xinh đẹp, Từ chính là tướng Phật cho nên gọi là hữu tướng, đầy đủ đức của nữ rồi. Trí xa lìa bên tà cho nên gọi là chất trực, trí chứa đựng muôn thiện cho nên gọi là phước đức, đầy đủ đức của nam rồi. Địa vị tựa như vô minh không che phủ mà che phủ, gọi là ở thai. Từ - trí của Sơ trú không hiển bày mà hiển bày, gọi là song sinh. Chân từ ra khỏi Giả ái kiến chẳng trói buộc, chân Trí hướng đến quả không giống như ái vương lại, cũng không sợ ấy là Đồng Thể quyền thật, cả hai đều không trói buộc. Hai là từ “Phương tiện v.v...” trở xuống là nguyện mãn. Bốn nói hai phen là phương tiện, Thật báo đồng gọi là Biến dịch, bèn Biến dịch lấy hai cõi là hai loại. Nếu người cõi Thật báo đoạn chứng, tuy chia ra bốn mươi mốt phẩm, nhưng đều là phá trừ đối với chướng quả vô minh, chỉ cầu con trai, con gái Từ - Trí rất ráo, cho nên đối với cõi này luận, về một loại lợi ích, Người cõi Phương tiện đó cần tuy lợi - độn, pháp phân chia tiêm - đốn mà đều là Đại thừa, cùng cầu Phật trí, cõi này chỉ hướng về Thật báo làm ích lợi, chỉ cầu con trai, con gái Từ - Trí phần chân, vì thế cho nên nói về ích lợi cũng chỉ có một thứ. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống làm ba sai khác để phân biệt giải thích, có ba: Một là trình bày và Định phân tán của trời người, có hai: Thứ nhất là nói về đức của thiên Hữu lậu thiện. Bốn cõi trời ở hư không nhân cũng tu Định, vì tán tâm mạnh cho nên chỉ gọi là nam. Ví như bốn Không này vì Định mạnh cho nên hợp lại nói chỉ có nữ. Các chi của bốn Thiên đã phù hợp với Định - Tuệ thì gọi là con trai, con gái, cùng lúc mà đạt được cho nên nói là Nhất Tâm. Từ “Từ ba cõi v.v...” trở xuống là chê trách không có công chuyển sanh ra. Công đức ba cõi tuy gọi là Định - Tuệ, mà đều là mùi vị của ái, hoặc xen lẫn tà kiến đều thuộc về hữu lậu, vì thế cho nên con trai, con

gái không có dụng chuyển động sanh ra. Từ “Từ Nhị thừa v.v...” trở xuống là nói về trí - đoạn của Tạng giáo và Thông giáo, có hai: Một là trình bày có đức của vô lậu. Từ “Từ Nhị thừa v.v...” trở xuống nói về không có cái mất của Trung đạo. Đại kinh đã dùng thấy Phật tánh ấy gọi là trượng phu, cho nên không thấy tánh đều gọi là người nữ, các Định vô lậu không thể phát sanh trí của Trung đạo, cho nên giống như phụ nữ không sinh (Thạch nữ). Nhị thừa nghiêng về Không gọi là Định nhiều, Bồ-tát nghiêng về Giả gọi là Tuệ nhiều. Định Tuệ này đều không thể nhìn thấy, tánh của ba đức vắng lặng và soi chiếu bình đẳng. Bồ-tát Ca diếp Niết-bàn trước, chẳng lẽ là ngoại đạo hay sao? Gọi là tà kiến vì chưa vượt ra hai bên, so với Trung gọi là Tà. Từ “Chỉ có v.v...” trở xuống nói về Trú, Địa của Biệt giáo, Viên giáo. Tu nhân tuy khác nhau mà chứng đạo là giống nhau, đây chính là tánh đức duyên liễu, nói lên là định tuệ trong quả. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là bài bác sự hạn cục của thuyết khác. Thứ ba là khuyên trì, có hai: Một là xét định văn kinh. Hai là từ “Khuyên trì v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có ba: Một là khuyên trì. Hai là tìm hiểu suy lường, có hai: Một là Xét định. Hai là từ “So sánh lượng v.v...” trở xuống là giải thích, có bốn: Một là So sánh lượng căn bản. Kinh nêu ra sáu mươi hai ức hằng hà sa không nhiều không ít. Trong kinh Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm chép: “Tam thiên đại thiên thế giới này hiện trú ở thế gian, các Pháp vương tử có sáu mươi hai ức hằng hà sa số, tu pháp lưu truyền phép tắc giáo hóa chúng sanh, thuận theo chúng sanh phương tiện trí tuệ tất cả đều không giống nhau”. Đã là Bồ-tát hiện trú nơi cõi Ta bà, vì thế cho nên đặc biệt đưa ra căn bản để so sánh. Hai là hỏi. Ba là trả lời, bốn là chính là tìm hiểu suy lường, có hai: Một là Dựa theo Giáo để giải thích, có hai: thứ nhất dựa theo Phật nhãn chỉ ra sơ lược, có ba: Đầu tiên lấy ít tìm hiểu nhiều. Hai là bắt đầu hỏi và giải thích trả lời, có hai: Một là dùng tình ý con người để hỏi. Hai là từ “Đáp: Phật v.v...” trở xuống là dựa theo Phật nhãn trả lời. Phật nhãn vốn soi chiếu xứng hợp với số lượng pháp giới, tứ sự nhiều pháp giới không tăng lên, tứ sự ít pháp giới không giảm xuống, cho nên nói công đức chính là ngang nhau. Từ “vì sao v.v...” trở xuống đối chiếu thuyết khác giải thích để giải thích rộng ra, có hai: Một là Hỏi. Tuy chỉ ra Phật nhãn xứng hợp với số lượng không sai lầm, nhưng ý đó khó hiểu, cho nên phải bắt đầu hỏi. Trước tiên dẫn ra xưa kia giải thích mới làm sáng tỏ nghĩa hiện nay. Hai là từ “Xưa giải v.v...” trở xuống là trả lời, có hai: Một là thuật lại trước đây giải thích sai, có năm: Thứ nhất là dẫn ra người khác luận bàn. Phước đó thật sự

đặc biệt: nghĩa là phước của sáu mươi hai ức thật sự hơn hẳn Quán Âm, chỉ là phương tiện dẫn ra người khác luận bàn, cách giải thích này rất sai lầm, ý phá trừ có thể biết. Từ “Hai là nói v.v...” trở xuống là ruộng có cao thấp, đối chiếu sự thua kém nói lên sự thù thắng. Không thấy đức chứng lý của Quán Âm, làm sao gọi là khen ngợi? Ba là tâm có sâu đậm và hờ hững. Bốn là lúc hiểu lúc không hiểu. Ý nói là Quán âm tuy ít, lúc xưng danh hiệu tâm hiểu được hiện tiền, sáu mươi ức tuy nhiều, lúc cúng dường tâm hiểu rõ không phát ra, vì thế cho nên nhiều - ít được phước mới như nhau. Hai cách giải thích này đều ở tại trì danh và cúng dường, tốt và xấu của tâm cách xa khen ngợi công đức vậy. Năm là có duyên và không có duyên. Cha mẹ có duyên sanh ra và nuôi nấng, cho nên phước của cung dưỡng sâu dày và tội của phỉ báng nặng nề, người đi đường không có duyên cho nên nông cạn. Văn tuy không gạt bỏ mà lý cũng hoàn toàn sơ sài, há có thể Quán Âm chỉ ủng hộ chúng sanh có duyên hay sao? Từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là nói về nghĩa hiện nay là đúng, có hai: Một là nói nay lập ra nghĩa, có hai: Thứ nhất dựa theo thực tế để giải thích. Một hay nhiều người - pháp đều không có tánh tướng, hai không đã nói lên một sự thật rõ ràng ở đây, còn thì Giả - Thật tạm thời chia ra, mất thì Một là nhiều rối ráo như nhau, còn - mất không hai mới chính gọi là như nhau. Từ “Trong một v.v...” trở xuống dùng kệ trong kinh để giải thích. Đưa ra kệ trong Hoa nghiêm để giải thích ý kinh này, vì một và vô lượng đều cùng chung thực tế, cho nên cùng có thể giải thích đầy đủ. Vì nhiều thực tế sanh ra một Quán âm, cho nên chẳng phải một. Vì một thực tế sanh ra nhiều hà sa, cho nên chẳng phải nhiều. Một và nhiều đó đã không có tánh quyết định, cho nên sanh ra chẳng phải thật lẫn nhau. Căn cứ theo Sự - Lý đó thì sự nói là tướng của một và nhiều, Lý nói là Thể của hòa hợp nhau. Căn thận chớ lấy nhiều làm Sự - lấy một làm Lý!

Từ “Pháp Hoa v.v...” trở xuống là dẫn ra luận này chứng minh luận vì trì sáu mươi hai ức-hà-sa. Danh hiệu Phật làm đối chiếu số lượng ấy, xưa chép: Luận sai, bởi không hiểu rõ ý luận. Nay dẫn ra đầy đủ văn trong luận và Kinh Khê giải thích, mới biết nghĩa đó.

Luận chép: “Thọ trì danh hiệu Quán Âm, và sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu chư Phật, phước đó bình đẳng là có hai loại nghĩa: Một là vì lực của niềm tin, hai là vì biết tất cả. Năng lực của niềm tin lại có hai: Một là cầu mình như Quán Âm, vì tin tưởng hoàn toàn. Hai là sanh tâm cung kính như công đức kia, mình cũng đạt được. Hai là biết tất cả vì quyết định biết pháp giới, pháp giới ấy gọi là pháp tánh, Bồ-tát sơ địa

có thể chứng nhập thân bình đẳng với tất cả chư Phật. Thân bình đẳng gọi là chân như Pháp thân. Vì thế cho nên thọ trì Quán Âm, cùng với sáu mươi hai ức hàng sa chư Phật, công đức không sai khác”. Kinh Khê chép: “Lấy điều này nghiệm xét biết rằng, cần phải dựa vào giải thích đầy đủ. Vì sao? Vì trong hai nghĩa, lực của niềm tin dựa theo Sự - cứu cánh dựa theo Lý, Sự Lý giúp đỡ nhau mới thành tựu sở niệm”. Như trong hai năng lực của niềm tin, đã nói cầu thân mình như Quán Âm, tức là chỉ cho hóa thân. Lại chép: Công đức Quán Âm mình cũng đạt được, chính là chỉ về Báo thân nguyện ngang bằng với báo ứng, mới chính là thành tựu niệm. Người chỉ niệm quả đức, đâu cần phải biết đến Lý, vì thế nghĩa kế là chép: Biết những pháp giới v.v... Tiếp tục dẫn ra chứng vị, tức là Sơ địa tạm thời dẫn ra người chứng, khiến cho người nhận biết được, do đó biết nếu niệm ba thân Quán Âm, thì phải lại lấy niệm Phật để đối chiếu. Nếu nói theo niệm Pháp thân thì cho dù dẫn ra Chư Phật mười phương công lao đó cũng như nhau, đâu chỉ sáu mươi hai ức thôi sao? Vì lẽ đó vẫn trong luận tuy dường như nêu ra kinh, mà chính là tăng thêm câu để giải tích nghĩa, cũng như Phương tiện, đầu tiên thêm vào khó hiểu khó biết, muốn nói về Đại Pháp mới tăng thêm ba câu, mà vì đó giải thích rõ. Nay sáu mươi hai ức Bồ-tát cộng thêm Phật để giải thích. Từ “Lại căn cứ v.v...” trở xuống là dựa theo quán giải thích. Tuy ba thứ quán đều được tên gọi là tu mà Trung là tánh, vì thế cho nên có thể nói hai quán phát ra Trung. Hai quán thật sự không giống nhau ấy là do phá - lập không giống nhau. Tuy chính là không giống nhau mà cả hai đều là đức của Trung đạo. Hai quán và Trung đạo suy cho cùng không khác nhau, Trung đạo đã ngang bằng, hai quán lẽ nào không bằng nhau? Thế nên nói Không thì cả ba đều là không, Giả thì đều Giả, Trung thì đều Trung. Người cầu xin khó được, thật ra không giống nhau, cũng vì hai loại này cùng một pháp tánh cho nên bằng nhau. Ba là kết thành. Đây chỉ nói chung về thọ trì danh hiệu, vì chính là trong so sánh nên nói Nhất thời. Lại dẫn ra cúng Phật một đóa hoa trong Đại Phẩm, vì tương tự Nhất thời trì danh hiệu Quán Âm, điều thiện đó chảy vào biển pháp tánh, cho nên giống như biển không cùng tận. Nói đến nơi hết khổ là hai tử không còn. Bởi nói phước tung hoa khi thành Phật còn không cùng tận.

Đại Chương thứ hai là hỏi đáp, có hai: Một là nêu chương nói rõ ý, có hai: Thứ nhất là nêu chương. Hai là từ “Trước hỏi v.v...” trở xuống là nói rõ ý, có hai: Một là nói rõ khoa trước. Xưng danh thường niệm cho đến lễ bái, ba nghiệp hiện tiền, cho nên nói là hiểu rõ cơ. Bồ-tát

lấy nơi này làm cảnh sở quán. Pháp thân - linh trí tức là hai giác thể - bốn, là chân thân chia ra và hợp lại. Hưởng về chúng sanh tức là trí năng quán chính là dùng trí này ứng hiện kín đáo dứt trừ khổ đau, ngay nơi cảnh - trí này mà làm nhân duyên, cũng gọi là cảm ứng. Dùng nhân duyên này gọi là Quán Thế Âm, nhờ giải thích đã hiểu. Hai là từ “Nay hỏi v.v...” trở xuống là chỉ ra ý hiện tại chính là nói về ý nghiệp xem xét cơ - thân nghiệp hiện bày tướng - miệng nghiệp nói pháp của Quán Âm, đã làm cho chúng sanh thấy nghe hiểu biết, cho nên nói là hiển ứng. Nhưng lại không nói về tướng ba nghiệp tu hành của chúng sanh. Đây là do thiện vốn có ẩn nấp sâu xa ở trong tâm mới có thể dẫn đến cảm cho nên nói là cơ ẩn tàng. Giải thích tất cả mười cặp tức là hưởng về nghĩa của mười thứ lễ (chích) là pháp - từ - phước - ứng - châu - hiển - quyền - tích - duyên - đoạn. Hai là phân khoa giải thích kinh, có hai: Một là Phân khoa. Hai là từ “Một là vì sao v.v...” trở xuống là giải thích kinh, có hai: Một là Hỏi, có hai: Thứ nhất nêu ra vấn đề ba nghiệp. Ý hỏi về phương tiện ấy, chẳng phải là phương tiện chọn lý trước đạo mà chính là phương tiện soi xét cơ sau khi chứng. Từ “Đây là v.v...” trở xuống nói về đức của ba nghiệp, có hai: Một là Giải thích chung về ba nghiệp, có hai: Thứ nhất là nêu bày ra ba nghĩa. Hai là từ “Ba bất v.v...” trở xuống là giải thích ba nghĩa, có ba: Một là giải thích ba loại không bảo vệ, có hai: Thứ nhất là Pháp. Mười chữ như Tác Ý v.v... là nghĩa bảo vệ điều đó. Hai chữ Thật - Bất làm sáng tỏ cho tùy ý chuyển vận. Nhưng cần phải không thể bảo vệ cho ba hoặc đó, tức là có thể ba nghiệp tùy ý chuyển vận mà độ chúng sanh. Hai là từ “Thí như v.v...” trở xuống là Dụ. Từ “Ba vô v.v...” trở xuống là giải thích ba loại không sai lầm. Không bảo vệ biểu hiện cho suy tư về nghĩa vắng lặng bất dứt, không sai lầm làm sáng tỏ điều ấy dừng lại tụ hội phù hợp, đạt được lợi ích ba tất-đàn tức là thông hiểu sự việc, đạt được Đệ nhất nghĩa tức là Lý sâu xa. Ba là từ “Tam luân v.v...” trở xuống là giải thích ba Luân, có hai: Một là Nêu ra tất cả ba Luân. Ứng cơ ba nghiệp xoay chuyển tự tại, thường vì chúng sanh phá trừ ba chướng, nên gọi là Luân. Hai là từ “Tuy âm v.v...” trở xuống là giải thích bất tư nghị hóa, có hai: Một là dựa theo nghĩa giải thích về tướng. Tâm và Thể lìa xa tướng, tức là bốn tánh trí tuệ của Pháp thân. Nay tuy thù ứng mà chính là bao trùm tất cả các cơ, có thể xứng hợp với ban đầu lìa xa nơi ý niệm suy tư, cho nên đối với Pháp thân không hề giảm bớt. Hai là từ “Tịnh danh v.v...” trở xuống là dẫn kinh chứng minh để giải thích. Phân biệt các pháp chứng minh cho thù hóa, ở tại nghĩa bất động chứng minh cho bất tư nghị, ngay nơi

lý mà là Sự gọi là bất động mà động.

Từ “Hỏi ý v.v...” trở xuống là nói riêng nêu ra ý, có hai: Một là Hỏi: Hai là Đáp. Nếu tùy theo tự ý không có thể suy lường điều ấy, nếu tùy theo tha ý thì còn trùng cũng biết. Lại nữa, người không có cơ không thể suy lường, người có duyên làm cho biết rõ: Hai là từ “Phật đáp v.v...” trở xuống là trả lời, có hai: Một là Phân chia kinh, có hai: Một là Từ “Biệt v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có ba: Thứ nhất trả lời riêng, có hai: Đầu tiên là suy đoán nêu ra ý kinh, có ba: Một là nói về các thân, đều trả lời về ba nghiệp, có hai: Thứ nhất giải thích về tướng, có hai: Đầu tiên lấy ba để trả lời ba. Hai là từ “Lại chỉ v.v...” trở xuống là dựa theo hai trả lời ba, có hai: Một là Hiện thân có đủ ba. Hai là từ “Nếu nói v.v...” trở xuống là nói pháp đầy đủ ba. Không giống như cây cối gió thổi dấy lên âm thanh, miệng bao gồm thân nghiệp nghĩa đó dễ hiểu, vì vậy không nói. Từ “Hai giải thích v.v...” trở xuống là kết thúc nêu ra. Từ “Từ biệt v.v...” trở xuống là dùng các thân, tóm lại đối với mười pháp giới, có hai: Một là Dựa theo nghĩa nêu ra. Nếu căn cứ vào thân nói lý phù hợp như nhau v.v... chỉ dựa theo trong kinh kết luận thì văn thuyết không nhiều, cho nên nói là mười chín, như tám bộ - bốn chúng chỉ kết hợp một thuyết mà thôi. Hai là từ “Mà văn v.v...” trở xuống là văn đầy đủ hay thiếu sót, có hai: Một là Nói về Bồ-tát, có hai: Thứ nhất nói lại bốn cách giải thích của người khác. Hai là từ “Nếu ba v.v...” trở xuống là hiện nay chọn lấy bản xưa. Nếu dựa vào phẩm trước thì phẩm này đâu thiếu sót, nếu nói là rơi sót thì phần còn lại sao không sót, nếu nói Quán Âm tức là Bồ-tát thì không cần phải tiếp tục hiện thân, Bồ-tát Diệu Âm vì sao lại hiện thân? Vì thế chép: Ba cách giải thích đều có khó khăn. Nếu dựa vào bản xưa, thì phẩm này mở rộng về nghĩa Bồ-tát hóa độ cho một pháp giới, thật là không thể thiếu sót. Hai là từ “Lại không v.v...” trở xuống là nói về địa ngục, có hai: Một là Thuật lại ba cách giải thích. Nếu dựa vào phẩm trước cũng có thể làm ví dụ, hai cách giải thích kể là tình ý câu thúc của người mà thôi. Hai là từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là nói về nghĩa có bấy giờ, có hai: Một là Dựa vào trả lời chung nói về Có. Văn đã nói chung hiện bày các loại hình tướng chẳng lẽ có thể không có hình tướng nơi địa ngục hay sao? Hai là từ “Lại thỉnh v.v...” trở xuống là căn cứ vào hai kinh nói về Có. Văn “Dạo chơi năm đường” trong kinh Thỉnh Quán Âm, trước là nói về địa ngục. Kinh Phương Đẳng Đà-la-ni chép: “Bà Tẩu quyền lực to lớn thị hiện làm ng dẫn đầu đoàn người đi buôn, chấp chặt tà kiến giết dê tế trời, đọa vào địa ngục ở trong địa ngục, nói pháp giáo hóa chín mươi

ức người tội, sau đến gặp Phật đều giúp cho đắc đạo”. Đâu nói chịu khổ thay mà không nói về nói pháp; huống chi luận nói làm nhiều thân Phật, há không nói pháp hay sao? Ba là từ “Nay thông v.v...” trở xuống là dựa theo các thân đối chiếu bốn câu về cơ, có hai: Một là giải thích về tướng, có hai: Thứ nhất nêu chung bốn câu. Kinh nói chúng sinh đáng dùng thân Phật được độ, tức liền hiện thân Phật là chỉ hiện thân Phật, hay là bao gồm các thân khác cùng nhau độ chúng sanh kia? Lại là một pháp giới chỉ có cảm đến nơi Phật, hay là bao gồm các pháp giới khác cùng được cảm đến Phật? Các thân cho đến thân Chấp Kim cương có thể ứng hiện cùng nhau hay đơn độc, có thể cảm đến cùng nhau hay đơn độc không thể chấp trước nghiêng về. Vì thế nay tất cả dựa vào mười pháp giới mà ứng hiện, đối chiếu mười cơ duyên mười pháp giới, Một là nhiều đối nhau thành bốn câu, mới hiểu tướng cảm ứng của văn kinh. Hai là đối chiếu riêng ba tướng. Không chỉ riêng cảm ứng nhiều ít trở thành bốn câu, mà người pháp, nhân quả cũng có nhiều ít, cho nên cần phải tiếp tục lập thành hai loại bốn câu. Một. Bốn câu về cơ ứng, có hai: Thứ nhất là từ “Nếu diệu v.v...” trở xuống là giải thích về bốn câu, có bốn: Đầu tiên là một pháp giới độ một pháp giới. Ba “tức là v.v...” trở xuống là ba cõi đã hiện bày thân Phật, chắc chắn khắp cả ba nơi. Vì từ Đẳng Giác trở xuống đến nơi phạm phu, đều có thể cảm đến Phật, cho nên cần phải là ba cõi để nói về ứng. Đầu tiên cõi Thật Báo năng độ sở độ thuần nhất cảnh giới Phật. Hai là cõi Phương Tiện nói theo nguồn gốc mà nói, cho nên nói là năm người, sanh ở cõi kia rồi ẩn chìm gọi tên khác nhau đó, vì đều cầu Phật, vì lẽ đó cảm ứng cũng thuần là một cảnh giới. Ba là cõi Đồng Cư tạm thời nói về nơi cảnh vắng lặng đầy đủ cơ duyên cảm đến Phật, không nói về hình dáng chủng loại và bao gồm cơ duyên khác nhau, vì thế cho nên cũng thích hợp với câu thứ nhất. Hai là từ “Nếu tịch v.v...” trở xuống là một pháp giới độ nhiều pháp giới. Lại dùng cảnh vắng lặng đối chiếu với câu kế là. Không chỉ riêng hình dạng khác nhau mà cũng chính là căn khác nhau, năng cảm tuy nhiều mà năng ứng chỉ là một.

Hỏi: sao không phải hai vị Tô đối với câu kế là, sao đem vị nữ ban đầu phối hợp với hai câu vậy?

Đáp: Bốn nói về Phật giới độ cho nhiều pháp giới, Phật của hai Tô hơn kém phù hợp nhau, độn căn thấy Liệt ứng thân hãy còn là nghiêng về Không, thể chẳng phải Phật giới, cho nên dùng một Phật Trung đạo nơi cảnh vắng lặng, độ cho pháp giới Biệt - Viên - Phật - Bồ-tát và hình tướng năm đường, mới gọi là câu một pháp giới độ nhiều pháp giới. Ba

là từ “Nếu có v.v...” trở xuống là nhiều pháp giới độ một pháp giới. Các thời các hội ba thừa tám bộ giúp đỡ thuận theo Thế Tôn cùng nhau hóa độ một cơ, hoặc các vị quyền lực rộng lớn cùng chung thành tựu sự nghiệp hóa độ, hoặc Phật tự hiện thân khắp nơi mà độ một cơ. Nếu có người đáng dùng thân mười pháp giới được độ thoát, thì Quán Âm liền hiện bày mười thân mà nói pháp cho họ nghe. Bốn là từ “Nếu Phật v.v...” trở xuống là nhiều pháp giới độ nhiều pháp giới. Trong văn tạm thời dựa theo làm nên thân mười pháp giới, nhập vào khắp các đường mà làm câu này. Nếu chính là nói về điều này, hoặc có nhiều cơ cùng ở một chỗ thì phải dùng mười thân mà được độ thoát ấy, cũng tùy theo nguyện của họ. Từ “Dùng bốn câu này v.v...” trở xuống là trải qua năm vị. Nếu ngay nơi căn tánh làm cơ năng cảm, ngay nơi thể sở chứng mà làm năng ứng, thì vị sữa chỉ được một pháp giới độ hai pháp giới, vị đề hồ chỉ được một pháp giới độ một pháp giới. Nếu ngay nơi hình tướng làm cảm ứng ấy, thì trong từng vị từng đều có bốn câu. Đã nói đáng dùng thân nào được độ thoát, biết chính là dựa theo hình dạng làm cảm ứng. Người học cần phải biết dựa theo cội dựa theo vị, đừng đối chiếu câu ấy muốn cho dễ hiểu. Nếu hiểu tướng Một là nhiều của bốn câu, thì tất cả thời - xứ thuận theo tự tại mà thực hiện. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là bốn câu về người - pháp. Bốn câu ở trên lấy người đối với người, bốn câu bây giờ lấy pháp đối với người, đây là do kinh chép: “Mà vì họ nói pháp”, cho nên phải tiếp tục nói về bốn câu người - pháp. Câu thứ nhất nói. Thiện Tài từ trong thành đã trải qua một trăm mười vị, tri thức tức là năm mươi ba người. Tuy chứa đựng người giải thích mà ý ở tại sự nói pháp khác nhau. Câu thứ hai và thứ ba có thể thấy. Câu thứ tư chép: Một đoạ vượt ra sanh tử, mà nói nhiều pháp ấy là bởi lẽ đối với từng pháp từng pháp mở ra tri kiến Phật, vì mở ra mười Giới Như, đều là Thật tướng tức là nhiều pháp không thể nghĩ bàn. Bốn câu này có thể bao gồm pháp nhiều ít, tuy dẫn ra các kinh, nhưng điều biểu hiện đức năng ứng của Quán Âm. Ba là từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là bốn câu về nhân quả. Hai loại bốn câu phía trên đối với cơ nói pháp, pháp phải tu chứng từ nhân đến quả. Tự nếu không như vậy thì Tha có hiệu quả gì? Giống như chuyển bốn đế Diệt mình đã chứng, Đạo mình đã tu, cho nên các thân nói pháp mỗi mỗi đều có nhân quả đầu cuối, mới có thể che chở chúng sanh. Vì thế trong bốn câu giới thiệu sơ lược, cảm báo cũng như vậy, cho nên nhân quả đều ít. Thanh-văn trong nhân tất cả chia ra trong ngoài, bậc Thánh có kiến tu trợ hạnh pháp chánh hạnh, khắp cả Tam tạng, mà chỉ chứng được hai loại Niết-bàn, cho nên nhân

nhiều quả ít. Độc giác không vâng chịu hành pháp ba học, chỉ quán xét sự lụi tàn thay đổi lập tức thành tựu quả rồi, có thể đầy đủ các việc thân thông biến hóa, cho nên nhân ít quả nhiều. Bồ-tát tu nhân thời gian lâu dài công hạnh rộng lớn, cho đến thành tựu hai trí muôn đức của quả Phật, cho nên nhân quả đều nhiều. Những việc như vậy đều là tất-đàn thị hiện, tu nhân chứng quả đại khái như vậy. Từ “Quán Âm v.v...” trở xuống là kết thúc chỉ ra, có hai: Một kết luận quy về công năng của bậc Thánh. Hai là từ “Có người v.v...” trở xuống là thuật lại người khác cõi bỏ trôi buộc. Tuy nhân quả nhiều lần luận đến một là nhiều giải thích lẫn nhau, nhưng không thể nào biểu hiện thể tướng quyền thật. Nay dùng mười pháp giới ba lần lặp lại bốn câu, so với nghĩa kia khác nhau như hạt bụi và ngọn núi. Từ “Xưa giải thích v.v...” trở xuống là xét định giải thích văn kinh, có hai: Một. Xét định văn kinh, có hai: Thứ nhất là xưa kia xét định, có hai: Đầu tiên chia ra ba cảnh ngọn. Hai là từ “Nếu vậy..” trở xuống là giải thích thắc mắc và trả lời. Từ “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là hiện nay xét định. Từ “Một nói rõ v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có tám: Một là bậc Thánh, có bốn: Thứ nhất là Phật thân, có ba: Đầu tiên là tướng trạng thù ứng, có hai: Một Dựa theo thân lựa chọn xác định, có hai: Thứ nhất xác định ứng hóa. Hóa tức là biến hóa, bỗng nhiên mà có thoát như vậy mà không, đại khái là tướng tạm thời lợi ích cho chúng sanh. Ứng thì ứng đáp với chúng sanh trước sau, như người dân cõi Cực lạc, tuổi thọ không thể tính kể Phật cũng vô lượng. Cõi Ta bà này tuổi thọ ngắn ngủi Phật chỉ tám mươi tuổi, có ngày giáng sanh có lúc nhập diệt, tức là tám tướng của Phật. Nếu tìm những điều ấy, dựa vào nêu ra ba thừa - tám bộ - bốn chúng, đến thân Kim Cương, rõ ràng là tướng của một kỳ hạn hóa vật, biết chẳng phải bỗng nhiên như vậy. Từ “Hỏi: Sao không dùng v.v...” trở xuống là phân biệt chân ứng, có hai: Một là hỏi: Vì hướng đến văn mà hỏi: “Diệu Giác Pháp thân ứng với ba cõi nói pháp bao trùm cơ; đã vốn là chân Phật, sao dùng thù ứng mới nói pháp? Hai là Đáp: Tuy nói nhiều loại, nhưng đâu vượt ngoài bốn thân Pháp - Báo - Ứng - Hóa? Pháp thân thì xa xăm mà khó chỉ ra, Ứng - Hóa thì gần kề mà dễ thân cận, Báo thân thì vừa xa vừa gần, trí giống như Pháp thân mà hình như thuộc về Thắng Ứng. Bát-nhã Tán chép: “Ứng Hóa chẳng phải bậc chân là bậc này dùng chân pháp mà quyết định Ứng - Hóa, vậy thì tướng của vô tướng mới gọi là chân Phật, thuyết của vô thuyết mới gọi là nói pháp”. Dựa theo Diệu Giác Pháp thân v.v... ở đây phải trụ ở thượng phẩm Tịch Quang, mới là chân pháp, Bồ-tát thượng địa cũng không thể nhìn thấy, vì từ Đẳng Giác trở

xuống đều trụ ở quả báo và dựa vào nghiệp thức thấy Phật. Nếu hưởng về Diệu Giác đều là Thắng Ứng, do đó nói chân pháp sâu xa. Như Diệu Âm v.v... ấy là hỏi Diệu Âm đến từ phía Đông, trước đó hiện bày hoa sen và tám muôn bốn ngàn thứ báu, Văn-thù thấy rồi lại thưa hỏi Đức Phật. Căn cứ vào đây cũng là không nhận biết tướng ứng, sao bỗng nhiên dẫn chứng không biết chân thân? Đáp: Đây chính là thấy Tích mà không nhận biết Bốn, tức là không biết chân thân vậy. Do đó xuống dưới hỏi rằng Bồ-tát này gieo trồng gốc thiện nào, tu công đức gì, thực hành Tam-muội gì, tức là chân pháp. Từ “Nếu từ v.v...” trở xuống là ngay nơi cội phân biệt, có ba: Một là Thật báo, có hai: Thứ nhất chỉ ra tướng ứng. Viên mãn tướng tốt ấy là như phẩm Như-lai Tướng Hải và phẩm Tùy Hảo Quang Minh trong kinh Hoa Nghiêm nói về mười thế giới Liên Hoa tạng tướng như số cát bụi mỗi tướng đều dùng diệu tướng trang nghiêm. Nói về nhất thật đế, nếu dựa theo giáo đạo, Thật báo còn có cơ duyên Biệt giáo, cũng nói về vô lượng bốn đế, nay nói theo thật, hai là chỉ ra cơ nghi. Bốn mươi một Địa đều giống với Diệu Giác phần về Thể Dụng, cho nên không thể dùng thân của chín pháp giới và thân liệt ứng để ứng hiện. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là Hữu Dư, có hai: Một là Nói về hữu- vô, có hai: Thứ nhất là Đại - Tiểu thừa hữu vô. Hai cội Phương tiện và Thật Báo đều nhận chịu Biến dịch sanh tử. Riêng gọi hai cội này tức là cội trên từng phần phá thì đây hoàn toàn còn, nên miễn cưỡng chịu tên gọi vậy. Tiểu thừa không nói về thường trụ Phật tánh, kiến tư nếu hết thì quả báo cũng không còn. Đại thừa bàn nói về thường, cho nên ngoài ba cội lại đặt ra ba cội, vô minh hoàn toàn phá trừ thì ở cội Tịch Quang, phá trừ từng phần thì Thật Báo hoàn toàn ở hữu dư. Năm loại ý sanh thân tức là hoàn toàn còn ở đây vậy. Lãng già chỉ nói về ba loại ý sanh thân, tông phái bây giờ dựa theo nghĩa mở ra làm năm loại.

Và ba loại ấy là:

1. Nhập Tam-muội lạc ý thành thân, đây là mô phỏng theo ý nhập vào Không của nhị thừa.
2. Giác pháp tự tánh ý thành thân, đây là mô phỏng theo ý ra khỏi Giả của Bồ-tát Thông giáo.
3. Chủng loại câu sanh vô tác ý thành thân, đây là mô phỏng theo ý tu trung của Bồ-tát Biệt giáo.

Nếu mở ra thành năm loại là: Đối với Tam-muội mở ra hai giáo nhị thừa, đối với các Giác pháp mở ra mười Hạnh của Biệt giáo; hoặc làm thành bảy loại thì hai giáo nhị thừa đều mở ra làm hai. Không nói

về mười Trú của Biệt giáo là vì nghĩa giống như nhị thừa nhập vào không. Nếu nói về chín người sanh về cõi phương tiện lại chọn lấy mười trụ của Biệt giáo, và phân biệt mười Tín của Viên giáo, xếp vào ba loại ý sanh thân, vì chưa dứt trừ vô minh chưa sanh về thật báo. Nói chung ý ấy là vì chưa phát chân, đều là tác ý mà thành, lấy sanh đều từ quả mà nói. Ở đây dựa vào Diệu Huyền và Phụ Hạnh tóm tắt sơ lược mà phân rõ.

Từ “Thích Luận v.v...” trở xuống là kinh luận phân định chắc chắn. Từ “Đây ứng v.v...” trở xuống nói về Cơ - Ứng, có hai: Hai là Trình bày chỉ nêu ra hai ứng. Một là nêu ra Thắng ứng.

Hỏi: Thân Thật Báo trước đây mà lại nói ứng này chẳng phải cõi khác kham nhận, đến đây sao nói là viên mãn tướng hải, như Thật Báo trước kia?

Đáp: Ứng kia thật sự cơ và ứng phân chia, kết hợp, Ứng này dường như cơ và ứng chưa kết hợp, ở đây hãy còn tác ý - ở kia thì tùy ý thực sự, năng kiến đã sai khác thì sở kiến lẽ nào là một? Chỉ vì cơ này đã điều phục hoặc vô minh là dứt trừ phần ít, cho nên dùng tướng Báo thân dẫn dắt giúp cho nhập vào chân. Nói rằng như trước ấy là gần giống Thật Báo chẳng phải nói là hoàn toàn giống nhau. Hai là nêu ra Liệt Ứng.

Hỏi: Cõi này một vị Phật, chỉ ra hai thứ tướng mạo hơn kém và tướng tôn đặc - trượng sáu kết hợp của thân ở cõi Đồng Cư, giống nhau và khác nhau thế nào?

Đáp: Hai Ứng ở cõi Phương Tiện, chỉ nói thứ tự và không thứ tự về hai loại Đại thừa - năm loại ý sanh. Cõi đó vãng lãnh giáo pháp tuy có lợi độn, nhưng đều đã vãng chịu Đại thừa học trí tuệ Phật, đều biết thân Phật là tánh Đại Giác, người có thể tu trung quán điều phục vô minh, thấy tướng thì Thắng, nếu đối với hai quán chưa điều phục vô minh, thấy tướng thì kém. Tướng tuy hơn kém mà chỉ có một Tôn Đặc cho nên chẳng phải thân kết hợp. Nếu ở cõi Đồng Cư lúc thuyết về Thông giáo, độn căn chỉ thấy không, cho nên cảm thân trượng sáu; lợi căn thấy bất không, cho nên cảm thân Tôn Đặc. Hai cơ Đại - Tiểu đối với một thân Phật thấy - hiểu có khác nhau, cho nên gọi là thân kết hợp trượng sáu và Tôn Đặc. Đây thuận là Đại thừa nhìn thấy cho nên không gọi là Hợp. Từ: “Vì cơ gì v.v...” trở xuống là trình bày chỉ che phủ hai cơ, có hai: Một là Tổng quát chỉ ra. Hai là từ: “Nếu viên v.v...” trở xuống là tác biệt chỉ ra. Nói người Viên giáo chưa phá trừ vô minh ấy tức là từ Tín thứ bảy trở lên. Nói phá bỏ từng phần trong Nhân Vương Bát-nhã nói về hoặc của mười Địa có ba mươi phẩm, đã ở tại một Địa

tự nhiên có ba phẩm thì biết bốn mươi hai địa vị Thánh bên Viên giáo đều có ba phẩm. Ba phẩm ở Sơ trú tức là ba tâm của Tín thứ mười dùng quán đối chiếu phá trừ. Tâm ban đầu (sơ tâm) dùng quán đối chiếu với Phẩm Thượng, phá trừ tâm khoảng giữa (trung tâm). Tâm khoảng giữa dùng quán đối chiếu với Phẩm Trung, phá trừ tâm sau cuối (hậu tâm). Tâm sau cuối dùng quán đối chiếu với phẩm Hạ, nếu phá phẩm này thì mới gọi là Sơ Trú, sanh về cõi Thật Báo. Nay nói phá trừ từng phần hãy còn sanh về cõi Phương Tiện, tức là tâm khoảng giữa và sau cuối của Tín thứ mười. Như người bậc Đẳng Giác an trú vào tâm sau cuối, trải qua nhiều kiếp, mới phá trừ phẩm Hạ chứng nhập Diệu Giác. Địa vị Hồi hướng của người Biệt giáo thì sơ tâm mười hồi hướng, đều gọi là chưa phá. Hai tâm khoảng giữa và sau cuối của hồi hướng thứ mười, gọi là phần phá. Người Viên Giáo và Biệt giáo này đều tu Trung quán, điều phục phá trừ vô minh tuy sanh về cõi Phương Tiện mà căn của họ đã là lợi căn, cảm thân Thắng Ứng của Phật nói về pháp viên đốn. Trú thứ bảy bên Biệt Giáo đến địa vị mười Hạnh, và Bồ-tát bên Thông giáo nghiêng về quán đối với Giả, Tạng - Thông nhị thừa nghiêng về ở tại nơi Không, những bậc này sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Tuy đã biết về Thường, mà cầu trí tuệ Phật hãy còn ngưng trệ ở hai bên, và chưa quán điều phục vô minh hoặc, căn của họ đã là độn căn, chỉ cảm được thân Liệt Ứng nói về pháp tiệm thứ. Ba là cõi Phạm Thánh Đồng cư. Hoặc gọi là cõi Tịnh Uế Đồng cư, nghĩa là Tịnh độ và Uế độ, đều có Phạm Thánh mà cùng cư trú. Giải thích điều này chia làm hai: Một là Giải thích về tướng, có hai: Thứ nhất trình bày chung về hai độ - hai căn, có hai: Đầu tiên nói về hai tướng sở cảm, có ba: Một là Hai cõi Tịnh - Uế. Nói về cõi Tịnh Uế thì có ngang có dọc. Nếu lấy phần đoạn đối chiếu với Biến dịch, làm thành Tịnh - Uế ấy, thì dựa vào theo tất cả hoặc hết hay không hết mà nói, tức là nói về chiều dọc (thụ). Như Thích Luận chép: “Vượt ra ngoài ba cõi cõi nước thanh tịnh, Thanh-văn - Duyên-giác sinh ra trong đó.” Nếu đối với phần đoạn tự nói về Tịnh - Uế, thì dựa năm trước nhẹ nặng đối lập với nhau, tức là nói về chiều ngang. Nay hướng về Cực lạc và cõi nước thanh tịnh tốt đẹp đối chiếu với Kham nhẫn, là theo chiều ngang mà không phải chiều dọc, cho nên giả sử Tịnh độ có cái độc của kiến tư, mà không có tên gọi ác đạo, độc không phải là nhân của khổ, thì kiến và phiền não là hai trước nhẹ, quả báo trang nghiêm thanh tịnh kiếp số tuổi thọ bình thường, chúng sanh ở đây có gì gọi là thấp hèn! Nguyện hạnh của ngài Di Đà gồm nhiếp hết, vì thế mức độ nhẹ không phải là đoạn hoặc mới sanh về trong đó, vì chúng sanh từ thiện năm

ngịch ở thế gian xưng niệm danh hiệu Phật cũng có thể sanh đến, cho nên tướng uestạp của Ta-bà nhìn thấy tận mắt có thể biết. Đây là nói về chiều ngang của hai cõi Tịnh - Uế, mà hai cõi này đều có phàm - Thánh, phàm giống như trước đây đã nói. Thánh có hai loại, đó là Ứng lai Thanh - có tu đắc Thánh. hai cõi đều như vậy. Hai là hai căn lợi - độn. Cõi có trước sâu nặng thì nói về căn ngộ đạo tự có lợi - độn. Cõi có trước nhẹ nhàng thì căn cũng có lợi - độn, lấy cõi đối với căn cho nên làm thành bốn câu. Ba là năm trước nhẹ - nặng. Thân hình thấp bé tức là chúng sanh trước, thời gian thô kệch nguy hiểm tức là kiếp trước, ba trước còn lại tên gọi hiển bày rõ Tịnh độ không như vậy ấy là, như trong Đại Bản Sớ Văn chép: “Đã nói năm trước thì cái gì là năm sạch (thanh)? Đáp: Theo ví dụ về tà chánh ba độc tà là năm trước, chánh là năm thanh, Tịnh độ ở phương khác không có ba độc của tà, thì năm chướng nhẹ nhàng. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống là nói về hai hạnh năng cảm. Nói về phước đức ấy tức là ba loại phước vậy Như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chép: “Một là hiếu dưỡng cha mẹ - phụng sự sư trưởng từ tâm không giết hại, tu mười thiện nghiệp. Hai là thọ trì ba quy y - đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ-đề - thân tín nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa khuyến khích người thực hành tinh tiến. Ba loại nghiệp này là chánh Nhân Tịnh độ của chư Phật ba đời.” Sớ đó chép: “Nghiệp thứ nhất gồm có phàm phu nghiệp thứ hai gồm có nhị thừa, nghiệp thứ ba là nghiệp bất cộng của Đại thừa kinh đó chép”: “Người muốn sanh về cõi nước Tịnh độ, nên tu ba phước”: Vì vậy nay chép: Tu nhiều phước đức và tu phước không nhiều, là hạnh của hai cõi, dựa vào phước này mà luận bàn vậy. Từ: “Nếu uest v.v...” trở xuống là tách biệt nêu ra hai căn của Uế độ, có hai: Một là nêu ra bốn câu về thừa - giới, có hai: thứ nhất thiết lập câu về tướng giới luận đến mười giới. Chỉ áp dụng không thiếu sót - không phá hoại - không xuyên thủng - không xen lẫn. Bốn loại này ba việc trước là Giới một việc sau là Định, đều là nhân của trời người. Không giữ lấy - tùy theo đạo - không mê đắm trí như khen ngợi tự tại, tùy theo Định đầy đủ, dùng sáu loại này tuy gọi là Giới, mà thể là ba quán tự thuộc về nơi Thừa. Thừa nói về năm thừa không chọn lấy trời người, vì hai loại đó tuy gọi là Thừa, mà không động, không xuất Thế là thiện sự hữu lậu thuộc Giới gồm nhiếp, chỉ chọn lấy ba thừa dùng hàng Thanh-văn bao gồm bốn giáo, là nhập vào lý trí tuy phân biệt sâu cạn, mà đều có thể chuyển động vượt ra phiền não sanh tử, cho nên được gọi là Thừa. Nay dùng bốn giới mà đối chiếu với ba thừa, nói về chậm và nhanh để làm thành bốn câu. Hai

là từ: “Giới nhanh v.v...” trở xuống là phân định về sở cảm. Thừa và Giới dựa theo quá khứ, Cơ và Cảm dựa theo hiện tại. Hai là từ: “Cơ có v.v...” trở xuống là nói về hai căn Đại - Tiểu, có hai: Một là Trình bày chung về Đại - Tiểu cảm Phật. Không hỏi về việc Giới có giữ gìn có hủy hoại, chỉ luận đến học hỏi luyện tập về lý Thừa Đại - Tiểu. Vì thế cho nên trong văn thiết lập Giới trình bày Thừa. Do đó kinh Niết-bàn chép: “Người trì hoãn Giới đó không gọi là trì hoãn, người trì hoãn đối với Thừa mới gọi là trì hoãn.” Vì người trì hoãn Giới chỉ làm mất trời người, nếu trì hoãn Thừa đó thì không có đường giải thoát. Thừa chia ra Đại - Tiểu thừa, chỉ cảm được hình tướng và âm thanh của Liệt Ứng Phật. Xưa là người thực hành Trung đạo tu quán, nay là cơ Đại thừa có thể cảm được hình dung và âm thanh của Thắng Ứng Phật. Nói về bậc giáng thân ấy: Xưa kia Như-lai ở nơi Đức Phật Đại Thông, giảng lại Pháp Hoa cho vô lượng chúng sanh làm nhân Nhất thừa, đến giữa chừng lui sụt Đại Tiểu thừa, nhiễm trước năm trần, Đức Phật sợ rơi vào khổ đau, liền dùng Tiểu thừa mà cứu bạt cho họ, hoặc vì vậy khai triển thành ba mà dẫn dắt họ. Như vậy các loại Đại - Tiểu đều thành thực, có thể ở nơi đời này ngộ nhập Phật thừa, vì thế cho nên Như-lai vì một sự việc này mà xuất hiện ở thế gian. Nhưng căn cơ phát khởi đó lại ít sai khác, cho nên từ một đời mà chia ra năm thời kỳ, có cơ có thể đi thẳng vào nơi thật, có cơ chỉ có thể chuyển biến nhập vào nơi thật, tuy hai loại này thành thực ở tại một thời kỳ, mà đối với Hoa Nghiêm mau chóng bàn về Viên - Biệt, che phủ hai loại cơ, cơ này từ đầu liền thấy tướng Thắng Ứng. Nếu ở chặng giữa người luyện tập Tiểu thừa sâu sắc, tuy ở đời này nhập vào một Phật thừa, mà Tiểu thừa thành thực trước, cho nên vì cơ này thị hiện thân Liệt Ứng. Đầu tiên nói về Tam tạng, các vị điều hòa thành thực, đến nơi Pháp Hoa mới mở ra tuệ Phật, cơ này lúc đầu chỉ thấy thân Liệt Ứng, cho nên giáng vào thai mẹ tức là thị hiện hai tướng.

Hỏi: Hoa Nghiêm mau chóng về sau mới lập bày hóa độ Tiểu thừa, giống như kẻ cùng tử gấp rút truy tìm không đến, từ từ nói mới đến. Trước đốn sau tiệm nghĩa đó dễ dàng thành tựu. Nay sao bỗng nhiên nói giáng thân mẫu thai tức là thị hiện hai tướng?

Đáp: Các văn vốn nói về đầu tiên là đốn kế đến tiệm, bởi là nói về lập bày nghi thức cảm hóa. Nay ở đây đã nói về Đại - Tiểu cả hai thuận theo cuối cùng quay về Nhất thừa, mới không còn sự việc xem xét cơ từ đầu đến cuối, như phẩm Phương Tiện chép: “Suy nghĩ không có cơ Đại thừa nên trong ý niệm muốn ngừng giáo hóa, chư Phật

khuyến khích an ủi dò mới thi hành Tiểu thừa.” Kế là văn lại chép: “Từ vô lượng kiếp đến nay khen ngợi pháp Niết-bàn, sanh tử mãi mãi không còn Ta thường nói như vậy. Vì thế cho nên suy nghĩ về cơ sau đó lập ra Tiểu thừa.” Nói những lời này đều là nghi thức, không thể dựa vào đây để chất vấn vấn này. Dự định xem xét mọi căn cơ từ đầu cần phải trọn vẹn, là ý của độ thoát cho người. Hai là từ: “Đốn cơ v.v...” trở xuống là nêu riêng Đại - Tiểu được lợi ích, có hai: Một. Tương lợi ích của cơ Đại thừa. Chúng sanh cùng loại trước tiên thành thực hạt giống Đại thừa thì cảm được thân Thắng Ứng, nhập vào thai, trú trong thai là ra khỏi thai là thành Phật thì tướng đó đều là Thắng, chuyển một thật đế tức là bộ Hoa Nghiêm. Lập tức thuyết ra Viên giáo, đã bao gồm Biệt giáo, cho nên nói là vô lượng. Kinh đó dự định nói về một đời từ trước đến sau, cho nên lập ra thí dụ: “Giống như mặt trời mọc đầu tiên soi sáng trên đỉnh núi cao, kế là chiếu rọi khe núi sâu tối, sau cùng mới soi chiếu đất bằng.” Nghĩa của tông phái này khai triển đất bằng làm thành ba, đối với Niết-bàn là năm loại ý vị (ngưu vị). Cơ Đại thừa là núi cao thường cảm được đốn giáo, ánh mặt trời soi sáng trước, tức là thấy Phật tánh có thứ tự và không thứ tự. Nếu trong Niết-bàn ví như từ trâu sinh ra sữa, lần lượt năm vị, thì đối với ý vị năm thời giáo trong một đời, lần lượt sanh ra nhau. Nay nói về Đốn Cơ, thường thấy Phật tánh, vì thế cho nên bao gồm sử dụng thí dụ của ăn cỏ (thực thảo?), chính là dùng núi tuyết ví như xá Na Phật, nhấn chịu rơm cỏ ví như mười hai bộ kinh, trâu ăn ví như Cơ Đại thừa tu quán, liền được tinh chất của sữa (đề hồ) ví như thấy Phật tánh.



QUÁN ÂM NGHĨA SỐ KÝ

QUYỂN 4

Từ “Nếu Tiểu v.v...” trở xuống là tướng lợi ích của căn cơ Tiểu thừa, có bốn: Một là lợi ích như sữa (lạc), có hai: Thứ nhất nói về cơ Ứng Tiểu thừa. Tức là người trước tiên thành thực hạt giống tiểu thừa, đầu tiên cảm được Liệt ứng thân, mới thuận theo nhập vào thai cho đến lúc thành Phật, tướng đó đều là Liệt ứng. Câu lân hoặc Câu Nhi hoặc Kiều Trần Như, người đứng đầu năm người này. Bốn người đó tức là A-bệ - Bạt-đề - Ma-ha-nam - Câu-lợi: Ban đầu Thái tử ở tại vườn Nai chứng lý bốn đế, gọi là đạt được cam lộ, đây chính là mặt trời Phật kế đến soi chiếu khe núi sâu tối. Hai là từ “Đã không v.v...” trở xuống là đối chiếu Đại thừa xét kỹ để phân biệt, có hai: Một là Tiến tới đối chiếu Pháp Hoa phân biệt giác ngộ. Giáo đầu tiên đạt được đạo lý tuy nói là cam lộ, nhưng không phải vị của đề hồ thứ năm, chẳng lẽ được độ thoát đối với hai loại sanh tử? Vì thế không gọi là được độ thoát. Do đó nói là Đẳng ấy là dẫn ra kinh này. Chỉ sử dụng một môn giải thoát vượt khỏi sự ràng buộc luống dối của kiến tư, thật ra chưa đạt được tất cả cảnh giới giải thoát khỏi sự dây dưa của hoặc trần sa vô minh, điều ấy đến Linh Sơn mới chứng được sự thoát khỏi này. Hai là từ: “Chưa kham v.v...” trở xuống là lùi lại dựa vào Hoa Nghiêm phân rõ cơ, có hai: Một là đối với Đại thừa gọi vị Nhũ. Trong này chính là dùng sự chứng đạt về sau của Tiểu thừa, gặp Đại thừa không nghe, vì nghiêm xét thuộc về cơ phàm phu, không nhận chịu Đại thừa, vì đui điếc với văn ở tại phần sau của kinh, thời gian đó vẫn dài, nghĩa hưởng về thời gian của Phương Đẳng và Bát-nhã, cũng có thể thông suốt ở trước vườn Nai vì thế cho nên Ca Diếp lại thuật về thời gian căn cơ Tiểu thừa được Đại thừa mô phỏng, mê muội buồn rầu ngã xuống đất lấy sau biểu hiện trước. Căn cơ chưa chịu được Đại thừa ý đó rõ ràng như vậy. Tuy có lợi ích lợi thâm kín, mà điều đó giống như kiến ái hiện hành hừng hực, cho nên cơ ở tại Hoa Nghiêm hoàn toàn phát sanh như vị sữa. Từ “Nghe phương v.v...” trở xuống là đối với Tiểu thừa gọi là sữa đặc. Vội vàng đuổi theo giao

cho tài sản thì gọi là oan nói lớn, từ tổn nói quét dọn phần uest thì vui vẻ theo đến, mới thực hành Phương tiện nói về sự khổ ba cõi, vì sợ khổ cho nên dứt trừ tập của kiến tư, đã thay đổi phàm trở thành Thánh, gọi là chuyển sữa thành sữa đặc. Từ “kế là nghe v.v...” trở xuống là bơ sống. Bốn giáo đều phát triển bất gồm nhiếp rộng các cơ. Tiểu thừa nghe công kích trách mắng dần dần có thể kính mến Đại thừa, bí mật được lợi ích tất cả, độn căn Bồ-tát lợi ích giống như nhị thừa, điều hòa các cơ này đạt được vị của bơ sống (sinh tô). Nên biết rằng dựa theo giáo nói về năm vị ấy, không chọn lấy đậm nhạt mà chỉ nói về sanh khởi lẫn nhau, vì sữa của độn cơ chính là tinh chất của sữa (đề hồ). Nếu dựa theo cơ ấy thì nghĩa có đậm nhạt, nhưng ngay đối với ba thừa rất Độn ấy mà nói, vì một loại này đối với Hoa Nghiêm kia hoàn toàn không có ích lợi hiển bày. Như máu tanh và sữa lúc nói về ba tạng, cơ này trở thành sữa đặc (lạc), theo thứ tự dần dần đậm đặc đến nơi vị cao nhất. Từ “kế là nghe v.v...” trở xuống là bơ chín. Không bàn về Tam tạng mà nêu ra đây đủ khai triển thành ba, người hàng lợi căn nhập vào Viên giáo rất nhiều, Thanh-văn đến đây được thêm vào chuyển thành giáo, đã ở nơi Chân không bàn luận đây đủ muôn hạnh, cho nên khiến cho độn căn kín đáo đạt được lợi ích riêng biệt, dựa theo điều hòa tiệm cơ gọi là vị của bơ chín. Từ “kế là nghe v.v...” trở xuống là tính chất của sữa (đề hồ), có hai: Một là Pháp Hoa, có hai: Thứ nhất nói về ba thừa đều được thành Phật. Xả bỏ phương tiện bốn đế của ba giáo trước đây, chỉ nói về đạo của Nhất thật vô thượng. Tiếp tục mở ra cửa phương tiện của ba giáo, đều là tướng chân thật Nhất thừa, mới chính là hai diệu đāi và tuyệt của kinh này. Vì bàn về Diệu này, mới khiến cho hạt giống cháy khô của nhị thừa lại sanh ra, nghi ngờ tạm thời của Bồ-tát ba giáo dứt hẳn thế nên chẳng một ai không thành Phật. Từ: “Cho nên nói v.v...” trở xuống là chứng minh một đời đều nhập vào đề hồ. Nếu cơ Đại thừa thành thực trước, là Hoa Nghiêm bắt đầu thấy Phật tức nhập tuệ Phật, nếu cơ tiểu thừa thành thực trước, tức là cần phải dần dần dẫn dắt. Nay nghe mở ra và phế bỏ mới đạt được tuệ Phật, nếu cơ Tiểu thừa thành thực trước, tức là dần dần dẫn dắt. Nay nghe mở ra và phế bỏ mới đạt được tuệ Phật ban đầu đạt được - nay đạt được đều là tuệ Phật, đều ví như đề hồ, nhưng ở kia bao gồm Biệt giáo đến đây thuần là Viên giáo.

Từ “Nếu lại có v.v...” trở xuống là Niết-bàn. Ý mở ra hiển bày Pháp Hoa sáng tỏ, cơ chấp vào Quyền, trận lớn đã phá tan, lại chờ đợi Niết-bàn thu nhận đồng bọn còn sót lại đó, cho nên sau Pháp Hoa lại bàn đến Bát-nhã, điều hòa thành thực tâm đó, khiến cho ở tại Niết-bàn

đạt được vị của đề hồ. Vì thế cho nên kinh kia ngay nơi phần sau của bộ Bát-nhã kết thúc nhóm họp năm vị. Theo thứ tự chép: Từ Ma-ha Bát-nhã sinh ra đại Niết-bàn. Nói về Thắng tam tu ấy, kinh kia nói về ba loại ba tu: 1. Tà. 2. Liệt. 3. Thắng. Tà tức là tà sư thế gian đã dạy về Thường - Lạc - Ngã. Liệt tức là đối với một nửa giáo của Phật phá trừ tà chấp, gọi là vô thường - vô lạc - vô ngã. Thắng tức là dựa vào giáo thù thắng của Phật phá trừ đối với Liệt tu, nói là Thường - Lạc - Ngã. Pháp thân thường hằng không có Biến dịch, dạo qua nhiều giác hoa vui sướng thọ nhận niềm vui, đầy đủ tám tự tại không có thể ngăn dứt. Người tu như vậy nhập vào kho Bí mật tạng, gọi là hơn ba tu.

Từ “Là vì v.v...” trở xuống là kết thúc ví dụ, có ba: Một là Kết luận thân Phật. Hai là từ: “Hoặc chỉ v.v...” trở xuống là ví dụ thân còn lại. Thân Phật đã có thuyết năm thời giáo, nếu nêu ra thân khác, cũng đối với năm thời dẫn dắt các thật hạnh, tùy theo vị mà chuyển giao. Lại phải nói về thị hiện nhiều thân độ cho một người, hoặc một thân độ nhiều người, hoặc một thân độ một người, hoặc nhiều thân độ nhiều người. Dựa vào người đã như vậy, thì người - pháp và nhân quả nhiều ít đối lập với nhau, đều trở thành bốn câu, cho nên ban đầu thâm lập thành ba loại bốn câu, mới hết tướng cảm ứng của Thân thuyết. Ba là từ “Cõi uest v.v...” trở xuống là ví dụ về Tịnh độ. Như thế giới An Lạc, Bồ-tát vô số thì Thanh-văn cũng như vậy. Vì pháp có đốn - tiệm, cho nên con người chia ra Đại - Tiểu, đầy đủ như chín phẩm, sau khi sanh về cõi kia nhập vào địa vị Đại - Tiểu, đều căn cứ vào nghe pháp. Nghiệm xét biết thuận theo Tịnh độ kia mà độ chúng sanh, cần phải nói về hai thuyết loại Thân tiệm - đốn.

Từ “Trong đây v.v...” trở xuống là Bốn quán từ bi. Như trên đã trình bày, thù ứng hình tướng ba cõi cảm hóa người vật năm thời, uest độ hướng về Thích Ca - tịnh độ dựa theo Di Đà, sự hóa giáo văn của hai Đức Phật đầy đủ rõ ràng, để biểu hiện Quán Âm thị hiện thân Phật cùng với nơi này không khác nhau, vì phân chân rất ráo cùng chung Thế Dụng. Quả dụng nếu vậy lẽ nào không có nhân ban đầu ư? Vì thế nay lại tìm bốn quán thệ nguyện, là lúc tu quán hạnh của Biệt - Viên giáo, khởi lên thệ nguyện từ bi, kỳ hạn khắp cả pháp giới hiện thân nói pháp độ thoát các chúng sanh. Nay an trú Tịch Quang xông ướp bốn thệ, cùng khắp ba cõi, hình tướng âm thanh lợi ích so sánh với cứu nạn trước đây, trong văn Bốn Thệ đã nói đầy đủ.

Từ “Hỏi kinh v.v...” trở xuống là lựa chọn thể tên gọi của cõi, có hai: Một là Phân rõ tên cõi, có hai: Thứ nhất là hỏi. Tên gọi Ta Bà Hán

dịch là Kham nhẫn, ở trong Đồng cư hãy còn không thể hoàn toàn thanh tịnh, sao có thể đầy đủ dựa vào ba cõi để giải thích được? Hai là trả lời: Bồ-tát nêu ra một dùng làm sự việc để hỏi, Như-lai nói pháp rộng khắp để trả lời, cho nên chép: Dùng thứ loại hình tướng đạo đến các cõi nước. Chiều ngang cùng khắp mười phương - chiều dọc suốt tận ba cõi, cho nên nói là các, đều là nơi ứng thân của Quán Âm đạo qua. Đây là dựa theo Như-lai trả lời xong đối với câu hỏi, căn cứ văn giải thích. Nếu lại dựa theo nghĩa thì tướng đó rõ ràng như thế. Vì sao? Vì kinh nêu ra cõi Phương Tiện và cõi Thật Báo không xa lìa Ta-bà, cho nên chép: “Nếu nghe trường thọ thâm tâm tin hiểu, tức là thấy Phật thường còn ở núi Kỳ-xà-quật, cùng với Đại Bồ-tát và các chúng Thanh-văn vây quanh nói pháp.” Đã nói thường còn ở núi Kỳ-xà-quật, thì nạn lửa cùng khắp như vậy mà cõi này vẫn an ổn, lại làm Bồ-tát cùng các Thanh-văn làm thính chúng, vậy chẳng phải Ta-bà chính là cõi Phương Tiện hay sao? Lại chép: “Còn thấy thế giới Ta-bà, đất cõi đó bằng lưu ly cho đến lầu gác đình quán đều làm thành từ các thứ báu, chúng Bồ-tát đó đều ở trong đó.” Đã nói còn thấy, tức là không phải nơi chốn trước đây chỉ có Bồ-tát, không cùng chung Thanh-văn, tức là thuần nhất Bồ-tát mà làm Tăng. Nghiệm xét biết rằng Ta-bà tức là Thật Báo. Văn này đều là quán của bốn Tín ngay nơi Kham nhẫn mà lại thấy hai cõi. Trí của Quán Âm đạo qua Ta Bà. Lẽ nào để cho một mình ứng với cõi Đồng cư ước trước hay sao? Từ “Hỏi hai v.v...” trở xuống trình bày Thể của cõi, có hai: Một là Hỏi: Đại Luận chép: “Vượt ra ngoài ba cõi Tịnh độ, Thanh-văn - Bích Chi Phật ra đời trong đó, thọ thân pháp tánh không phải phần đoạn sanh ra, tức là cõi Phương Tiện.” Đại Phẩm chép: “Pháp thân Phật vì pháp tánh thân của Bồ-tát mà nói pháp, chúng nghe pháp đó chẳng phải là người sanh tử, chỉ nói Bồ-tát không cùng chung nhị thừa, tức là cõi Thật Báo.” Hai cõi không giống nhau đều nói là pháp tánh, làm sao phân biệt được? Hai là trả lời: Tiểu thừa thất đoạn dứt không sanh ra ngoài pháp giới, luận nói ra khỏi Pháp giới, lại nói thọ thân, đây là căn cứ vào Đại thừa mà nói. Pháp tánh Đại thừa Thể vốn thường trụ, tức là nguồn gốc của tất cả Sắc - Tâm. Vì sao? Vì Tiểu thừa nói rằng Sắc - Tâm dựa vào kiến tư mà có, cho nên nhân ràng buộc dứt trừ thì quả đó mãi mãi mất. Đại thừa nói Sắc - Tâm dựa vào hoặc sanh diệt, không nhờ vào Hoặc có thể là pháp tánh, kiến tư nếu không còn mà vô minh còn đầy đủ thì đó là Sắc - Tâm pháp tánh thuộc chân đế, Phương Tiện sanh diệt, Vô minh phá bỏ từng phần, từng phần bốn tánh hiển bày, nghĩa thích hợp với sắc tâm pháp tánh thuộc Trung đạo, Thật Báo sanh

diệt, Vô minh cuối cùng không còn, thì trở lại sắc tâm thường trụ thuộc bốn tánh xa lìa tướng sanh diệt, là thường Tịch Quang. Nay nói về cõi Phương Tiện và cõi Thật Báo, tên gọi pháp tánh giống nhau, dựa theo đoạn hoặc mà luận thì Chân - Trung rất khác nhau. Từ “kế là nói v.v...” trở xuống là Bồ-tát, có hai: Một là Nói về tướng Ứng, có hai: Thứ nhất phụ giúp Phật không giống nhau. Nói về chiều ngang là bốn giáo, nói về chiều dọc thì ba cõi. Đồng Cư bốn giáo đều có giáo chủ, đều có Bồ-tát phụ giúp cảm hóa cơ, Phương Tiện hai giáo - Thật Báo một Viên giáo, đều cần Bồ-tát phụ giúp Phật lưu hợp cơ duyên. Từ “Ứng đến lợi v.v...” trở xuống là đi đến duyên có khác nhau. Sơ lược mà phân, đốn bộ căn lợi - tiệm giáo căn độn. Nếu dựa theo nói về điều ấy thì độn căn Biệt giáo trong đốn - lợi căn viên giáo trong tiệm, pháp đã nói ra tùy theo cơ nghi mà phế bỏ hay phát triển, Bồ-tát phụ giúp Phật cũng tùy theo mà thay đổi. Văn không thể đầy đủ nên theo giáo mà suy nghĩ.

Từ “Trong đây trở xuống là nói về bốn quán. Phật Chương thuật lại sơ lược. Hai là Bích Chi Phật. Nếu nói về Độc Giác, đã không gặp Phật vâng lãnh giáo pháp, sao có thể nói pháp? Muốn cảm hóa chúng sanh chỉ có hiện bày thân thông biến hóa. Nay nói nói pháp, chính là nói về người ở đời Phật vâng lãnh giáo pháp nhân duyên. Ở đây nói về tạm thời nêu ra cũng dẫn dắt loại đó tùy theo vị mà phụ giúp giống như Thanh-văn.

Từ “kế là nói rõ v.v...” trở xuống là Thanh-văn, có hai: Một là nói về sở hiện. Hai là từ “Nội bí v.v...” trở xuống là nói về năng hiện. Trước nêu ra sở hiện hoàn toàn giống như thật hạnh, nay nói về năng hiện biết là quyền lực to lớn (đại quyền). Trong phần này có bốn: Một là Ý năng hiện. Bên ngoài chỉ ra dấu tích quyền biến (quyền tích), ý ở tại trang nghiêm song thọ Niết-bàn. Nói về Song Thọ ấy là, bốn phía đều một đôi, phía Đông một đôi, mà một khô một tươi, phía Nam - Tây - Bắc cũng lại như vậy. Phía Đông khô tươi biểu thị cho Thường - Vô Thường, phía Nam là Lạc - Vô lạc, phía Tây là Ngã - Vô Ngã, phía Bắc là Tịnh - Bất Tịnh, Như-lai ở trung tâm, đầu hướng về phía Bắc mà nằm nhập vào Niết-bàn, tức là biểu thị cho các cặp chẳng phải Thường - Vô Thường v.v... Văn kinh sơ lược nêu ra sáu người trong nhân, tức là Thân Tử - Mục Liên - Không Sanh - Na Luật - Ca Diếp - A-nan và quả của một người, chính là Như-lai. Đây đều là tốt lành có thể trang nghiêm song thọ. Đây là vì Như-lai cùng các vị như Thân Tử đã từ lâu chứng đạt ba đức, muốn làm cho chúng sanh có thể nhập vào bí tạng, bốn đức chân thật của các cặp chẳng phải Thường - Vô thường v.v... ban đầu ở

tại Tam tạng chủ bạn với nhau cùng các thật hạnh, ân cần tu chứng Vô thường - Vô lạc - Vô ngã - Vô tịnh, thành tựu bốn cây khô héo. Kế đến đối với hai vị bơ khen ngợi Viên chỉ trích Thiên hổ thẹn Tiểu kính mển Đại, nói pháp Bồ-tát, dẫn dắt các chúng sanh phá trừ Vô thường, tu học các loại như Thường v.v... thành tựu bốn cây tươi tốt. Đến hội Pháp Hoa và Niết-bàn này, dẫn dắt các chúng sanh, đều cùng nhau chứng đắc nhập vào bốn đức Trung đạo chẳng phải khô chẳng phải tươi thuộc Đại bát Niết-bàn. Kinh nói rõ công lao chủ bạn cảm hóa một đời, nay đã thành tựu chính là lúc Niết-bàn ở giữa Song thọ, mà bày tỏ biểu hiện. Vì thế nói sáu người và Như-lai thường trang nghiêm song thọ. Quán Âm thị hiện thân Thanh-văn, ý đó như vậy.

Từ “kế là dẫn v.v...” trở xuống là người năng hiện. Thiện Tài gặp gỡ các vị thiện tri thức, như Tỳ-kheo Hải Vân - Tỳ-kheo Thiện trú, hiện rõ thân Thanh-văn nói về pháp Biệt - Viên, cơ nhị thừa hỏi vào liền nói Tạng - Thông. Đã trụ pháp môn bất tư nghị thì có pháp nào không nói, đây là kết hợp bốn câu về người - pháp của văn này. Từ “kế là dẫn Đại v.v...” trở xuống là pháp năng hiện. Toàn bộ phần trên dựa theo pháp làm sáng tỏ người năng hiện, nay ở đây chính là thị hiện phép thuật của Tiểu thừa, cho nên dẫn ra bốn loại trí của Đại Kinh quán mười hai nhân duyên đạt được quả của bốn thừa. Quán Âm nếu tu thì nhất tâm dùng bốn trí quán duyên. Nếu tu Viên quán thì nhất tâm dùng bốn trí nhân duyên mà đối với mỗi mỗi loại đều khởi lên thệ nguyện, độ các chúng sanh, không giữ lấy bốn tướng - không xả bỏ bốn pháp. Không giữ lấy cho nên chẳng có - không xả bỏ cho nên chẳng không, cả cặp ngăn che hai bên tức là Vô duyên thệ, cả cặp soi chiếu sanh pháp, chính là bốn là từ bi. Nay hạnh nguyện thành tựu cho nên rộng khắp pháp giới, hiện rõ bốn hình tướng âm thanh ứng với tất cả khắp nơi. Nay ở trong bốn loại chính là chọn lấy trí dưới, làm pháp năng hiện.

Từ “Hỏi v.v...” trở xuống là nương vào phân biệt giải thích (liệu giản), có hai: Một là Hỏi: Vì trước đây phân biệt lấy thân mười pháp giới ứng với cơ mười pháp giới. Một là nhiều thay nhau, tuy thành bốn câu mà cuối cùng có Phật độ cho pháp giới Phật, cho nên có câu hỏi này. Hai là trả lời: trong trả lời Đẳng Giác độ cho hàng Sơ địa là dựa theo nghĩa bên Biệt giáo. Vì Lục Tức bên Viên giáo có nghĩa về Phật rất rộng, Đẳng Địa bên Biệt giáo có nghĩa pháp với Phật hiển rõ, vì sao? Vì ba Hiền bên Biệt giáo sử dụng quán pháp vốn tu của ba thừa, nhập vào Địa chứng Trung đạo vượt xa chín cõi. Bắt đầu vốn có phân hợp Thể Dụng giống như Phật, nhưng là phần chứng, thì Hoặc chắc

chấn dày - mỏng - trí nói về cạn sâu. Vì thế cho nên địa vị trên hiện rõ Phật của hóa tha, độ cho Phật của tự hành ở địa vị dưới. Áp dụng ví như trong loài người thầy độ cho đệ tử, cần phải biết rằng Phật là năng độ hoặc hiện rõ tám tướng, hoặc ngồi trên hoa chúa; Phật của sở độ chắc chắn là thân làm nhân, vì oai nghi của Phật chẳng phải vâng lãnh pháp tướng, Phật của bốn giáo đều là vô sư trí. Còn nay như nhau tạm thời nói Đẳng Giác độ cho sơ Địa. Nếu Bốn thấp mà Tích cao, có thể nói Sơ Địa độ cho Đẳng Giác, vì chỉ ra Tích của Phật là thân Diệu giác, chính là do cực quả gia bị vậy.

Từ “Hai nói rõ v.v...” trở xuống thân loài trời, có sáu: Một là Phạm Vương, có hai: Thứ nhất giải thích danh tướng. Hai là từ “Quán Âm v.v...” trở xuống nói về bốn quán. Y - chánh của trời này phần nhiều là sắc trắng, Quán Âm căn cứ vào lúc quán ở tại sắc trắng, ngay trong Không - Giả - Trung an trú vào pháp giới màu trắng, tức là chỗ này có Ngã tánh chân thường gọi là Tam-muội Vương. Chẳng lấy chẳng bỏ: chẳng ấy tướng hữu của thiền này, nghĩa là kiến tư, chẳng lấy tướng Không của thiền này, là trần sa; không lấy tướng vừa có vừa không - tướng chẳng phải có chẳng phải không có của thiền này, là vô minh; thì không rơi vào ba hoặc sanh về ba cõi của thiền này. Vì không bỏ, tức là có thể ứng làm phàm phu - Phạm Vương - Đồng Cư. Lại có thể ứng làm Phương tiện - Đồng cư, tức là trong A-hàm chép: “Đã chứng ba quả sắp nhập vào cõi Phương tiện.” Lại có thể ứng làm Thật Báo Phạm Vương, tức là trong Nhân Vương chép: “Chứng bảy Địa cho nên nói Luận Xuất Dục”, cũng là ba hoặc Dục. Bốn câu về hiện thân, tức là cảm ứng. Một là nhiều đối lập nhau. Để trở thành bốn câu, lấy quyền dẫn dắt thật, dẫn dắt người thật hành của ba cõi. Đây đủ như Phật Chương, xuống phía dưới các thân tùy theo ví dụ này. Hai là Đế Thích, ba là Tự Tại, bốn là Đại Tự Tại, năm là Thiên Đại Tướng Quân. Thiếu Thích Tỳ-Sa-môn vì có thể thấy. Từ “Tiểu Vương v.v...” trở xuống là thân loài người, có năm: Một là Tiểu Vương, hai là Trưởng Giả.

Mười đức lớn của người, như Đại Bốn Sơ thứ năm chép: “Trưởng Giả ở thế gian có đủ mười loại thứ đức: 1. Tánh quý. 2. Vị cao. 3. Giàu có. 4. Uy mãnh. 5. Trí sâu. 6. Tuổi già. 7. Hạnh tịnh. 8. Lễ tu. 9. Trên khen ngợi. 10. Dưới quy phục. Giòng họ thì con cháu (duệ) của ba hoàng năm đế, gia đình thì tử điều hữu sáp. Địa vị thì phụ tá thừa tướng diêm mai a hoành. Tài sản thì đồi đồng núi vàng màu mỡ lãng phí. Uy quyền thì nghiêm trang long trọng không nghiêm túc mà thành. Trí tuệ thì ngực như Vũ Khố quyền biến hiếm thấy vượt hơn hẳn. Tuổi tác thì bạc phơ

góc cạnh nội dung nghi thức vốn khuất phục. Việc làm thì ngọc khuê rõ ràng không dấu vết, thực hiện như lời nói. Lễ nghi thì tiết tháo hạn độ trường học thế gian vốn ngược nhìn cách thức. Trên cao thì một người tôn kính, dưới thấp thì bốn biển đều quy tụ. Bên trong hợp với mười thứ công đức của Như-lai, và mười đức quán tâm, có đủ rõ ràng trong số kia. Ba là cư sĩ, bốn là Tể Quan, năm là Bà-la-môn.

Từ “kế là nêu v.v...” trở xuống là bốn chúng. Tỳ-kheo: Hoặc có chỗ nói phiên dịch, có chỗ nói không phiên dịch. Có phiên dịch. Hán dịch là Trừ Cẩn, chúng sanh ở nhân không có pháp nào tự nuôi, được quả báo phần lớn bị đói kém thiếu hụt, xuất gia giới hạnh là ruộng phước tốt lành, có thể sanh ra mọi vật tốt lành trừ bỏ sự đói kém thiếu hụt của nhân quả. Không phiên dịch vì, tên gọi chứa đựng ba nghĩa: 1. Phá ác. 2. Bố ma. 3. Khất sĩ v.v... Tỳ-kheo ni: Tỳ-kheo giống như trước. Ni ấy ở đây phiên ra là nữ. Ưu-bà-tắc Hán dịch là Cận sự nam. Ưu-bà-di Hán dịch là Cận sự nữ. Vì thọ ba quy y và năm giới có thể tiếp cận các việc với hai chúng xuất gia. Còn hai chúng tại gia, hoặc dịch ra là Thanh tín sĩ - Thanh tín nữ. Năm là Phụ Nữ, sáu là Đồng chân, bảy là tám Bộ, có tám: 1. Trời. 2. Rồng. 3. Dạ xoa. 4. Càn-thát-bà. 5. A-tu-la. 6. Ca-lâu-la. 7. Khẩn-na-la. 8. Ma-hầu-la-già. Tám là Kim Cương, có hai: Một là Giải thích tướng. Hai là Hỏi đáp, có hai: Một là Hỏi. Hai là Đáp. Thứ hai trả lời chung, có ba: Một là Trích chương mục nêu ra ý văn, có hai: Thứ nhất là trích chương mục. Hai là nêu ra văn. Hai là từ “Các danh v.v...” trở xuống là dựa vào văn trình bày rộng về nghĩa, có hai: Một là dựa vào văn giải thích có hai: thứ nhất nói về thù ứng rộng khắp ba cõi. Ngay nơi Đồng cư nói về mười phương cõi khác nhau, dựa theo hai cõi trên thì không khác nhau về cương vực, cho nên Đồng cư đối với Phương tiện. Một là khác mà chia ra, Phương tiện đối với Thật báo hòa hợp - không hòa hợp sai khác, Thật báo đối với Tịch Quang tướng - vô tướng phân biệt. Nếu chủng loại chúng sanh trong Đồng cư, trần sa không ví dụ, Quán Âm đều có thể chỉ ra ba nghiệp đó, mà độ thoát họ. Văn kinh đã liệt ra ba mươi ba thân sơ lược bày tỏ. Muốn sáng tỏ rộng khắp, cho nên nêu chung nói “Dùng đủ loại thân hình đi khắp các cõi độ thoát chúng sanh”. Từ “Dùng đủ loại v.v...” trở xuống là căn cứ vào văn nêu chung ba phạm vi rộng. Không trình bày ba phạm vi rộng, chỉ dựa vào sai khác mà trả lời thì trở thành hạn cục sự ứng hóa của Quán Âm vậy. Từ “Nói tuy v.v...” trở xuống là kết luận ở phạm vi rộng.

Từ “Thiện tài v.v...” trở xuống là dựa theo nghĩa biểu hiện nơi

khác hẹp, có hai: Một trình bày văn rộng mà nghĩa hẹp. Hai là quở trách trái nghĩa mà lập Tông. Nếu tìm ý này, một thân Bồ-tát có thể hiện rõ ở mười pháp giới, lại nói “Dùng đủ loại thân hình đi khắp các cõi độ thoát chúng sanh.” Ba phạm vi rộng nghĩa rõ ràng không thể nghĩ và nói. Văn kinh trình bày nêu ra Phổ Môn Thị Hiện, ý Phật làm cho biết sự phát sinh rõ ràng của bốn tánh, ngay nơi văn nghĩa nào nói rằng mộng huyễn không chân thật, chính là cương quyết như vậy chê bai ngăn cản diệu điển. Do đó biết rằng Sư này chỉ thấy văn sơ lược mà không suy xét lý đầy đủ, cho nên làm thành sự phân định này vậy. Thứ ba là khuyên cúng dường, có hai: Một là nêu chương mục lập thành ý, có hai: Thứ nhất là nêu lên chương mục. Hai là từ “Phật đáp v.v...” trở xuống là lập ý, có hai: Một là Trình bày trước sau tương xứng, có hai: Thứ nhất nêu ra nay lập thành chương mục, có hai: Đầu tiên là trước sau đều có ba. Hai là đầu tiên thuật về ba loại trước.

Từ “Phật trả lời sau v.v...” trở xuống là nêu ra ba loại hiện nay. Từ: “Mà tổng v.v...” trở xuống nói về tổng biệt đưa ra lẫn nhau. Từ “Có người v.v...” trở xuống là quở trách người khác làm hại nghĩa. Ba trước ba sau từ đầu đến cuối mở ra hợp lại, đều được tương xứng. Nếu lấy sự trả lời chung để khen ngợi công đức ấy, thì làm cho nghĩa của ba loại sau: không thể tương xứng, Phật dùng câu trả lời chung mở rộng câu trả lời tách biệt trước đó. Nếu bỏ câu trả lời chung, thì làm cho ý của ba phạm vi rộng không thể biểu hiện, cho nên nói làm hại nghĩa. Từ “Hỏi sau v.v...” trở xuống là hỏi đáp làm tan nghi ngờ, có hai: Một là Lăn lượt, có hai: Thứ nhất nghi ngờ trước đó không phụng chỉ. Hai là trả lời im lặng trở thành cơ, có hai: Một là nói về im lặng. Trước đây khuyên khích trì danh chỉ làm cho tâm niệm, vì thế cho nên nhận ý chỉ nhưng là lặng lẽ sâu xa. Sau đó khuyên cúng dường, chắc chắn mượn vật bên ngoài để bày tỏ lòng dạ bên trong, vì thế cho nên cỏi chuỗi anh lạc mà làm pháp thí.

Từ “Lại dục v.v...” trở xuống là cùng nhau trở thành cơ. Trước chỉ bày ba nghiệp đã là biểu hiện cơ, phụng chỉ im lặng lại trở thành cảm ứng sâu xa. Nay chỉ là thiện đời trước tức là cơ sâu xa, phụng chỉ cỏi chuỗi anh lạc thì trở thành cảm ứng biểu hiện. Trước sau hiện rõ lẫn nhau, đều có bày tỏ sâu sắc. Hai là Lăn lượt, có hai: Một là Hỏi: Vì cơ khó ứng. Hai là Đáp: Lấy cơ biểu hiện ứng. Từ “Đầu tiên khuyên v.v...” trở xuống là dựa vào văn giải thích nghĩa, có hai: Một là Phân chia văn. Hai là từ “Trước xứng v.v...” trở xuống là giải thích nghĩa, có hai: Một là Khuyên cúng dường, có hai: Thứ nhất khen ngợi tốt đẹp, như trong

văn. Hai là từ “Xuất cúng v.v...” trở xuống là đưa ra ý. Nếu trong kinh Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm nói về mười bốn loại công đức vô úy, chính là để cứu bảy nạn, đi đến hai mong cầu tránh được ba độc v.v... là thí vô úy thì phẩm này đã ở tại phần sau của lần hỏi đáp thứ hai, nói về thí vô úy, tựa như sử dụng hiện thân nói pháp làm thí vô úy. Nếu căn cứ vào văn chép: “Ở trong tai nạn khẩn cấp sợ hãi kinh hoàng, thường giúp cho không sợ hãi”, cũng có thể chung đầy đủ lần hỏi đáp trước, vậy thì hai thân chân - ứng đều là năng thí, hai lợi ích thâm kín và hiển lộ đều được vô úy. Hai là phụng chỉ, có hai: Một xét định. Hai là từ “Văn kinh v.v...” trở xuống là giải thích có sáu: Một là vâng lệnh, có hai: Thứ nhất giải thích về cõi chuỗi anh lạc, có hai: Đầu tiên là sự giải thích, có hai: Trước hết là văn bình xét về các thứ báu. Hai là từ “Nếu y v.v...” trở xuống là giải thích về giá trị trăm - ngàn, có hai: Một là Hỏi: Kinh lấy sự việc anh lạc biểu thị cho hạnh anh lạc, công đức các Địa trang nghiêm Pháp thân, đã có đẳng cấp sai khác, cho nên dùng vật báu thế gian đắt rẻ để biểu hiện, nay Vô Tận Ý nhập vào địa vị đã cao mà anh lạc hợp sử dụng vật báu vô giá, há có thể chỉ trị giá mười muôn lượng vàng ư? Hai là Đáp: Nói là trăm ngàn ấy, sơ lược đưa ra số nhiều giống như nói trăm họ, há hạn chế chỉ một trăm hay sao? Muôn dân cũng như vậy, dựa theo địa vị giải thích về anh lạc chắc chắn là vô giá.

Từ “Nếu căn cứ v.v...” trở xuống là quán giải thích. Vốn nói là trăm ngàn, chính là lấy sự việc số đếm để biểu thị cho lý quán, há chuyên nhất dựa theo sự xác định số nhiều ít đó hay sao? Cổ là để trang nghiêm cho nên biểu thị Trung đạo, đây là tánh đức. Toàn tánh khởi tu, cho nên hạnh năng nghiêm đều không mê đắm. Hạnh này xứng với tánh như anh lạc ở nơi cổ mà nói là cõi ra, Bồ-tát tuy có tất cả công đức thượng cầu hạ hóa, chưa hẳn không cùng với thường xả ứng hợp lẫn nhau, muốn chỉ ra chúng sanh thường xả bỏ hạnh cho nên mới cõi chuỗi anh lạc mà giúp cho. Đại Tập nói vì trình bày lý hành anh lạc trang nghiêm. Một Địa trở thành muôn, rõ ràng đạt được nhất tâm, mười pháp giới trăm pháp - trăm pháp giới ngàn pháp - ngàn pháp giới muôn pháp, tánh của muôn pháp này vốn đầy đủ. Toàn tánh khởi tu chuyển sang gọi là muôn đức, tức là tam học - lục độ - Tam-muội, tổng trì - thần thông - trí tuệ, tứ đẳng - thứ nhiếp - tam niệm - bát giải thoát, thập lực vô úy - thập địa, thấy đều có thể phân chứng, muôn đức liền thành mười muôn, cho nên biết rằng nói về số không riêng gì sự. Từ “Pháp thí v.v...” trở xuống giải thích về pháp thí, có hai: Một là Xưa áp dụng nặng về pháp thí. Vì coi trọng Thánh pháp cho nên thực hành

tài thí, vậy thì tài pháp phân chia làm hai phái, lý há như vậy ư? Hai là nay trình bày như pháp thí. Pháp là ba đế thường đầy đủ lý tánh, nay Thể của tài chính là tánh, các pháp hưởng về tài là hưởng về hết mức, tài hãy còn không thể đạt được, làm sao sẽ có hưởng về và chẳng phải hưởng về. Cho nên tài và pháp không hai không khác. Ngoài tài không có pháp, ngoài pháp không có tài, há chỉ riêng tài như thế ư? Thí và thọ ấy đều Không - Giả - Trung không gì chẳng phải là pháp giới, như vậy mới gọi là dùng tâm pháp giới. Đối trước cảnh pháp giới khởi lên thí pháp giới. Từ “Đối với tài v.v...” trở xuống là dẫn kinh Tịnh Danh, chia một câu chuỗi anh lạc chia làm hai phần, một phần giúp cho người cầu xin thấp nhất, một phần dâng lên Nan Thắng Như-lai mà bạch rằng: Nếu tâm các thí chủ giúp cho một người cầu xin thấp nhất, giống như tướng phước điền của Như-lai, không hề phân biệt, chẳng khác gì Đại bi không cầu quả báo, vậy thì gọi là đầy đủ pháp thí. Sở ấy giải thích: Đây chính là quán xét ruộng sở thí nhập vào pháp giới bình đẳng, không có hai tướng trở thành Bi vô duyên, đầy đủ tất cả Phật pháp, không cầu báo của duyên tu, tức là tụ hội đầy đủ pháp thí. Văn trình bày như vậy thì các Sư làm sao có thể chỉ dựa theo nói pháp để nói về pháp thí được? Văn sở giải thích về kinh ấy thì Cư Sĩ quán xét đối với ruộng bi, pháp giới như Phật, nay Vô Tận Ý đối với ruộng tôn kính, đã xứng hợp pháp thí, chẳng lẽ không bằng với tất cả chúng sanh kia ư? Hai là từ “Không chịu v.v...” trở xuống là không nhận, có hai: Một là Sự giải thích. Hai là Quán giải thích. Không thọ nhận Tam-muội tức là Cứu cánh không, một tâm ba quán phá trừ không gì không cùng khắp. Vì chính là Không cho nên không thọ nhận đối với Có, vì chính là Giả cho nên không thọ nhận đối với Không, vì chính là Trung cho nên không thọ nhận đối với hai bên, soi chiếu Không - Giả cho nên không thọ nhận Trung đạo. Như vậy không thọ nhận ở trong một tâm, mới xa lìa lần lượt cho đến chỉ có Không. Vì nghĩa của năm loại không thọ nhận khai triển rộng khắp, nên phải lựa chọn để giải thích.

Từ “Lại bạch v.v...” trở xuống là tiếp tục vâng lệnh. Ba nghĩa giải thích về thương xót, trước hai là Tự hành - sau một là Lợi tha, đây hãy còn giải thích về Sự, vì Vô Đẳng ấy là lại dựa theo lý quán cầu Quán Âm thọ nhận, vì sao? Vì luận đầy đủ về không thọ nhận thì đối với các pháp chẳng có gì sót lại, cho nên hoàn toàn không thọ nhận tức là thọ nhận tất cả. Vì thế chép: Lấy sự không hề thọ nhận mà thọ nhận các sự thọ nhận. Bốn là Phật khuyến khích. Năm là thọ nhận vật thí. Bốn địa của Quán Âm chỉ có Phật mới biết, nay hiện rõ nhân của thân cần phải

cầu quả báo cao nhất, cho nên tuy thọ nhận vật thí mà trở lại dâng lên ruộng tôn kính. Dùng một xâu chuỗi anh lạc chia làm hai phần ấy là biểu thị cho một hạnh chắc chắn có đủ hai nhân, Lý là hánh nhân, Sự thì duyên liễu. Sự và lý không hai gọi là Diệu nhân, có thể thành tựu quả bất tư nghị của hai thân, Pháp không thêm bớt mà có thể vượt ra khỏi ràng buộc, tánh chính là tu cho nên Báo có đoạn - chứng, nhưng chẳng phải là công trở thành tu tức là tánh. Nếu điều đó như vậy mới gọi là nhân của sự lý hưởng về quả của Pháp - Báo. Bất luận Ứng thân ấy là nhân của người hưởng đến quả hợp lại biểu thị hai thân, nếu Pháp - Báo thành tựu thì Ứng do đó tự phát ra. Sáu là kết nói về đức. Văn sau là phần Trùng Tụng sư La Thập không phiên dịch, các sư đều nói là trong bản tiếng Phạn có. Ngài Kinh Khê nói: “Đây cũng không lường được ý sâu của sư La Thập. Tục Cao Tăng truyện chép: “Kệ là do Xà Na Quạt Đa dịch, lúc Trí Giả sinh ra thì kệ này chưa lưu hành, cho nên không giải thích”. Kinh Khê cũng ở trong Phụ Hạnh Ký, dẫn ra văn “Trở lại ở người trước”, cho nên biết có giải thích thì lý cũng không hại gì. Gần đây có pháp sư Thức chùa Thiên-trúc, phân tiết văn đó đối chiếu với Văn xuôi, hai loại hỏi đáp dường như phù hợp với nhau. Nay dựa theo sự xét định kia lược bớt kệ này.

Kệ có hai mươi sáu hàng chia làm ba:

1. Một hàng gồm cả tụng hai câu hỏi, có hai: Thứ nhất là một câu khen ngợi công đức Thế Tôn có đủ tướng chính là do sự trang nghiêm của muôn đức, vì thế nên khen ngợi tướng, tức là đức hạnh tốt lành. Kế là từ “nay con v.v...” trở xuống là ba câu gồm hai câu hỏi, có hai: Một là một câu bao gồm hai câu hỏi trên. Trong Văn xuôi câu hỏi trước được gọi là nhân duyên, câu hỏi kế là tướng du hóa của ba nghiệp. Nay đã Trùng Tụng lẽ nào thiếu câu hỏi sau ư? Do đó biết hai chữ “Hỏi kia v.v...” trong câu gồm có chứa đựng câu hỏi tiếp đó. Hai là từ “Phật tử v.v...” trở xuống là hai câu tách biệt tụng về câu hỏi đầu tiên, văn rất rõ rệt.

2. Từ “Đấng đầy đủ v.v...” trở xuống là hai mươi hai hàng hai tụng hai trả lời, có hai: Một là hai câu của người dịch kinh nói ra, lời của biên tập văn, hợp lại làm trực thuyết. Nay người làm kệ, hoặc người biên tập kinh nhân tiện ca tụng, hoặc là Quạt Đa dùng kệ phiên ra, nối liền hay phân tán không còn. Hai là từ “Ông nghe v.v...” trở xuống là chánh tụng Đức Phật trả lời, có hai: Một là một hàng rưỡi là tụng thêm phần chung khen ngợi nguyện hạnh. Hai chữ “Ông nghe” là sắc lệnh xem xét tỉ mỉ. Quán Âm hạnh ấy là một tâm ba trí quán xét chủng loại âm thanh

kia, khiến cho vô lượng khổ đau trong một lúc được giải thoát, tức là đã thành tựu hạnh lợi tha. Chân tâm không lay động thù hiện hình tướng khắp ba cõi, mới gọi là khéo ứng. Khắp nơi lập tức hưởng đến cho nên nói là các phương. Hai câu này khen ngợi chung hai thân Chân Ứng đã hạn định. Kế là luận chung về có thể thành tựu hạnh nguyện. Ban đầu nói về tâm bắt đầu mở rộng bốn hồng nguyện, kế là nêu ra từng hạnh trải qua đời kiếp khó lường, vì thế nguyện sâu sắc cho nên thời gian dài lâu không lui sụt, vì thời gian dài lâu cho nên gặp Phật được nhiều, theo Phật thực hiện công việc, mới gọi là hầu hạ Phật tu các hạnh của Phật, nơi một Phật đều phát nguyện thanh tịnh. Tâm sau nguyện khác nhau. Nếu không như thế thì sao đạt được chân trí khắp nơi dứt trừ khổ đau cho chúng sanh, sao có thể ứng thân rộng khắp cứu độ cho tất cả.

Từ câu “Ta nói lược ông nghe v.v...” trở xuống là tụng riêng về hai câu trả lời, có hai: Một là Tụng thứ nhất trả lời Quán Âm được tên gọi, có hai: Thứ nhất là một hàng tụng trả lời chung: Đưa ra những lời quan trọng, cho nên nói là “nói lược”. Nghe danh hiệu cho nên cơ miệng nghiệp xưng niệm, nhìn thấy thân cho nên cơ thân nghiệp lễ lạy, tâm niệm ngay thẳng là cơ của ý nghiệp. Trên đã trình bày ứng sâu xa, nay nói nhìn thấy thân thì hai ứng đầy đủ, cũng có thể nhìn thấy đối với thân của diệu trí, không thiếu ứng sâu xa. Văn xuôi trả lời chung cơ chỉ xưng danh hiệu, mà trong trả lời riêng cơ có đủ ba nghiệp, đến bây giờ Trùng Tụng chung trong ba nghiệp, tách biệt chỉ có tâm niệm, văn tươi sáng hiện rõ lẫn nhau, là sự khéo léo của tụng vậy. Hai là từ “Giả sử v.v...” trở xuống là tụng trả lời riêng, có hai: Một là mười hai hàng tụng về bảy nạn, có mười hai: Thứ nhất là một hàng tụng về nạn lửa thứ nhất, như trước sơ giải thích, tiếp xuống dưới các nạn đều có thể ví dụ biết được.

Hỏi: Trong Văn xuôi ở trên câu lia xa ba độc, thường niệm Quán Âm. Sơ chép: Thường niệm chính là Chánh niệm, thể đạt phiền não tức là thật tế, không có năng - không có sở. Nay kệ sao chép: Do niệm Quán Âm kia. Đây kia đã phân biệt đâu thể mất năng sở?

Đáp: Giáo của viên diệu không thích hợp với tình cầu, văn hình như trái nhau mà nghĩa quy về một lẽ tức là ở nơi không sai khác mà nói sai khác, lẽ nào có sai khác khác với không sai khác hay sao? Nay văn nói là kia, nghĩa thích hợp hai hướng. Nếu xét theo Phật nói, Quán Âm là kia, tức là thầy trò mà chia ra kia đây. Nếu ngay nơi chúng sanh, niệm Quán Âm kia thì đây chính là cảm ứng mà chia ra kia đây. Thầy trò cảm ứng diệu giáo giải thích điều đó, đều là pháp giới mỗi mỗi viên

dung với nhau, chúng sanh chính là cảm Phật kia trong tâm, chư Phật trở lại ứng chúng sanh kia trong tâm. Người thực hành của giáo này hoặc gặp phải khổ nạn, niệm Quán Âm kia, há nói là năng niệm khác với sở niệm hay sao? Vì biết đều là pháp giới, đạt được Quán Âm kia ngay nơi niệm mà có đủ, đã biết ngay nơi niệm có gì là năng sở? Do đó biết kia - đây tuy phân chia năng sở mà đều bất dứt. Vì thế cho nên kệ văn tuy chép: “Niệm kia”, mà hoàn toàn không trái với chánh niệm ở trên.

Hỏi: Cầu thoát khỏi khổ nạn, tâm niệm Quán Âm thì tất cả cơ duyên đều có thể cảm đến Thánh, nay giải thích “Niệm kia” sao chỉ dựa theo Viên giáo, há quả báo các cơ hoàn toàn không có thể cảm được ư?

Đáp: Lực vương Tam-muội cứu tất cả nạn, đều nói về mười thứ, bắt đầu lia xa ác báo, cuối cùng nhập vào Tịch Quang, cơ chúng sanh ở mười pháp giới ai không được lợi ích. Sở giải thích trả lời trước đây, nghĩa này đầy đủ rõ ràng, tụng mở bảy nạn mà làm thành mười hai, tất cả hợp lại vốn có nói về mười thứ cảm ứng, chỉ vì ý của Bộ đang ở tại đề hồ, vì thế cho nên Văn xuôi Phật nêu ra ý cơ, chỉ khiến cho thường niệm, thường niệm nhất định phải bất dứt đối với phá - lập. Nay nghe Trùng Tụng niệm Quán Âm kia, chắc chắn hợp với nghi ngờ rằng: Trước khiến cho bất dứt Sở - nay dạy niệm kia, há không trái nhau sao? Do đó cần phải dựa theo viên giáo giải thích phục nạn này. Kia - đây ngay nơi niệm thì năng sở lẽ nào tồn tại? Người học nên biết, Quán Âm ứng vật tuy không bỏ sót vật nào, mà nay tông phái nêu ra người chỉ ở tại diệu quán, vì thế cho nên sơ trước giải thích đối với ý cơ, hoàn toàn bỏ các phạm vi khác, thường giải thích theo Viên giáo, cho đến bây giờ Trùng Tụng “Niệm Quán Âm kia”, há có thể khác trước sao?

Từ chỗ hiểu nông cạn của mình nên trái với ý Đại Sư, khuyên người học bây giờ, hoặc nói hoặc làm đừng lia xa viên quán, một đầu khổ một vui sướng thường niệm Quán Âm, đã thành tựu diệu cơ thì viên ứng đầu sai, một ích lợi thật sự niệm niệm thường được hưởng. Hai là “Hoặc trôi dạt v.v...” trở xuống một hàng tụng về nạn nước thứ hai. Ba là từ “Hoặc tại v.v...” trở xuống một hàng tụng thêm tụng về rơi đỉnh Tu-di. Bốn là từ “Hoặc bị v.v...” trở xuống một hàng tụng thêm tụng về rơi xuống núi Kim Cương. Năm từ “Hoặc gặp v.v...” trở xuống một hàng vượt quá tụng là nạn cướp bóc. Sáu từ “Hoặc bị v.v...” trở xuống một hàng tụng là nạn đao trượng. Bảy từ “Hoặc tù v.v...” trở xuống là tụng về nạn u chấp. Tám từ “Chú số v.v...” trở xuống tụng thêm nạn nguyên rửa. “Trở lại nơi bốn nhân”: Tất cả bùa chú thuốc độc, mới sử

dụng phương pháp quái quỷ muốn làm hại đối với người, người trước tà niệm mới nhận chịu sự làm hại đó, nếu có thể chánh niệm thì trở lại vướng vào chính người đó. Như trong kinh Thí Dụ: “Có một Thanh tín sĩ ban đầu giữ gìn năm giới, thời gian sau già yếu phần nhiều có bỏ quên. Bấy giờ trong núi có Phạm Chí khát nước, từ trước đến nay xin đồ uống ở đó, nhà họ Điền công việc bận rộn không rảnh rang, thấy vậy thì oán hận mà đi. Phạm Chí có thể từ xác chết sai khiến được quỷ, mời được sát quỷ, bảo: Kẻ kia làm nhục ta đến giết chết. Trong núi có vị La-hán, biết sự việc nên hướng đến nhà họ Điền chép: Đêm nay ông thấp đèn sớm chăm chỉ vào ba Tự Quy, miệng tụng giữ kín miệng - thân đừng phạm đến kệ, từ niệm chúng sanh có thể được yên ổn. Chủ nhân như lời dạy bảo thông hiểu nên niệm Phật tụng giới. Quỷ đến biết rằng cầu điều đó thật là sâu xa, không thể nào làm hại được. Pháp thuật của quỷ thần mà người ra lệnh giết đó, cho dù muốn giết nhưng người kia có cái đức không thể giết chết, pháp thuật sẽ trở lại giết chết người sai khiến quỷ đó. Thế là quỷ đó tức giận muốn làm hại Phạm Chí. La-hán che lấp người kia làm cho quỷ không thấy, nhà họ Điền ngộ đạo mà Phạm Chí được cứu sống”. Phụ Hạnh dẫn việc này chép: “Chính là văn chép: “Trở lại nơi bốn nhân” trong kinh Quán Âm”. Chín từ “Hoặc gặp v.v...” trở xuống là trở lại tụng về nạn La-sát. Mười từ “Hoặc thú dữ v.v...” trở xuống tụng thêm nạn ác thú. Mười một từ “Nguyên xà v.v...” trở xuống tụng thêm nạn Xà Hạt (rắn - bò cạp). Mười hai là từ “Mây sấm v.v...” trở xuống tụng thêm nạn mây sấm. Đây đủ bảy nạn trước mà làm thành mười hai nạn, đều cần phải có dựa theo báo - nghiệp - phiền não của sáu đường, bốn giáo giải thích từng loại một. Nếu nói về nghĩa gì biểu thị thì không ngoài sáu chủng. Tu-di Kim Cương cũng là Địa chủng, Mây sấm thuộc Thủy chủng, Ngoan xà, nguyên rửa là hữu tình đều tiêu biểu cho Thức chủng. Trong nhân Bồ-tát đối với sáu loại này tu quán Biệt - Viên. Nay an trú bên trong như thật của sáu loại, cho nên khắp nơi pháp giới cứu các khổ nạn, đều khiến cho được an trú, ở trong nguồn gốc của sáu loại. Đây là Quán Âm chứng pháp tánh ác đối với ác được tự tại, mới có thể tùy ý vận dụng đi cứu các nạn ở khắp nơi. Lấy điều chủ yếu mà nói thì tất cả y - chánh đều là diệu thân - diệu tâm của Quán Âm, tất cả chúng sanh ở tại sắc - tâm của bậc Thánh mà tự làm thành nạn, cầu cứu ba nghiệp cũng chính là Quán Âm, vì thế cho nên cơ thành tự ngay lập tức mà ứng. Nên lấy nghĩa này quán xét trong từng niệm từng niệm, lo gì không giống như Quán Âm lợi ích cho vật?

Từ “Chúng sanh v.v...” trở xuống một hàng chung tụng về ba độ

- hai cầu. Tất cả chúng sanh phần nhiều đối với tham sân tà kiến bên trong giới, cho đến hoặc của ba độc bên ngoài giới, ngoài thì không có đối với báo được con trai, con gái, trong thì thiếu hụt đối với định tuệ con trai, con gái, dẫn đến nhận chịu tai ách khổ cùng của hai loại sanh tử, vì thế cho nên gọi là vô lượng khổ ép ngặt. Nếu như họ có thể lấy chánh - trợ làm cơ, thì cảm được lực diệu trí của chân thân, cứu giúp cho hai loại khổ của thế gian. Sở giải thích ba độc - hai cầu trong Văn xuôi, nghĩa bao gồm tất cả, đối chiếu với Trùng Tụng này lại không có gì bỏ sót. Từ “Đầy đủ v.v...” trở xuống là tụng kể là trả lời về Phổ Môn Thị Hiện, có hai: Một là Chánh tụng về Thị Hiện, có hai: Thứ nhất là một hàng tụng vượt lên phần trả lời chung. Trong Văn xuôi trước là tách biệt sau là chung, lấy chung kết luận riêng biệt. Nay tụng trước là chung sau là tách biệt, khai mở chung đưa ra riêng biệt, trước sau biểu hiện lẫn nhau vậy. Trong Văn xuôi trả lời chung: “Dùng đủ mọi thân hình đạo đi các cõi nước, độ thoát chúng sanh”. Nay tụng lại nói về lý do của năng ứng, căn cứ vào thần thông lực và trí phương tiện. Nếu không phải là cái dụng toàn thể của ngàn Như, thì không gọi là đầy đủ thần thông lực. Thông tuy có đủ tánh, lại do tu nhiều diệu trí phương tiện, soi chiếu tánh phát ra thông, đạt được Phổ Môn thị hiện tự tại, mười phương không ngoài - ba cõi chẳng phải khác, không xa lìa một tâm ứng hiện khắp nơi các cõi.

Từ “Các loài v.v...” trở xuống là trở lại tụng về trả lời riêng. Trong Văn xuôi trên đây tách biệt nêu ra các thân, thân đều là ba nghiệp. Nay tụng tách biệt chỉ ra ba nghiệp, nghiệp đều rộng khắp tất cả, là sự khéo léo của Trùng Tụng vậy. Văn có ba: Một là một hàng tách biệt tụng về thân nghiệp ứng rộng khắp. Hợp lại nói về mười pháp giới nhưng nêu ra ba đường, lấy dưới thấp so với trên cao. Còn các loại ác thú tất cả chỉ về chín giới, chín giới hướng về Phật đều gọi là ác. Kế là tách biệt nêu ra ba đường cực ác. Hai tử trong chín pháp giới đều có bốn tướng, dần dần làm cho trừ diệt quay về nơi thường tịch.

Từ “Chân quán v.v...” trở xuống là tụng về ý nghiệp quán xét rộng khắp có hai: Một là một hàng nói về bốn quán Từ bi có năm. Chữ quán đều đọc khứ thanh (thanh ba trong Hán cổ, thanh bốn trong Hán hiện đại), trình bày đầy đủ ba quán cho đến từ bi, chân quán Không, thanh tịnh quán Giả. Giả thuận theo Không đạt được không còn vấy nhiễm kiến tư, cho nên gọi là Thanh tịnh. Lại Không chỉ tự mình tịnh - Giả khiến cho người khác tịnh, cho nên gọi là thanh tịnh. Lại là bất tư nghị Giả đầy đủ ba quán lìa xa ba Hoặc nhiễm, cho nên gọi là thanh

tịnh, trong Quảng đại trí tuệ quán là quán trung. Hai ngăn che hai soi chiếu không thiên lệch không đối đãi tức là Bình đẳng đại tuệ. Ba quán này là Tu-lần lượt, hoặc tu không thứ tự, không quán nào không đều lấy từ bi hợp lại vận dụng. Mà Từ bi đó đều gọi là Quán ấy, ý đó có hai: 1. Từ bi là quán giống như bốn vô lượng tâm, gọi là bốn loại thiền, thiền chính là quán. Quán Âm chính là dùng Vô duyên Từ bi, quán sát chúng sanh gọi là Từ bi quán. 2. Pháp của Từ bi chắc chắn sử dụng ba quán, vì ba quán có thể thành tựu nhiều hạnh, sử dụng ba quán dứt trừ đau khổ cho nên gọi là Bi quán, sử dụng ba quán mang lại niềm vui cho nên gọi là Từ quán. Vì thế văn trên chép: “Tức thời quán âm thanh đó, đều được giải thoát;” há chẳng phải Bi tâm sử dụng ở lại ba quán. Tuy có hai cách giải thích nhưng Thế là một. Bồ-tát từ ban đầu cho đến gần cực điểm (lân cực), ba quán Từ bi không hẳn lìa xa niệm, cho nên khiến chúng sanh thường xuyên nguyện tu như vậy thường kính mến quán này. Sơ giải thích về hai ứng sâu kín và hiển lộ trong Văn xuôi, trong nhân hợp lại có Bốn quán Từ bi; sau dịch Trùng Tụng quả nhiên văn đó, tin là Trí Giả nói sâu xa phù hợp với ý Phật.

Từ “Sáng thanh tịnh không như v.v...” trở xuống một hàng là nói về trí quang biến chiếu. Ba quán Từ bi trong nhân lập thế, trí quang biến chiếu trên quả lợi ích vật xét rõ cơ. Ánh sáng thanh tịnh không nhiễm bản soi chiếu tận cùng chánh tánh xem xét ngọn nguồn đó, nếu họ không phá trừ các bóng tối của ba hoặc, thì gió - lửa của hai tử sao có thể lợi ích rộng khắp? Cơ của hai thế gian hỏa tai đến Sơ thiên, dụ cho Đồng Cư sanh tử; phong tai đến Tam thiên, dụ cho Thật Báo sanh tử. Nêu ra hai mà không nói về Thủy tai ấy, trong đó có thể ví dụ biết.

Từ “Bi thể v.v...” “trở xuống một hàng tụng về miệng nghiệp tuyên thuyết rộng khắp, có hai: Một là hai câu tụng về hai luân Hóa - Bốn. Tuyên thuyết tuy ở tại miệng, nhưng cần phải mượn thân ý để trao quyền pháp bốn. Câu thứ nhất là pháp hiện hình, vốn có kỳ hạn cứu khổ, cho nên thân nói pháp gọi là Từ Bi thể. Thân này trước sử dụng giới đức cảnh tỉnh người, như trời rung chuyển sấm chớp thì vật không có gì không dẹp yên. Câu kế là Bồ-tát dùng Từ mà làm tâm ý, vô duyên mà che chở đó là diệt, vật không có gì không che chở, ví như vầng mây lớn, hai luân đã thực hiện như vậy có thể trao truyền pháp. Từ “Rưới mưa v.v...” trở xuống hai câu chánh tụng về miệng luân nói pháp. Cam lộ: Trí giả chép: “Thần được không chết của chư Thiên”. Chí lý đã nói ra hiểu rằng chắc chắn vô sanh, nếu không phải là vô sanh làm sao có thể không chết, bốn tánh thường pháp chẳng nói sao biết được? Ở trong

vằng mây hiền từ tưới xuống cơn mưa đại pháp, chúng sanh thọ nhận thì ngọn lửa ba hoặc dập tắt. Dùng ba phạm vi rộng lớn làm cửa nhập vào Đạo, cho nên thích hợp với nghĩa tách biệt tụng về Phổ Môn. Hai là từ “Tranh tụng v.v...” trở xuống tụng thêm về cơ hiển bày. Trong Văn xuôi Ứng hiển bày để che phủ cơ sâu xa. Số dùng hiển thị anh lạc làm nổi bật nghĩa về cơ hiển bày. Nay gặp Trùng Tụng về cơ hiển bày, càng thấy Thiên Thai sâu xa hợp với Thánh chỉ. Sự việc quan hệ với tòa án cãi kiện thì thân đứng trước chiến trận, tâm lo buồn hình phạt mạng sống nghĩa về chiến tranh tàn phá. Nay và xưa kia bị oán thù lúc này càng hội tụ. Nhất tâm đến mức cảm ứng thì các nạn đều tiêu trừ, cũng có thể ví dụ trước đây số giải thích bảy nạn, chung cho ba chương, tức là nghĩa về tranh tụng v.v... bao gồm các cõi cho đến ba thừa, suy nghĩ đều đó có thể thấy.

Từ “Diệu Âm v.v...” trở xuống ba hàng tụng về hai lần khuyến khích, có hai: Một là Tụng về khuyến khích thọ trì, có hai: Thứ nhất là một hàng nói về trí cảnh thâm diệu, để khuyến khích thường niệm. Trong ba câu có năm chữ Âm, đều là ngôn từ âm thanh xứng niệm xứng đọc của chúng sanh, vì căn cứ vào diệu trí quán của Bồ-tát, cho nên điều trở thành diệu cảnh, ba trí soi chiếu cho nên âm thanh trở thành ba cảnh. Cùng ngăn che Không - Hữu tức là thành Diệu Âm, cùng soi chiếu Không - Hữu tức là thành Thế Âm, Thế chính là hai thế gian, không khác mà khác, hai chữ Âm này là trí cảnh Trung Phạm là bốn loại Từ Bi Hỷ Xả - là bốn quán soi chiếu, tức là thành Tục đế cho nên gọi là Phạm Âm. Xứng với tục soi chiếu cơ hoặc là thành thực hoặc là thoát ra, thời gian không sai khác gọi là Hải Triều Âm. Hai chữ Âm này là trí cảnh Giả. Trí cứu cánh Không vượt ra khỏi tình của chín pháp giới, soi chiếu âm thanh chúng sanh vượt lên trên hai tướng của hai thế gian, vì thế cho nên gọi là Thắng thế Gian Âm, một chữ Âm này là trí cảnh Không. Nói tuy là thứ tự mà quán ở tại một tâm, ngoài trí không có âm, ngoài âm không có trí, cảnh trí sâu xa như nhau suy xét lập tức quên. “Cho nên thường phải niệm”: Chính là khuyên trì niệm. Loại âm thanh này tuy là phát ra từ miệng nghiệp của chúng sanh, mà ba trí của Đại Thánh soi chiếu trở thành ba đế, chính là ba thân cho nên khuyến khích người thực hành niệm ba thân này. Nói là thường niệm ấy như Số giải thích chép: “Chính là chánh niệm chẳng phá chẳng lập, không có năng có sở, ba đế đều soi chiếu- ba quán đều đã mất, không thứ tự không thiện lệch gọi là Thường - gọi là Chánh, nếu điều đó như thế thì gọi là diệu cơ”.

Từ “Niệm niệm v.v...” trở xuống một hàng nói về cảm ứng khó lường. Vì khuyên đừng nghi ngờ, ở trên trước là nêu ra cảnh trí, kế là khuyến khích thường niệm. Nay đầu tiên khuyên nhủ đừng nghi ngờ, kế là bày ra cảm ứng như trái phải biểu hiện lẫn nhau mà thôi. Nói là niệm niệm tức là niệm gắn liền nối tiếp nhau. Niệm tức là trí cảnh thâm diệu của Quán Âm, tuy đạt được thường trụ mà chưa tránh khỏi di chuyển đổi dời, ngay sự chuyển dời chiếu soi cảnh trí thường, vậy thì niệm niệm không lìa xa Quán Âm. Như bài kệ Thị Chúng của Đại Sư chép: “Thật tâm gắn liền với thật cảnh, thật duyên thứ tự phát sanh, thật - thật thay nhau rót vào, tự nhiên nhập vào thật lý. “Nói là thật duyên ấy tức là sát-na niệm. Thứ tự mà phát khởi, mỗi mỗi đều là duyên của thật quán. Niệm gắn liền như vậy chỉ cần thận sanh ra nghi ngờ, nghi ngờ nếu sanh ra thì lý cảnh này ngăn cách, cho nên nói về Thánh đức để khuyên nhủ dứt sự nghi ngờ. Cho dù Tu-lâu mà không thành thì cầu mong chưa ứng, cần phải biết rằng Tịnh Thánh giúp đỡ sâu kín không lường đối, ở trong hai tử, như cha như mẹ có thể nương tựa có thể cậy nhờ, niệm niệm duy trì gìn giữ cảm ứng chắc chắn rõ ràng. Nhưng nghi ngờ có ba loại, đó gọi là nghi người - nghi pháp - nghi mình. Nay chỉ đưa ra người thì hai nghi đó có thể dứt trừ, khiến như cho thường niệm lại cảnh cáo sanh nghi ngờ, nghi ngờ không còn thì niệm thành tựu, khuyến khích gìn giữ thì ý đầy đủ.

Từ “Đầy đủ v.v...” trở xuống một hàng tụng về khuyên cúng dường. Đầu tiên nêu ra công đức mới khuyến khích đánh lễ. Câu đầu nêu chung tất cả công đức, hai câu kế là riêng làm sáng tỏ ánh mắt hiền từ cho đến phước đức tụ hội. Từ là nguồn gốc của thiện - phước thu nhận muôn hạnh, kết thúc chỉ ra Phổ môn khuyến khích tu pháp cúng dường. Lễ đã thuộc về thân mà thân chắc chắn có miệng, chẳng phải ý không thể thực hành, đánh lễ đã trở thành ba nghiệp cúng dường.

3. Từ “Trì Địa nói v.v...” trở xuống là khen ngợi công đức nghe phẩm này, có hai: Một là Trì Địa khen ngợi công đức, có hai: Thứ nhất giải thích về nghe hai lợi ích nói trên. Kinh nói Trì Địa ấy, trong kinh Bảo Vân chép: “Bồ-tát có mười pháp, tên là Tam-muội Trì Địa, như mặt đất thế gian: 1. Rộng lớn. 2. Chúng sanh dựa vào. 3. Không tốt xấu. 4. Nhận mưa lớn. 5. Sinh ra cỏ cây. 6. Nơi hạt giống nương tựa. 7. sinh ra vật báu. 8. Mọc lên nhiều cây thuốc. 9. Gió không lay động. 10. Sứ tử gằm cũng không thể kinh hãi. Bồ-tát cũng giống như vậy, trải qua mỗi pháp đều phù hợp. “Diệu Lạc dẫn kinh đó giải thích về Trì Địa này, kết luận chép”: Dùng tám giáo phân định mới thích ứng với kinh này.

Hai là từ “Trong chúng đây v.v...” trở xuống giải thích về nghiệp tự tại. Nghiệp có nhiều thứ, đại khái nói về ba loại: 1. Nghiệp hữu lậu, vì kiến tư làm cho tốt tươi nhận chịu sanh ra ở cõi Phần đoạn; 2. Nghiệp vô lậu; 3. Nghiệp chẳng lậu chẳng vô lậu, cùng là vô minh làm cho tốt tươi, nhận chịu sanh ở cõi Biến dịch. Đây là nói theo tự hành thọ sanh để nói. Nếu là lợi tha thì đều lấy Từ bi tưới nhuần các nghiệp kia, thọ sanh với người khác. Bồ-tát bên ba tạng lấy chúng sanh duyên từ tưới nhuần nghiệp hữu lậu, sinh ra nghiệp Đồng cư. Bồ-tát bên Thông giáo lấy pháp duyên thông từ tưới nhuần thói quen nghiệp hữu lậu, ở cõi Đồng cư thân thông mà thọ sanh. Bồ-tát Pháp thân dùng vô duyên từ tưới nhuần nghiệp bất tư nghị, thuận theo sanh về ba cõi. Nay Quán Thế Âm là bậc Đẳng giác dùng từ bi vô duyên từ bi, tưới nhuần cho nghiệp của Trung đạo tự tại, cho nên nói Trung thuộc về đạo đế. Ứng hiện mười pháp giới cảm đến mười phương, Tịnh độ - Uế độ - Phương tiện - Thật báo giống như chủng loại cơ kia, hiện thân nói pháp, cho nên nói đối với hai đế được tự tại, tức là “Phổ Môn thị thiện thần thông lực” vậy. Người nghe có thể đạt được quán hành chân hành thật giống như công đức mâu nhiệm, cho nên nói không ít. Từ “Vô đẳng v.v...” trở xuống là nghe phẩm này được lợi ích, có hai: Một là dựa theo bốn tất-đàn giải thích về Vô đẳng đẳng. Sơ có bốn tiết, kết luận chép: bốn tất-đàn dùng để nói về phát tâm. Đầu tiên giải thích, có bốn: Một. Thế giới. Nhị thừa có hướng lên trên là pháp có thể bằng nhau. Phật trí vô thượng là pháp không có bằng nhau. Sơ phát đại tâm giống như vô đẳng, ngay trong vô đẳng mà nói đối với đẳng, chỉ là bằng đối với Phật trí, Thế của Đại - Tiểu khác nhau gọi là thế giới vậy. Hai “Lại xét theo tâm v.v...” trở xuống là vì người. Chính là lấy nhân số dùng để biểu thị pháp môn, từng sát-na chẳng có sát-na nào không đầy đủ tám muôn bốn ngàn pháp tịnh - uế, mỗi một pháp này chẳng có pháp nào không phải thật tướng. Nếu duyên các pháp dấy niệm mà tu trần kiếp không giống nhau. Tám muôn trong tánh, nếu chính là Thật tướng vô duyên phát tâm, sát-na có thể bằng tám muôn bốn ngàn pháp rốt ráo. Phát tâm Thật tướng, là sanra lý thiện, tức là con người. Ba là từ “Cũng là v.v...” trở xuống là đối trị. Tám muôn bốn ngàn pháp trước sau không thay đổi, mê tức là trần lao - ngộ chính là bờ kia. Nói Ba-la-mật ngược lại trần lao kia, tức là đối trị vậy. Bốn là từ “Cho nên kinh v.v...” trở xuống là đệ nhất nghĩa. Tâm trước khó ấy là ban đầu phá bỏ vô minh thật sự là việc khó khăn, Đại Kinh vốn khen ngợi, chính là ở tại Phần Chân. Vì thế cho nên đánh lễ sơ phát tâm, chính là phát tâm trú. Địa vị này có thể đầy đủ công đức

chân ứng của bốn mươi một địa vị. Tâm này vượt lên hơn hẳn đã không thể bằng nhau, không thể bằng nhau này chẳng khác gì Diệu Giác, đã là chân phát tức là Đệ nhất nghĩa.

Từ “Đây tức là v.v...” trở xuống kết luận bốn Tất-đàn giải thích ở trên. Một và bốn là quả đẳng, hai và ba lý quả như nhau. Lý không hai lẽ nào có đẳng cấp khác nhau? Nhưng dựa theo các văn, ba tuệ - bốn tất-đàn phần nhiều ngay nơi tại vị mà phân rõ, cho nên cần phải giải thích thành bốn, không khác mà khác, dựa theo địa vị mà trình bày. Năm phẩm Văn - Tuệ là vượt quá nhị thừa, quán không hai thành tựu thì phạm tâm giống như Phật, Tiểu quả có phía trên - Đại quả không có ngang bằng, Tiểu - Đại sai khác cho nên làm thế giới. Sơ Tín đến địa thứ bảy thích hợp Tư - Tuệ, trước tiên đã trừ diệt thô cấu phát sinh hiểu rõ, dường như Thật tướng, soi chiếu tám muôn pháp môn với tánh đức đã sanh khởi lý thiện cho nên thuộc về vì người. Tín thứ tám đến địa vị tứ mười thích hợp Tu - Tuệ, trần sa trong ngoài không trừ diệt mà tự bỏ đi, có thể dùng tám muôn công đức trong tánh, đối chiếu phá bỏ tu đối nghịch với tám muôn trần lao, ác của tự - tha phá trừ cho nên thuộc về đối trị. Sơ phát tâm trú nơi ba tuệ thành tựu công đức, ba tánh thoát khỏi trọn vẹn. Bốn mươi hai địa vị có đủ lẫn nhau tuy ngang bằng, mà so sánh về khó dễ đó mới nhập vào công phu sâu sắc, địa vị này mới đạt được, chân tâm khai phát gọi là Đệ nhất nghĩa. Từ “Phát tâm v.v...” trở xuống dựa theo ba tức biểu hiện chân phát. Danh tự phát: Đối với tên gọi năng thuyên, bỗng nhiên rộng mở khai phát hai loại tâm Bồ-đề nguyện hạnh, đối với cảnh trái - thuận tâm này càng mạnh mẽ, hoàn toàn điều phục ba hoặc gọi là quán hành thành tựu. Nếu Danh Tự Tức cho dù có thể siêng năng tu tám pháp thành Thừa, mà vì chưa khai ngộ nên không gọi là phát. Nay phát khởi quán hành xưng là Danh Tự ấy, vì năm phẩm này chẳng phải chân thật chẳng phải tương tự, nhưng là tin hiểu danh tự diệu của thuyên, đối với Diệu ba để quyết định không nghi ngờ đình trệ, có thể điều phục vô minh không bị cảnh lay động, vì thế cho nên xưng là Danh Tự Phát. Tướng Tự Phát: Dựa vào quán cộng thêm công phu, cho nên ba Bồ-đề gấp bội so với khai phát trước đây, tựa như đối với bốn tánh sáu căn sử dụng lẫn nhau, gần giống như Phần Chân, như ví với vàng hã còn lửa ấm trước kia, cho nên gọi là Tương Tự Phát Bồ-đề tâm. Chân Tâm Phát, một phát, tất cả phát, phát tất cả phương tiện, phát tất cả quán chiếu, phát tất cả chân tánh. Ba Bồ-đề này viên dung thông đạt không trước không sau cũng không cùng lúc, phần chứng ba đức phần đồng quả Phật, cho nên Hoa Nghiêm chép:

“Lúc mới phát tâm thì thành Chánh Giác, vốn có tuệ thân không do người khác ngộ, Pháp thân thanh tịnh mầu nhiệm sâu xa như vậy ứng với tất cả. Ban đầu từ sơ Trú cuối cùng đến Đẳng Giác, đều có Phát địa vị này. Địa vị càng sâu sắc hiển bày tướng của hai Phát trước kia cho nên đến. “Văn kinh kết luận ích lợi chính là ở Chân Phát.

GIẢI THÍCH TRÙNG TỤNG

Sa-môn Tuân Thức chùa Thiên-trúc đời Tống soạn

Thứ hai là trùng tụng, là sau khi Trí Giả viên tịch vòng thời Dạng Đế niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy, ngài Cấp đa đã dịch, mới đưa vào đại bộ, cho nên Sơ thiếu phần giải thích này. Linh Cảm truyện Thiên Nhân nói Nam Sơn: “Sư la thập là Bồ-tát Bát địa, dịch Pháp Hoa thiếu Trùng Tụng về Quán Âm. “Đã trải qua báo ứng sâu xa, tin có văn này. Nay dựa vào hai lần hỏi đáp phía trên, thuận theo văn sơ lược giải thích cố nhiên khó hết lý. Người giải thích chỉ làm cho không sai với văn trên, nội dung chính của con đường lớn đâu cần phải mở rộng khác nhau. Tụng này hai mươi sáu hàng chia làm hai: Một hàng kệ đầu gồm hai câu hỏi hai chương. Kế là hai mươi lăm hàng Kệ trả lời về hai câu hỏi. Trong câu hỏi đầu, một câu khen ngợi công đức, ba câu chánh hỏi. Trong một câu Danh và Thể hợp lại, khen ngợi danh hiệu Thế Tôn vậy. Sở dĩ sơ lược nêu ra tôn hiệu, thì biết chín tôn hiệu phía trên hoàn toàn là tôn quý trong ba đời cần phải khen ngợi, có đủ tướng chất vậy. Tướng diệu mà “đầy đủ diệu” là từ ngợi ca, đầy đủ nghĩa là ba mươi hai tướng đầy đủ tất cả. Lại có thể Diệu tức là hảo, dùng tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm tướng đó, khiến cho diệu hảo. Lại nữa, danh hiệu thật sự cùng khen ngợi Pháp thân, danh hiệu là danh hiệu mâu nhiệm - tướng là tướng mâu nhiệm. Văn trên chép: “Đầy đủ ba mươi hai tướng lấy tám mươi vẻ đẹp dùng để trang nghiêm Pháp thân,” chính là ý này. Đầy đủ tướng tốt này tức là có đủ hai trang nghiêm có thể trả lời câu hỏi của mình, cho nên nêu ra mà khen ngợi. Trong phần chánh hỏi câu thứ nhất bao gồm hai câu hỏi. Văn chép: Hỏi lại, tức là hỏi lại sự việc của hai đoạn trước, người nào nói là không phải như vậy?

Kế là hai câu câu riêng biệt hỏi về Quán Âm, mong muốn Phật trả lời trước. Chương đầu thì gần kể lại biểu lộ rá ngoài, cũng có thể ba câu gộp lại hỏi về chương đầu, tự dẫn đến trả lời sau, đã có chân thân lợi ích thâm kín, há không ứng hiện hình tượng biểu hiện đi đến hay sao? Vì vậy có lẽ trong giải thích cùng thừa nhận hai loại, nghĩa là “Nghe tên và thấy thân”. Thứ hai trong trả lời chia làm ba ý: Hai hàng kệ đầu trả lời chung về hai chương; mười chín kệ kế là trả lời riêng về hai chương; bốn kệ sau là khuyên trì danh - cúng dường. Trong phần trả lời chung một hàng kệ đầu chính là trả lời, một hàng kế là dựa vào bốn quán từ bi. “Ông nghe hạnh Quán Âm” là trả lời chung chương trước. Quán Âm ngay nơi cảnh trí nhân duyên mà được tên gọi. “Khéo ứng

các chỗ nơi” là trả lời chung về “Phổ Môn thị hiện” ở đoạn sau. Cùng sử dụng ý chung trên, để hiểu rõ. Kế là một hàng kệ trở lại tìm bốn quán Từ thế, biểu hiện mười thứ lợi ích của trí - đoạn này. Vốn dựa vào vô lượng, tứ đế vô tác bốn đế của Biệt - Viên giáo, khởi lên hạnh nguyện. Do cảnh thế nguyện sâu rộng, nên thế rộng sâu như biển, hồng tức là rộng. “Trải qua đời kiếp” là nói lên thời gian, trong mỗi mỗi kiếp lâu xa, “hầu hạ nhiều ngàn ức”, biểu hiện gặp lại nhiều.

Nơi mỗi một chỗ Phật lại phát nguyện khác nhau, như bốn mươi tám nguyện v.v... Mỗi nguyện chứa đựng pháp giới cho nên lại nói là Đại. “Trải qua đời kiếp” dựa theo thời gian (thụ) “hầu hạ nhiều” dựa theo không gian (hoành). Trong mỗi thời gian có không gian, trong mỗi mỗi không gian có thời gian đã trải qua, nói rộng ra v.v... Lấy bốn thế trong toàn bộ chỗ này, trải qua xuống dưới trả lời riêng mỗi nạn, cho đến sau Phổ Môn thực hiện rộng rãi có thể biết. Thứ hai là trả lời riêng lại có hai: Một hàng kệ đầu là cùng đồng ý nói về hai chương, “Nghe tên” là đồng ý trả lời chương trước, “Thấy thân” là cùng ý trả lời chương sau, hướng về khuyên nhủ lắng nghe nay đồng ý nói. Nói là “Lược nói” ấy tức là trả lời riêng. Tổng quát trả lời chứa đựng nhiều, tức là văn sơ lược mà ý rộng. Trả lời riêng nêu ra đầy đủ, tạm thời dựa vào giới hạn quả báo trong cõi người mà nói về bảy nạn. Phổ Môn tạm thời dựa theo ba mươi ba loại thân, tức là văn rộng mà ý sơ lược. Nay chọn lấy ý sơ lược tin là có khả năng trả lời riêng.

Nghe tên là nghe tên gọi về cảnh trí của Quán Thế Âm. Văn trước dựa theo bốn loại Nghe giải thích thành ba Tuệ, nghĩa và quán song toàn có thể hiểu. “Thấy thân” tức là Phổ Môn thị hiện, hiển ứng với ba nghiệp. “Tâm niệm chẳng lường qua là nói về hai đoạn ứng hiện lợi ích. Tâm niệm thuộc về ý, không nói đến thân - miệng là bảy giờ thuận theo hai cơ thâm kín và hiển bày gồm nhiếp. Hai chương nói thuận tiện, vì sao? Vì chương đầu cơ hiển bày, hoặc là thân - hoặc là miệng đều cần phải có cơ sở của ý, ý thường gồm nhiếp toàn bộ. Vì thế ở trên giải thích về Trì Danh nói “Miệng là tụng trì - tâm là theo trì, bảo vệ lý không mất”. Tuy chẳng phải miệng trì giác quán mà là miệng hành, tất cả thuộc về cơ khẩu nghiệp. Ví dụ như tiểu bốn Di Đà chép: “Chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn”, cũng không trở ngại miệng cơ. Văn sau đều nói “Sức niệm Quán Âm kia”, ví dụ giống như giải thích này. Đoạn sau là cơ thâm kín dựa theo tâm làm thuận tiện, có thể hiểu. “Chẳng lường qua” là dù cho xưng danh đều không có biểu hiện ứng nghiệm, mà lợi ích thâm kín không uổng phí. Thứ hai có mười

tám hàng kệ trả lời chính lại có hai: Mười ba hàng đầu tụng về chương trước, năm hàng kệ tụng kế nói về chương sau. Phần đầu lại có hai: mười hai kệ đầu nói về cơ ứng miệng nghiệp, kế là một hàng lược tụng về cơ ứng hai thứ thân - ý.

Văn trước nêu bảy nạn biểu thị cho sáu đại chủng. Mà nói giả sử khiến cho, là phần nhiều nêu ra các nạn cũng biểu hiện chỗ này. Nay kệ thêm vào đẩy rơi xuống, hai núi - thú dữ - rắn rít bò cạp, bốn loại này đều thuộc về Thức chủng thuộc. Độc dục từ người và côn trùng quá quý là thuộc về Thức chủng. Thế thuận theo Trần là thuộc về Địa chủng, mưa đá là thuộc về Thủy chủng. Lại cùng nạn quý La-sát. Thêm vào sáu thành mười hai nạn. Đầu tiên một hàng kệ là nạn lửa, văn trên ví dụ làm thành ba khoa giải thích, thuận theo văn Sự chứng quán giải, ở trong quán đầu tiên mở rộng dựa theo mười thứ, gặp khổ xưng danh thành cơ dẫn đến cảm. Kế là dựa vào hai loại Biệt - Viên vốn trú trong pháp môn và Từ Bi thế nguyện, biểu hiện mười pháp giới lợi ích đầy đủ ở trước. Nay chỉ sơ lược thực hiện một cách giải thích thuận theo văn, còn lại có thể theo đúng như như trên, không thuật lại nữa. Người giảng thuận theo nêu ra đầy đủ ý đó, làm cho nghĩa, quán không che lấp có lợi ích cho người sau này.

Nói “Hầm lửa lớn” ấy ở trên thẳng thắn nói là Đại hỏa. Ở đây thêm vào dùng “hầm”, lớn mà lại sâu, ý biểu thị Thánh lực - lửa bất luận nông cạn bé nhỏ, đều có thể trở thành nạn, hưởng chi hầm lớn ư? Giả sử nạn lửa từ địa ngục đến Sơ thiên, ngọn lửa đỏ đầy trong hầm lớn như vậy, Bồ-tát cũng có thể hoặc thổi tắt, hoặc dùng miệng hút, hoặc dùng tay che khiến cho không thiêu đốt nơi ấy, hoặc làm thành hồ mát lành. Một hàng kệ tiếp là nạn nước, tức ở văn trên nói được chỗ cạn, có thể tránh khỏi nạn. Nếu thêm vào rồng quý thì chỗ cạn cũng đáng sợ, gặp duyên chết phần nhiều sâu nặng, so với văn trên lại càng làm sáng tỏ sự ứng hiện của bậc Thánh như vậy.

Kế là một kệ là nạn rơi từ đỉnh Tu-di. “Như mặt trời ở hư không” biểu thị Thánh lực khó nghĩ suy, nhưng chỉ là giả thiết, người nào có thể đến mà lại bị đẩy xuống như vậy? Nếu có việc này thì bậc Thánh không gì không bảo vệ. Đỉnh sanh Nhân Vương có thể lên đến Diêu Cao, vì tham lam đế vị trở lại giáng xuống nhân gian, nếu có thể xưng danh chắc chắn có lý tránh khỏi. Bốn. một kệ về nạn rơi xuống núi Kim Cương. Năm. một kệ về nạn cướp bóc. Sáu. một kệ về nạn vương pháp. Bảy. một kệ về nạn công xiềng. Tám. một kệ về nạn thuốc độc. Đại từ yêu thương như nhau, theo lý lẽ đều trừ bỏ, mà trở lại vướng vào người

ban đầu ấy là, bị làm hại xưng danh hiệu thì cơ thành tự cần phải cứu giúp, kẻ chủ động làm hại không có cơ nên ác tâm tự gánh chịu, chẳng phải bậc Thánh khiến cho như thế. Còn thuốc độc, có quý, cần phải được người sai phái, nếu không giết hại người khác thì nhất định phải tự làm hại.

Hỏi: Nếu ác tâm tự gánh chịu thì cướp bóc, vì sao chỉ làm cho khởi lên từ? Đáp: Giặc làm hại sự việc hiển rõ, chỉ khiến cho khởi lên. Từ tâm tức làm nổi bật Thánh lực, âm mưu thuốc độc trở lại làm hại mới linh nghiệm. Nhưng giặc cũng có tự làm hại, như lão Tăng ở Đông Lâm bị giặc chém chặt, giặc trở lại dùng gươm tự đâm vào tim ra sau lưng, bè đảng chạy trốn tan tác. Còn thuốc độc không hẳn ví dụ đều trở lại vướng mắc người hại, có chia ra hai loại chiết phục và gồm nhiếp để giải thích. Nếu cả hai đều có cơ thì có thể đúng, nếu người chủ động làm hại không có hai cơ sâu xa và hiển rõ thì chiết phục cũng ủng công giúp. Chín, một hàng nói nạn quý La-sát. Nhưng bao gồm rỗng độc, trước có rỗng biển và quý. Ở đây nói lại điều ấy, rỗng và quý có cả trên đất lẫn dưới nước, trước chỉ có ở dưới nước. Văn trên bốn loại như long v.v... Mười. một hàng kê về nạn ác thú. Mười một là một hàng tụng về rắn rít bò cạp. Mười hai là một hàng tụng về mưa đá. Muốn ích lợi cho người quán hành, nên khéo dựa vào nghiệp ác phiền não, làm thành pháp môn về các loại như rắn rít hổ báo v.v... để giải thích khiến cho thuận theo đạo lý.

Nếu theo Thỉnh Quán Thế Âm Sở, tức làm ra ba nghĩa nói về lực dụng tiêu trừ nhiếp phục, đó là dựa theo Sự - dựa theo Hành - dựa theo Lý, đối chiếu quả báo phiền não và pháp môn đã an trú trong này để thông hiểu điều đó, cũng tùy theo có thể hiểu rõ. Cơ ứng về miệng nghiệp đã xong. Thứ hai là một bài kệ tụng chung về thân ý. Hai loại cơ ứng, ba độc tràn đầy dữ dội nên tâm không thể tự tại, gọi đó là “khốn ách”. Bốn loài cùng ở, đều nói về khổ. Chim bồ câu nói dâm là khổ nhất, rắn rít nói sân là khổ nhất v.v... Người nữ không có con thì đau khổ như trên đã nói, hoặc chia ra hai câu đối với ý - đối với thân, làm nên tường tận có thể hiểu rõ. Nếu thực hiện quán giải thì mười thứ bị ba độc làm khốn đốn, và dựa theo pháp giới bên ngoài làm thành pháp môn thuận nghịch thuận theo giải thích, thì nên sử dụng ý văn trên để hiểu rõ nghĩa ba độc. Thân nghiệp không có cái vì không tu nhân con trai, con gái, cho đến không có Viên đốn con trai, con gái, tìm văn trên để hiểu rõ. Nếu tâm niệm thân thể cả hai nghiệp trở thành cơ, dứt trừ gốc rễ ba độc đầy đủ hai trang nghiêm, dứt trừ hẳn khổ đau của ba cõi

thế gian mười pháp giới. Vì thế nói “sức diệu trí Quán Âm - cứu được khổ thế gian”, cũng thuận theo tiếp tục nói về Biệt - Viên bốn quán, Từ bi v.v... Năm hàng kệ kể trả lời riêng về Phổ Môn thị hiện. Trong này văn hạn hẹp, so với văn riêng ở trên thì đây vẫn thành chung, lại chia làm ba: Một là hai kệ tụng về thị hiện rộng khắp, kể hai kệ tụng về bốn quán, ba là một kệ kết luận thành tựu bậc Thánh là ba nghiệp. Đầu tiên lại có hai: Một là một kệ tụng về thị hiện rộng khắp. Hai là một kệ nêu riêng sự hóa độ. Ba loại pháp giới, văn trên nêu ra thân Thánh, đến Thần Kim Cương thiếu pháp giới địa ngục. Trong này nêu ra kém so sánh với hơn, trở thành nêu ra lẫn nhau. Mỗi một thân nói pháp dựa theo bốn câu như trước. Còn văn trên dựa theo ba cõi làm sở ứng, mười phương ở đây sẽ dựa theo ba cõi để giải thích về mười phương v.v... Kể là hai bài kệ về bốn quán, lại có hai: Đầu là hạnh nguyện, kệ kể là quán thành tựu lợi ích rộng khắp. Kệ đầu lại có ba: Hai câu giải thích về quán, một câu Từ thệ, một câu khuyên nhủ quy y. Hưởng đến Chân quán, Liễu “Không” thành tựu Nhất-thiết-trí, quán Thanh tịnh ra khỏi nơi Giả và nhiễm có, không thành tựu Đạo chủng Trí. Trí tuệ rộng lớn tức là Trung đạo quán, cùng khắp đối với các pháp gọi là Quảng, hơn hẳn vượt ra hai bên gọi là Đại. Thể của Trung đạo chính là quán Trí tuệ, cho nên thể này gọi là quán Trí tuệ.

Hỏi: Vì sao gọi là Thể của Trung đạo? Đáp: Vì thuận theo ý kinh này. Kinh này hợp tịch chiếu với pháp thân làm Thể, cảm ứng làm Tông, có thể làm nên thuyết này. Ba trí thực sự ở trong một tâm, mà đạt được, không thể đồng nhất hay khác nhau.

Bi quán v.v... ấy là thệ nguyện gọi chung là Quán duyên để mà phát khởi, như mười pháp Chỉ, Quán gọi chung là Quán.

Bài kệ kể là giải thích về ích lợi, lại có hai: Hai câu trước nói về Trí quang, hai câu kể là Từ quang, phá bóng tối soi chiếu thế gian v.v... Ba là một hàng kệ kết thúc thành tựu bậc Thánh. Ba nghiệp biểu hiện ứng rõ, Giới sấm đối với thân nghiệp, “Mây từ” đối với ý nghiệp, “Mưa rơi” đối với miệng nghiệp. Giới xem xét bảy chi của thân nghiệp làm thuận tiện, giới thanh tịnh có thể dứt trừ khổ của ba đường ác, cho nên gọi là Bi thể. Thân lần lượt hiện rõ thân thông làm kinh hải rung chuyển hữu tình, lại giống như sấm chớp. Trong tâm ái niệm gọi là Từ - che phủ rộng khắp tất cả như mây, không mưu tính mà ứng hiện thích hợp không sai. Lại gọi là diệu ý nghiệp. Miệng luân giảng nói về pháp Thật tướng là mưa xuống cam lộ, ba loại cỏ, hai loại cây bình đẳng được tưới nhuần - sự nóng bức của ba hoặc được mát mẻ trong lành. Giải thích rộng về

ba Vô duyên - ba Bất hộ đều như văn trên, mỗi mỗi ứng tích, mỗi mỗi nói pháp, đều cần phải nói về pháp môn an trú của Bồ-tát Biệt giáo, Viên giáo, mới có Sự dụng. Giải thích về Phổ Môn một lần đã xong. Thứ ba là Bốn hàng kệ khuyến khích trì niệm cúng dường, lại chia làm hai: Một là hai hàng một câu khuyến khích trì niệm. Hai là một hàng ba câu khuyến khích cúng dường. Phần một lại có hai: Một là một hàng nêu ra lại miêng nghiệp cơ ứng trước đây làm lý do khuyến khích. Vì miêng nghiệp trước đây thứ nhất, nêu ra một gồm nhiếp hai, cho nên đặc biệt nêu ra. Quan tụng, quân trận: Nạn nước - lửa ít thấy, sự việc ma quỷ - hổ báo ít vận suy yếu, mới gặp sự việc tranh tụng. Nguồn gốc tranh tụng của người thế gian là do tài sắc ruộng đất nhà cửa tiêu dùng hằng ngày mà có, khuyến khích giữ gìn tức là quan trọng. Dao gậy bị bắt giam cầm có lỗi lầm mới gặp, quân trận - vườn pháp hầu hạ là việc chẳng do nơi mình. Lại còn đâm chọc giằng co nhau dao sắc dày đặt trước mắt, dao gậy văn bản thư tịch là nạn chịu chết, giặc cướp đoạt, nếu có tiền của thì không như việc quân đội, điều này cũng cần phải khuyên nhủ. Kế là một hàng một câu chính là khuyên nhủ, lại có hai: Một là ba câu dựa theo Quyền - Thật để tìm hiểu suy lường. Kế là hai câu kết thúc khuyên nhủ. Trước nêu ra Bồ-tát thật chứng thật sự ích lợi để tìm hiểu suy lường về Bốn, hơn hẳn Quyền thừa Từ trí của chín pháp giới kia, cho nên nói hơn “âm Thanh thế gian”. Chỉ có âm trần một pháp dùng thật trí Phật nhãn quán xét, tức là Thật đế Diệu âm. Quyền trí pháp nhãn quán xét, tức là Tục đế Thế âm. Đây là Thật chứng. Duyên vào Trung đạo tu Từ gọi là Phạm âm, Từ này thường cùng với cơ tụ hội gọi là Hải-triều-âm, ví như không mất đi độ thoát. Đây là thật ích. Cùng với hai là từ sanh - pháp nơi chín pháp kia tác ý ứng vật, há lại tương tự, cho nên nói là hơn hẳn sự tìm hiểu suy lường nói ở kia. Hai câu kết thúc khuyên nhủ. Đầu tiên khuyến khích thường niệm có sự lý hai hàng v.v... Nếu sự lý thực hành thành tựu, tự nhìn thấy hai thân Sắc và Pháp của Bồ-tát. Một câu trở lại khuyên nhủ chấm dứt nghi ngờ. Kế một hàng ba câu là khuyến khích cúng dường. Đầu tiên là một câu khen ngợi về ba nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát. Từ chánh mạng sanh ra cho nên nói là Tịnh Thánh, nói là cùng nhau có thể thọ nhận cúng dường. Chánh mạng Thánh pháp, người vâng lãnh pháp này cho nên gọi người là Thánh, do đó nói Tịnh Thánh Quán Âm. Kế là nêu riêng đức để làm lý do khuyến khích. Từ “Khổ não v.v...” trở xuống là hai câu tụng về đức Thí vô úy ở trên. Nơi khổ não tử ách kinh hoàng sợ hãi, thực hiện lực vô úy làm nơi nương tựa, như con thơ nương dựa cha mẹ, đâu còn gì

đáng sợ, tức là chỉ ra trước đây hiện thân Quyền Thật nói pháp là cha mẹ, che chở con cái ba thừa tránh khỏi tai ách của hai Tử. Từ “Đủ tất cả v.v...” trở xuống là ba câu nêu ra ruộng phước để khuyến khích. “Đủ tất cả công đức” là nêu ra ruộng tôn kính của Báo thân Bồ-tát, “Mắt từ nhìn chúng sanh” là nêu ra ruộng ân đức của Ứng thân, “Biển phước không lường” là khen ngợi chung về hai ruộng. Cao vượt lên như núi gọi là Tụ, sâu rộng không giới hạn gọi là Hải, cũng dựa vào hai ruộng này để khen ngợi Pháp thân. Đánh lễ chính là khuyến khích dùng ba nghiệp cúng dường, lễ tiết thân mình biểu hiện trách nhiệm, đặc biệt nêu ra chắc chắn đầy đủ ba nghiệp. Cởi chuỗi anh lạc ở văn trên, so với nay chính là đưa ra lẫn nhau mà thôi. Còn khuyến khích việc này rộng khắp tất cả đều được cúng dường. Anh lạc giá trị trăm ngàn lượng vàng người nào có thể giải thích? Lại nữa, năng nghiêm hãy còn coi trọng, sở nghiêm há lại xem thường hay sao? Quán tâm ấy thân nghiệp siêng năng thì thêm lớn phước đức cúng dường Ứng thân, miệng nghiệp siêng năng thì giảng nói Bát-nhã cúng dường Báo thân, ý nghiệp siêng năng thì linh hội nghĩa lý cúng dường Pháp thân v.v... Giải thích Kệ xong.

Tôn giả Từ Vân đời Tống chú giải riêng thành trùng tụng phụ thêm Đại Bộ xếp vào Tạng, mà phương Nam giáo uyển không lưu truyền, gần hai trăm năm rồi. Năm Giáp Ngọ niên hiệu Chí Nguyên, giáo môn nhập vào kinh, trụ tại chùa Hoằng Pháp ở Yến Thành, chờ đợi quay về phương Đông, hãy còn rất quý báo nhưng không dám tự mình giữ kín, liền khắc bản gỗ để tạo thuận lợi cho người học sau này.

Tháng Năm mùa Hạ năm Nhâm Dần, niên hiệu Đại Đức.
Hưng Nguyên trú sơn Tỳ-kheo Tánh Trừng kính ghi.

